

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GDTC – GDQP&AN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

**Học phần 1: ĐƯỜNG LỐI GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN
NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 9 NĂM 2025

Chuyên đề
ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm giáo dục quốc phòng và an ninh

Giáo dục quốc phòng và an ninh là quá trình sư phạm tổng thể, có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, phối hợp thống nhất giữa nhà giáo dục (giảng viên, giáo viên) tới đối tượng giáo dục (học sinh, sinh viên) nhằm giúp học sinh, sinh viên nắm vững những tư tưởng, quan điểm về chiến tranh cách mạng của Đảng; xây dựng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát triển các kỹ năng quân sự cần thiết để sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Với tiếp cận là quá trình sư phạm tổng thể, giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm hai quá trình bộ phận cấu thành, *đó là*: Quá trình dạy học và quá trình giáo dục, trải nghiệm quân sự, an ninh. Hai quá trình này có mối liên hệ biện chứng, tác động hỗ trợ lẫn nhau trong một thể thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục đã xác định.

Dạy học là quá trình có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch; phối hợp thống nhất giữa hoạt động của người dạy (giảng viên, giáo viên) và hoạt động của người học (học sinh, sinh viên); với chức năng trội nhằm trang bị hệ thống kiến thức, kỹ xảo, kỹ năng, phát triển tư duy sáng tạo, hình thành năng lực quân sự cho học sinh, sinh viên.

Giáo dục trải nghiệm quân sự, an ninh là quá trình có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch; phối hợp thống nhất giữa hoạt động của nhà giáo dục (giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý) và đối tượng giáo dục (học sinh, sinh viên); với chức năng trội nhằm hình thành tư tưởng, quan điểm về chiến tranh cách mạng của Đảng, xây dựng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào chiến thắng, vào đồng chí đồng đội, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Quá trình dạy học và quá trình giáo dục trải nghiệm quân sự, an ninh đều chứa được cấu thành từ các yếu tố trong mối quan hệ biện chứng tác động lẫn nhau gồm: Mục tiêu, yêu cầu; nội dung, chương trình; hình thức, phương pháp; phương tiện kỹ thuật dạy học; nhà giáo, học sinh, sinh viên và kết quả giáo dục.

Trong đó nhà giáo, nhà quản lý giáo dục và học sinh, sinh viên là hai chủ thể tác động qua lại với nhau biến quá trình giáo dục quốc phòng và an ninh vốn là yêu cầu khách quan bên ngoài chuyển thành kết quả giáo dục trong nhân cách học sinh, sinh viên và ngược lại học sinh, sinh viên là chủ thể tiếp nhận tích cực biến quá trình giáo dục thành “tự giáo dục”, thành sản phẩm “trong chính học sinh, sinh viên”. Tuy nhiên, giữa dạy học và giáo dục trải nghiệm quân sự, an ninh có những đặc điểm khác nhau. Sự khác nhau được thể hiện ở mục tiêu nội dung, phương pháp, hình thức, kết quả, hoạt động của chủ thể giáo dục, hoạt động của đối tượng giáo

dục và chức năng trội của mỗi quá trình.

2. Đối tượng nghiên cứu

Cũng như các bộ môn khoa học khác, giáo dục quốc phòng và an ninh cũng có đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục quốc phòng và an ninh là nghiên cứu quá trình hình thành, vận động phát triển, những quy luật (tính quy luật) trong hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên; nghiên cứu mối quan hệ hữu cơ tác động lẫn nhau giữa các yếu tố của quá trình tổng thể giáo dục quốc phòng và an ninh; quan hệ giữa các thành tố của các quá trình bộ phận là quá trình dạy học, quá trình trải nghiệm quân sự, an ninh.

Mặt khác, giáo dục quốc phòng và an ninh còn nghiên cứu mối quan hệ tác động của tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đối với quá trình giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên.

a) Nghiên cứu đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản VN

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh; một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, biên giới quốc gia; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Trên cơ sở lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các quan điểm của Đảng về quốc phòng và an ninh có tính kế thừa và phát triển những truyền thống quân sự độc đáo của dân tộc “cả nước một lòng chung sức đánh giặc”, “lấy ít địch nhiều”, “lấy yếu chống mạnh”. Đó cũng chính là đặc trưng nghệ thuật quân sự Việt Nam đã đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Các quan điểm của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã bám sát thực tiễn, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, kinh tế phát triển, an ninh - trật tự bảo đảm, hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế của nước ta ngày càng cao trên thế giới.

b) Nghiên cứu công tác quốc phòng và an ninh

Bao gồm nghiên cứu những vấn đề cơ bản về chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn

lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Nghiên cứu công tác quốc phòng và an ninh thực chất là nghiên cứu hệ thống quy phạm pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Mọi công dân đều có trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng và an ninh, luyện tập quân sự, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nghiên cứu và thực hiện tốt công tác quốc phòng và an ninh để xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam.

c) Nghiên cứu quân sự chung

Nghiên cứu các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ xây dựng nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng; điều lệnh đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; phòng, chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao và ba môn quân sự phối hợp.

d) Nghiên cứu kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Nghiên cứu những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo, tác dụng và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; ném lựu đạn xa trúng đích; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự và từng người làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

Kiến thức về quân sự trong môn học là những kiến thức phổ thông, sinh viên cần quan tâm nghiên cứu đặc điểm, nguyên lý cấu tạo, tính năng, tác dụng,...; hiểu rõ bản chất các nội dung kỹ, chiến thuật bộ binh và các phương pháp thực hiện, phòng tránh đơn giản sát với thực tế. Đồng thời, làm cơ sở để ứng dụng khi tham gia lực lượng dân quân tự vệ.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ nghiên cứu giáo dục quốc phòng và an ninh, bao gồm:

Nghiên cứu quá trình hình thành, vận động và phát triển giáo dục quốc phòng và an ninh; những luận cứ khoa học trong quản lý giáo dục, các chủ trương, đường lối, chính sách về giáo dục quốc phòng và an ninh.

Nghiên cứu việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá môn giáo dục quốc phòng và an ninh; những vấn đề về đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết

bị dạy học, các nguồn lực đầu tư, kinh phí cho giáo dục quốc phòng và an ninh.

Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục quốc phòng và an ninh. Nghiên cứu những vấn đề về hình thành nhân cách người chiến sỹ trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm giáo dục quốc phòng và an ninh.

Nghiên cứu những vấn đề xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục quốc phòng và an ninh, về sự chống phá của các thế lực thù địch đối với học sinh, sinh viên.

4. Mối quan hệ giữa giáo dục quốc phòng và an ninh với các môn khoa học khác

Giáo dục quốc phòng và an ninh liên quan đến nhiều ngành khoa học khác, song cơ bản liên quan trực tiếp tới các ngành như: Triết học Mác-Lênin; xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; tư tưởng Hồ Chí Minh; khoa học quân sự; khoa học an ninh; khoa học kỹ thuật quân sự; giáo dục học quân sự; tâm lý học quân sự; tâm lý học lứa tuổi, *trong đó*:

Triết học Mác-Lênin tạo cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng - lịch sử để làm rõ quá trình hình thành, vận động, phát triển của giáo dục quốc phòng và an ninh.

Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở khoa học để định hướng nghiên cứu những tư tưởng, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước trong giáo dục quốc phòng và an ninh.

Khoa học quân sự làm cơ sở để luận giải những vấn đề về bản chất chiến tranh, lịch sử nghệ thuật quân sự, chiến thuật quân sự Việt Nam, điều lệnh Quân đội.

Khoa học an ninh làm cơ sở để luận giải những vấn đề về phòng, chống ma túy, khủng bố, tội phạm, bạo lực học đường, trật tự, an toàn xã hội, an toàn an ninh mạng.

Khoa học kỹ thuật quân sự làm cơ sở để luận giải những vấn đề về nguyên lý, cấu tạo, tính năng kỹ chiến thuật của các loại binh khí, kỹ thuật.

Giáo dục học quân sự làm cơ sở khoa học để luận giải những vấn đề về dạy học, giáo dục trải nghiệm trong giáo dục quốc phòng và an ninh.

Tâm lý học quân sự làm cơ sở khoa học cho việc hình thành kỹ xảo, kỹ năng trong luyện tập kỹ thuật, chiến thuật chiến đấu bộ binh, xây dựng tính kỷ luật, đoàn kết trong tập thể, cơ chế hình thành niềm tin.

Tâm lý học lứa tuổi làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp tác động phù hợp với lứa tuổi học sinh, sinh viên.

II. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu môn này là học thuyết Mác-

Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, các vấn đề về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân,... là nền tảng thế giới quan, phương pháp luận của sự nghiên cứu, vận dụng đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và những vấn đề khác của giáo dục quốc phòng và an ninh.

Nghiên cứu giáo dục quốc phòng và an ninh dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật, biện chứng lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm về giáo dục, về quốc phòng, quân sự, an ninh của Đảng, tiếp cận hoạt động dạy học, hoạt động hình thành nhân cách người chiến sỹ của học sinh, sinh viên trong giáo dục quốc phòng và an ninh.

Quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục quốc phòng và an ninh phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm khoa học sau đây:

Quan điểm hệ thống - cấu trúc: Đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát triển các nội dung của giáo dục quốc phòng và an ninh một cách toàn diện, tổng thể trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

Quan điểm lịch sử - lôgic: Trong nghiên cứu, phải nhìn thấy sự phát triển của đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sử cụ thể để từ đó giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng đắn những quy luật, nguyên tắc của hoạt động quốc phòng và an ninh.

Quan điểm thực tiễn: Phải bám sát thực tiễn xây dựng Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

2. Các phương pháp nghiên cứu

Là một bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu rất rộng, nội dung nghiên cứu đa dạng, được cấu trúc theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp và luôn có sự kế thừa, phát triển. Vì vậy, khi tiếp cận nghiên cứu phải được vận dụng với nhiều phương pháp, cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Gồm phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, mô hình hóa, giả thuyết... nhằm thu thập thông tin trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về quốc phòng và an ninh để rút ra kết luận.

Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Gồm quan sát, điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm quốc phòng và an ninh, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm... nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn, từ đó khái quát bản chất, quy luật hoạt động của quốc phòng và an ninh không ngừng bổ sung cũng như kiểm định tính đúng đắn của nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh.

Phương pháp nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng: Gồm phương pháp dạy học

lý thuyết và thực hành nhằm đảm bảo cho học sinh, sinh viên nắm được đường lối, nghệ thuật quân sự, nắm chắc lý thuyết, kỹ thuật và chiến thuật, rèn luyện các kỹ năng thao tác, hành động quân sự. Cần chú ý sử dụng phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, tranh luận sáng tạo tăng cường thực hành rèn luyện sát thực tế chiến đấu. Tổ chức tham quan, viết thu hoạch, tiểu luận, sử dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại phục vụ trong giảng dạy nâng cao chất lượng học tập.

Ngoài các phương pháp cơ bản trên, giáo dục quốc phòng và an ninh còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như: Phương pháp quan sát; phương pháp tọa đàm, phỏng vấn; phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi; phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động; phương pháp thực nghiệm sư phạm và phương pháp tổng kết kinh nghiệm sư phạm.

III. ĐẶC ĐIỂM, CHƯƠNG TRÌNH, TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Đặc điểm môn học

Là môn học được luật định, thể hiện rõ đường lối giáo dục của Đảng được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Có sự kế thừa và phát huy kết quả thực hiện chương trình huấn luyện quân sự phổ thông (1961), giáo dục quốc phòng (1991), quy chế giáo dục và đào tạo trình độ đại học (2000) và nghị định của chính phủ về giáo dục quốc phòng năm 2007...

Là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật quân sự có tỷ lệ lý thuyết chiếm trên 70% chương trình.

Giáo dục quốc phòng và an ninh góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học ngay khi sinh viên đang học tập tại trường và khi ra công tác, góp phần đào tạo cho đất nước đội ngũ cán bộ có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên mọi cương vị công tác.

2. Chương trình môn học

Theo *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 4 học phần, thời lượng 165 tiết, *cụ thể:*

Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng (3 tín chỉ = 45 tiết).

Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh (2 tín chỉ = 30 tiết).

Học phần III: Quân sự chung (1 tín chỉ = 30 tiết).

Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (2 tín chỉ = 60 tiết).

3. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

a) Tổ chức dạy học

Theo Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 30/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê*

duyet quy hoạch Hệ thống Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2015-2020 và những năm tiếp theo; Quyết định số 1841/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Bổ sung quy hoạch Hệ thống Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021-2031, tầm nhìn đến năm 2050: Các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh sinh viên; các trung tâm thuộc các trường quân sự quân khu, thành phố; các khoa, tổ bộ môn trong các trường đại học, cao đẳng có đủ điều kiện.

b) Đánh giá kết quả

Sinh viên chấp hành nghiêm kỷ luật trong quá trình học và phải đảm bảo tối thiểu 80% thời lượng học tập trên lớp đối với tất cả các học phần, hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định.

Kết quả đánh giá các học phần không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành chương trình, xét học bổng, xét tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

4. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn môn học giáo dục quốc phòng và an ninh

Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo *Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cụ thể như sau:*

a) Đối tượng được miễn học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

Học sinh, sinh viên có giấy chứng nhận sỹ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp sỹ quan do các trường quân đội, công an cấp.

Học sinh, sinh viên đã có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh tương ứng với trình độ đào tạo.

Học sinh, sinh viên là người nước ngoài.

b) Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh, gồm: Học sinh, sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10

c) Đối tượng được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự

Học sinh, sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

Học sinh, sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn tham gia nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành.

Học sinh, sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trong Quân đội Nhân dân và Công an Nhân dân.

Học sinh, sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ

Việt Nam năm 2019.

d) Đối tượng được tạm hoãn học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

Học sinh, sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi học sinh, sinh viên điều trị.

Học sinh, sinh viên là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

Giám đốc, hiệu trưởng các cơ sở giáo dục xem xét miễn, giảm, tạm hoãn môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định của thông tư. Hết thời gian tạm hoãn, các cơ sở giáo dục bố trí cho học sinh, sinh viên vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình.

5. Ý nghĩa và yêu cầu môn học đối với học sinh, sinh viên

Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học lồng ghép đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở; môn học chính khóa đối với học sinh, sinh viên các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học giúp học sinh, sinh viên nắm được những kiến thức lý luận về đường lối, tư tưởng, quan điểm về quốc phòng, quân sự, an ninh trong chuẩn bị và tiến hành chiến tranh cách mạng của Đảng, xây dựng lòng tự hào, tự tôn dân tộc, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có kỹ năng quân sự cần thiết để sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, không lơ là, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

Trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng ban đầu đã đạt được giúp học sinh, sinh viên có lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy lòng yêu nước, sống có ý thức, có kỷ luật, có nền nếp, chấp hành nghiêm pháp luật, ý thức trách nhiệm với đồng chí, đồng đội, xây dựng tình đoàn kết gắn bó trong tập thể.

Để học tốt môn học, đòi hỏi học sinh, sinh viên cần nắm vững quan điểm của Đảng, tích cực học tập, tự học, tự rèn, vượt qua khó khăn, biết ghép mình vào tập thể mới đạt được kết quả cao.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vì sao sinh viên phải học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh? Trách nhiệm của học sinh, sinh viên khi tham gia môn học này?
 2. Đối tượng nghiên cứu của môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh?
 3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của môn học?
-

Chuyên đề
QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

I. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh

a) Chiến tranh là một hiện tượng chính trị - xã hội

Chiến tranh là một trong những vấn đề phức tạp, trước C.Mác đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến vấn đề này, song đáng chú ý nhất là tư tưởng của C.Ph.Claudovít (1780-1831), ông quan niệm: Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình. Chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Ở đây, C.Ph.Claudovít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên, C.Ph.Claudovít chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã kế thừa tư tưởng đó và đi đến khẳng định: Chiến tranh là hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định.

Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chiến tranh là kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

b) Nguồn gốc ra đời chiến tranh

Với thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, cùng với sự kết hợp sáng tạo phương pháp logic và lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen lần đầu tiên trong lịch sử đã luận giải một cách đúng đắn về nguồn gốc ra đời chiến tranh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định: Sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế) suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Thực tiễn hình thành và phát triển xã hội loài người đã chứng minh cho nhận định trên. Trong tác phẩm: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ph.Ăngghen

chỉ rõ: “Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị - xã hội cũng chưa xuất hiện”. Mặc dù ở thời kỳ này đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang. Nhưng đó không phải là một cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng “lao động thời cổ”. Bởi vì, xét về mặt xã hội, xã hội cộng sản nguyên thủy là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế, không có của “dư thừa tương đối” để người này có thể chiếm đoạt lao động của người khác, mục tiêu các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như: Nguồn nước, bãi cỏ, vùng săn bắn hay hang động,... Về mặt kỹ thuật quân sự, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Tất cả các thành viên của bộ lạc với mọi công cụ lao động thường ngày đều tham gia vào cuộc xung đột đó. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên, tự phát. Theo đó, Ph.Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển, chiến tranh trở thành “bạn đường” của mọi chế độ tư hữu.

Phát triển những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, V.I.Lênin chỉ rõ: Trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc.

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và áp bức bóc lột, chiến tranh không phải là một định mệnh gắn liền với con người và xã hội loài người. Muốn xóa bỏ chiến tranh phải xóa bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

c) Bản chất chiến tranh

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo V.I.Lênin: “Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác” (cụ thể là bằng bạo lực). Theo V.I.Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể.

Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin: “Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế”, “Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc”, chính trị là sự thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội.

Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị chỉ đạo toàn bộ hoặc phần lớn tiến trình và kết cục của chiến tranh, chính trị quy định mục tiêu và điều chỉnh mục tiêu, hình

thức tiến hành đấu tranh vũ trang. Chính trị không chỉ kiểm tra toàn bộ quá trình tác chiến, mà còn sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra những nhiệm vụ, những mục tiêu mới cho giai cấp, xã hội trên cơ sở thắng lợi hay thất bại của chiến tranh.

Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được tiếp tục thực hiện trong chiến tranh. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực; hoặc tích cực ở khâu này nhưng lại tiêu cực ở khâu khác. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến. Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tình hình xã hội, nó làm phức tạp hoá các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp. Chiến tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tình thế cách mạng, chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị xã hội.

Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị “song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định. Đường lối chính trị của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị” của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

a) Bản chất, quy luật, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội

Trên cơ sở lập trường duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã sớm đánh giá đúng đắn bản chất, quy luật của chiến tranh tác động đến bản chất đời sống của xã hội.

Khi nói đến bản chất của chủ nghĩa đế quốc Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh “con đĩa 2 vôi”, một vôi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vôi hút máu nhân dân lao động thuộc địa.

Xác định tính chất xã hội của chiến tranh, phân tích tính chất chính trị xã hội của chiến tranh xâm lược thuộc địa, chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc.

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Hồ Chí Minh khẳng định: Ngày nay chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.

Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để “xây dựng lâu thắng lợi”. Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ...

Trên cơ sở đánh giá đúng bản chất, quy luật, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại, cuộc chiến tranh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền và thống nhất đất nước.

b) Tính chất xã hội của chiến tranh

Chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Phương pháp tiến hành cuộc chiến tranh chính nghĩa: dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Sức mạnh của bạo lực cách mạng là toàn dân.

Tính chất xã hội của chiến tranh Hồ Chí Minh xác định: Chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa. Để chống lại cuộc chiến tranh phi nghĩa đó phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, nhưng bạo lực cách mạng đó phải được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

c) Chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để “xây dựng lâu thắng lợi”. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân là một trong những di sản quý báu của Người. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh trình bày một cách giản dị, dễ hiểu nhưng sinh động và rất sâu sắc.

Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” chống thực dân Pháp ngày 19/12/1946: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc.... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

Để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: “Ba mươi một triệu đồng bào ta ở cả hai Miền, bất kỳ già trẻ, gái trai, phải là ba mươi một triệu chiến sỹ anh dũng diệt Mỹ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: quân sự; chính trị; kinh tế; văn hóa...

Sự khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là một sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác-Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lý luận Mác-xít về chiến tranh nhân dân trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

II. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUÂN ĐỘI

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quân đội

a) Khái niệm quân đội

Theo Ph.Ăngghen: “*Quân đội là một tập đoàn người vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự*”.

Như vậy, quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định, là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu nhất, là lực lượng nòng cốt để nhà nước, giai cấp tiến hành chiến tranh và đấu tranh vũ trang. V.I.Lênin nhấn mạnh: “Chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện quân sự chủ yếu để đạt mục đích chính trị, đối ngoại là tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước”.

b) Nguồn gốc ra đời của quân đội

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ít nhà lý luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới lý giải đúng đắn và khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của Quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định: “Quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội”. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động, giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

Như vậy chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời quân đội. Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột

thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

c) Bản chất giai cấp của quân đội

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định: Bản chất của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, một nhà nước nhất định, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng nó; quân đội mang bản chất giai cấp sâu sắc.

Bản chất của quân đội phụ thuộc vào bản chất của nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và xây dựng theo đường lối quan điểm chính trị, quân sự của giai cấp mình. Đó là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước đã tổ chức ra nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp của quân đội tương đối ổn định nhưng không phải là bất biến, bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị, xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ nội bộ trong quân đội. Sự thay đổi bản chất giai cấp của quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ.

Hiện nay, luận điểm của các học giả tư sản là “phi chính trị hóa quân đội”, cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Luận điểm “phi chính trị hóa quân đội”, với mục đích làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hóa về chính trị tư tưởng, làm phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. “Phi chính trị hóa quân đội” là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc.

d) Sức mạnh chiến đấu của quân đội

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ănggen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Con người, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự, huấn luyện, tổ chức biên chế... Bảo vệ và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ănggen, V.I.Lênin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, giữa các yếu tố có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó yếu tố chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. V.I.Lênin đã khẳng định: “Trong mọi cuộc chiến tranh rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường”.

Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin

V.I.Lênin kế thừa, bảo vệ và phát triển lý luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về quân đội và vận dụng thành công trong xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá nước Nga Xô-viết. Để bảo vệ thành quả cách mạng, V.I. Lênin yêu cầu phải giải tán quân đội cũ và thành lập quân đội kiểu mới (Hồng quân) của giai cấp vô sản. V.I.Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc cơ

bản trong xây dựng quân đội kiểu mới, đó là: Đảng Cộng sản lãnh đạo Hồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân; đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân; trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản; xây dựng chính quy; không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức; phát triển hài hoà các quân chủng, binh chủng; sẵn sàng chiến đấu. Trong đó, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định đến sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hồng quân.

Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I.Lênin vẫn giữ nguyên giá trị. Là cơ sở lý luận khoa học cho các Đảng Cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

a) Khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam

Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Người viết: “Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức”.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội ta hiện nay được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức, nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức ra bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Để thực hiện được mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vệ đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành Quân đội Nhân dân. Quân đội Nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Quá trình xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của Quân đội ta luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thăng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hy sinh to lớn mà phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao.

b) Quân đội Nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân

Ngay từ khi mới thành lập mặc dù đại bộ phận cán bộ chiến sỹ xuất thân từ nông dân nhưng tất cả họ đều là những người có lòng yêu nước mãnh liệt, trí căm thù giặc sâu sắc. Trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội họ không ngừng được nâng cao giác ngộ cách

mạng, chuyển từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp, từ tinh thần độc lập dân tộc lên ý thức xã hội chủ nghĩa, chuyển lập trường của giai cấp xuất thân sang lập trường của giai cấp công nhân để xem xét giải quyết đánh giá công việc. Sự thống nhất hữu cơ trên, từ nét đặc thù về chế độ chính trị, bản chất nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội. Quân đội Nhân dân Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng Cộng sản Việt Nam - Người đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân dân, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội. Bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân, đế quốc xâm lược. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện.

Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày 22/12/1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: “Quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam, cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ”. Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí của bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta.

Trong bài nói chuyện tại buổi chiêu đãi mừng Quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22/12/1964, một lần nữa Hồ Chí Minh lại khẳng định, bản chất của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. Người viết: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Quân đội Nhân dân Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và lịch sử đấu tranh dựng nước gắn liền với giữ nước oanh liệt. Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

c) Khẳng định, Quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu

Đây là một trong những công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lý luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển

quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Trong bài *Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt ngày 03/3/1952*, Người viết: “Quân đội ta là Quân đội Nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác”.

d) Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội là một nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản

Bắt nguồn từ nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công cụ đặc biệt này để nó thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh giai cấp, kể cả tiến hành chiến tranh. Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong suốt quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự chăm lo đặc biệt đối với quân đội.

Điều này được thể hiện rõ nét trong cơ chế lãnh đạo: Tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, Quân đội Nhân dân Việt Nam trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo nên những thế hệ “Bộ đội cụ Hồ”, một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới. Như vậy, nếu không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa thì Quân đội Nhân dân Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lý tưởng chiến đấu của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một Quân đội Nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục”.

d) Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội

Mục tiêu lý tưởng chiến đấu của quân đội ta là thực hiện mục tiêu lý tưởng các mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc: Giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Nhiệm vụ của quân đội ta hiện nay là phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng và của quân đội, ngoài nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây dựng đất nước, sản xuất ra của cải vật chất và tiến hành công tác huấn luyện. Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột. Quân đội ta có ba chức năng: Là đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân sản xuất. Ba chức năng đó phản ánh cả mặt

đối nội, đối ngoại của quân đội.

Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lý luận, chính trị - tư tưởng, văn hoá; là đội quân sản xuất, quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho bộ đội, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển, đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh; là đội quân công tác, quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn quá trình xây dựng, chiến đấu, chiến thắng và trưởng thành của quân đội ta đã chứng minh: Quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc ba chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiển hách trong chiến tranh giải phóng. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội có vai trò hết sức nặng nề. Quân đội luôn phải là đội quân cách mạng, lực lượng chính trị, công cụ vũ trang sắc bén của Đảng, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ... Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với tình hình mới.

III. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN

Tổ quốc bao giờ cũng gắn với nhà nước và giai cấp thống trị xã hội. Vấn đề Tổ quốc của giai cấp nào và giai cấp nào không có tổ quốc. Theo nghĩa đó mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không có Tổ quốc”. Trong điều kiện lịch sử cụ thể, thời C.Mác, Ph.Ăngghen, vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chưa được đặt ra một cách trực tiếp. Bài học kinh nghiệm của Công xã Paris có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành chính quyền, nhưng mới chỉ là ý kiến ban đầu về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một cống hiến mới của V.I.Lênin vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đặt ra trực tiếp ở nước Nga Xô-viết.

a) Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp công nhân

Trong điều kiện giai cấp tư sản nắm chính quyền, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ ra rằng, giai cấp công nhân phải đấu tranh trở thành giai cấp dân tộc, khi ấy chính giai cấp công nhân là người đại diện cho Tổ quốc, họ có nhiệm vụ phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

V.I.Lênin là người có công đóng góp to lớn trong việc bảo vệ và phát triển học thuyết về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Người khẳng định: “Kể từ ngày 25 tháng Mười năm 1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành “bảo vệ Tổ quốc”, nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tư cách là Tổ quốc”.

Ngay sau khi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động được thiết lập thì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng bắt đầu hình thành. Giai cấp công nhân bắt tay vào công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, xã hội - xã hội chủ nghĩa. Cùng với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng được đặt ra một cách trực tiếp, nó trở thành nhiệm vụ chiến lược của các nước xã hội chủ nghĩa hai nhiệm vụ chiến lược này gắn bó hữu cơ với nhau trong suốt quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc

Ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX, V.I.Lênin đã chỉ ra, do quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc mà chủ nghĩa xã hội có thể giành thắng lợi không đồng thời ở các nước. Do đó, trong suốt thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi thế giới, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai chế độ xã hội đối lập nhau cùng tồn tại và đấu tranh với nhau hết sức quyết liệt.

Xuất phát từ bản chất, âm mưu của kẻ thù và thực tiễn cách mạng thế giới

Sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp tư sản trong nước tuy đã bị đánh đổ về mặt chính trị, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tham vọng muốn quay trở lại địa vị thống trị đã mất. Do vậy, chúng tìm mọi cách liên kết với các phần tử phản động và chủ nghĩa tư bản bên ngoài hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ của giai cấp công nhân. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng, từ khi Tổ quốc xã hội chủ nghĩa xuất hiện, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa phải đương đầu chống trả những âm mưu và hành động lật đổ, xâm lược của kẻ thù bên trong và bên ngoài. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, mười bốn nước đế quốc tập trung bao vây hòng tiêu diệt nước Nga Xô-viết.

Từ khi chủ nghĩa xã hội phát triển thành hệ thống trên thế giới, sự chống phá của kẻ thù càng quyết liệt hơn. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là một tổn thất của phong trào cách mạng thế giới, song nó cũng để lại cho các nước xã hội chủ nghĩa còn lại

những bài học đắt giá rằng: Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải luôn gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Có như vậy, Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mới tồn tại và phát triển. Thực tiễn trên đây một lần nữa đã chứng minh cho luận điểm của V.I.Lênin rằng: “Giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó khăn hơn”.

b) Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Trong những năm đầu của chính quyền Xô-viết, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo xây dựng đất nước, chống lại sự chống phá của kẻ thù trong nước và sự can thiệp của đế quốc bên ngoài. Đó là những năm tháng cực kỳ gian khổ, khó khăn, Người chỉ rõ: “Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”. V.I.Lênin luôn nhắc nhở mọi người phải luôn nêu cao cảnh giác, đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không chủ quan, phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng. Người luôn lạc quan tin tưởng về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người khẳng định: “Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy rằng họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô-viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ đảm bảo cho họ cũng như con cái họ có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hoá, mọi thành quả lao động của con người”.

c) Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin đã khẳng định: “Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chuẩn bị chu đáo và kiên quyết”. V.I.Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ Tổ quốc như: Củng cố chính quyền Xô-viết các cấp; bài trừ nội phản, tiêu diệt bọn bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hoá, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; hết sức chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. V.I.Lênin cùng Đảng Bôn-xê-vích Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hoà bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh thực sự của nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

d) Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

V.I.Lênin chỉ ra rằng: Đảng Cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ đảng viên gương mẫu hy sinh. Trong quân đội, chế độ chính uỷ được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ đại biểu ưu tú của công nông, thực chất đó là đại diện

của Đảng, để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội. Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng là nguyên tắc cao nhất, là nguồn gốc sức mạnh vững chắc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự vận dụng sáng tạo Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin vào tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

a) Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan

Tính tất yếu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc và kiên quyết. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946, Người nói: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!...”. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân đế quốc và bọn phản động tay sai, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hồ Chí Minh đã chỉ ra một chân lý rằng: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. “Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi”, trước khi đi xa, trong bản di chúc Người căn dặn: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài, đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”. Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân Việt Nam. Trong Bản Tuyên ngôn độc lập, Người khẳng định: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Người kêu gọi: “Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc”.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa.

c) Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với

sức mạnh thời đại

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: “Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá - xã hội, sức mạnh truyền thống với hiện đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”.

So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người phân tích: “Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng”. Để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh dân dân, xây dựng Quân đội Nhân dân, coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người căn dặn: “Chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hoà bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

d) Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phải do Đảng lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Đảng và Chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên xã hội chủ nghĩa, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, góp phần bảo vệ công cuộc hoà bình ở Á Đông và trên thế giới” và Người khẳng định: “Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ, với sự đoàn kết nhất trí, lòng tin tưởng vững chắc và tinh thần tự lực cánh sinh của mình, sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, với sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới nhất là nhân dân các nước Á-Phi, nhân dân ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn; làm tròn được nhiệm vụ vẻ vang mà Đảng và Chính phủ đã đề ra”. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện được thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung chiến lược sau đây:

Một là, xây dựng tiềm lực toàn diện của đất nước, đặc biệt tiềm lực kinh tế, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng Quân đội Nhân dân và Công an Nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện

đại.

Ba là, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, chủ động đánh thắng định trong mọi hoàn cảnh, tình huống chiến tranh.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc.

Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lý luận để các Đảng Cộng sản đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong thời đại hiện nay tình hình thế giới, khu vực và trong nước đang có nhiều biến đổi và diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, cho đến ngày nay những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc vẫn còn nguyên giá trị.

Vì vậy, nghiên cứu và nắm vững những nội dung cơ bản trên, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Sinh viên là lớp trí thức trẻ, cần nghiên cứu nhận thức đúng đắn nội dung trên, xây dựng thế giới quan khoa học, niềm tin và trách nhiệm của mình góp phần tích cực vào bảo vệ, phát triển những nội dung đó trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh?
 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội?
 3. Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?
 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?
 5. Quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới?
-

Chuyên đề

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. VỊ TRÍ, ĐẶC TRƯNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

1. Vị trí

a) Một số khái niệm cơ bản

Quốc phòng toàn dân: Là nền quốc phòng mang tính chất “vì dân, do dân, của dân”, phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hoà bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc, phản động; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường.

An ninh nhân dân: Là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng an ninh nhân dân làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách, nhằm đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, cùng với quốc phòng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam có vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh quốc gia có nhiệm vụ: Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân.

Nền an ninh là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh nhân dân làm nòng cốt.

b) Vị trí, vai trò

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh là tạo ra sức mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Trung ương 8, Khóa IX về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, Đảng ta đã khẳng định: “Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng và an ninh, coi đó là nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”.

2. Đặc trưng

a) Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng

Đặc trưng thể hiện sự khác nhau về bản chất trong xây dựng nền quốc phòng, an ninh của những quốc gia có độc lập chủ quyền đi theo con đường xã hội chủ nghĩa với các nước khác. Chúng ta xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh là để tự vệ, chống lại thù trong, giặc ngoài, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh

thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

b) Đó là nền QP, AN vì dân, của dân và do toàn thể nhân dân tiến hành

Đặc trưng vì dân, của dân, do dân của nền quốc phòng, an ninh nước ta là thể hiện truyền thống, kinh nghiệm của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Đặc trưng “vì dân, của dân, do dân” và mục đích tự vệ của nền quốc phòng, an ninh cho phép ta huy động mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng đều thực hiện xây dựng nền quốc phòng, an ninh và đấu tranh quốc phòng, an ninh. Đồng thời, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân.

c) Đó là nền QP, AN có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành

Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh nước ta tạo thành bởi rất nhiều yếu tố như chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, khoa học, quân sự, an ninh,... cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại, trong đó những yếu tố bên trong của dân tộc bao giờ cũng giữ vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để nhân dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

d) Nền quốc phòng, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại

Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được sức mạnh của toàn dân về mọi mặt chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, khoa học. Phải kết hợp hữu cơ giữa quốc phòng và an ninh với các mặt hoạt động xây dựng đất nước, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền quốc phòng, an ninh toàn diện phải đi đôi với xây dựng nền quốc phòng, an ninh hiện đại là một tất yếu khách quan. Xây dựng Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân từng bước hiện đại. Kết hợp giữa xây dựng con người có giác ngộ chính trị, có tri thức với vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại. Phát triển công nghiệp quốc phòng, từng bước trang bị hiện đại cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với tăng cường quốc phòng và an ninh.

e) Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân

Nền quốc phòng và nền an ninh nhân dân của chúng ta đều được xây dựng nhằm mục đích tự vệ, đều phải chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Giữa nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân chỉ khác nhau về phương thức tổ chức lực lượng, hoạt động cụ thể, theo mục tiêu cụ thể được phân công mà thôi. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh phải thường xuyên và tiến hành đồng bộ, thống nhất từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, hoạt động của cả nước cũng như từng vùng, miền, địa phương, mọi ngành, mọi cấp.

II. XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN VỮNG MẠNH ĐỂ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hoà bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa với phương châm “bảo vệ từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình”, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá, xã hội; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay

Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Lực lượng quốc phòng, an ninh là những con người, tổ chức và những cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh. Từ đặc trưng của nền quốc phòng, an ninh ở nước ta thì lực lượng quốc phòng, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bao gồm lực lượng toàn dân (lực lượng chính trị) và lực lượng vũ trang nhân dân.

Lực lượng chính trị bao gồm các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và những tổ chức khác trong đời sống xã hội đã được phép thành lập và quản chúng nhân dân. Lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm: Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân và Dân quân tự vệ.

Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh

Tiềm lực quốc phòng, an ninh là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ; tiềm lực quân sự, an ninh. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.

a) Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần

Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí, quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, tình huống. Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực quân sự, an ninh.

Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần tập trung: Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh.

b) Xây dựng tiềm lực kinh tế

Tiềm lực kinh tế của nền phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho quốc phòng, an ninh và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về kinh tế của đất nước. Do đó, cần tập trung vào: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an.

Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

c) Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ

Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động để phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Tiềm lực khoa học, công nghệ được biểu hiện ở: Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của quốc phòng, an ninh,...

Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là tạo nên khả năng về khoa học, công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Do đó, phải huy động tổng lực các khoa học, công nghệ quốc gia, trong đó khoa học quân sự, an ninh làm nòng cốt để nghiên cứu các vấn đề về quân sự, an ninh, về sửa chữa, cải tiến, sản xuất các loại vũ khí trang bị. Đồng thời phải thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật.

d) Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh

Tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự, an ninh được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân; nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, an ninh, cho chiến tranh. Tiềm lực quân sự, an ninh là nhân tố cơ bản, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của Nhà nước giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

Tiềm lực quân sự, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ. Do đó, xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh, cần tập trung vào: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh toàn diện. Gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng vũ trang nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu chuẩn bị đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến. Tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Xây dựng thế trận QPTD, ANND vững chắc

Thế trận quốc phòng, an ninh là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gồm:

Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước. Xây dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thế trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) tạo nền tảng của thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Triển khai các lực lượng trong thế trận; tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình quốc phòng, an ninh.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHÍNH XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN HIỆN NAY

1. Luôn luôn thực hiện tốt giáo dục quốc phòng và an ninh

Thực hiện Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị, Nghị định 116/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về “Giáo dục quốc phòng và an ninh”, Chỉ thị số 417/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2010 và những năm tiếp theo”. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; âm mưu, thủ đoạn của địch; đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Làm cho mọi người, mọi tổ chức biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Cụ thể hoá các nội dung lãnh đạo về quốc phòng và an ninh và bổ sung cơ chế hoạt động của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đặc biệt chú trọng khi xử trí các tình huống phức tạp. Điều chỉnh cơ cấu quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh của bộ máy Nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Tổ chức phân công cán bộ chuyên trách để phát huy vai trò làm tham mưu trong tổ chức, thực hiện công tác quốc phòng, an ninh. Chấp hành nghiêm Nghị quyết 51-NQ/TW ngày 20/7/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính uỷ, chính trị viên trong Quân đội Nhân dân Việt Nam” và Nghị định số 03/2019/NĐ-CP (ngày 05/9/2019) về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng.

3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi và khả năng của mình. Đối với sinh viên, phải tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức quốc phòng, an ninh, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập các kỹ năng quân sự, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về quốc phòng, an ninh do nhà trường, xã, phường, thị trấn triển khai.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân?
2. Trình bày mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

vững mạnh?

3. Tại sao xây dựng tiềm lực chính trị tinh - thần vững mạnh có tác động to lớn đến xây dựng các tiềm lực khác? Liên hệ trách nhiệm sinh viên.

Chuyên đề **CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BVTQ

1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

a) Mục đích của chiến tranh nhân dân

Chiến tranh nhân dân Việt Nam là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực quốc phòng, an ninh, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

b) Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

Đối tượng tác chiến: Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động có hành động phá hoại, xâm lược lật đổ cách mạng, hiện nay chúng đang thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và sẵn sàng sử dụng lực lượng vũ trang hành động quân sự can thiệp khi có thời cơ.

Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta

Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công quân sự từ bên ngoài vào với hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong. Đồng thời, kết hợp với các biện pháp phi vũ trang để lừa bịp dư luận. Lực lượng tham gia với quân đông, vũ khí trang bị hiện đại.

Khi tiến công thường trong giai đoạn đầu sẽ bao vây, phong tỏa sau sử dụng hỏa lực đánh bất ngờ, ồ ạt. Giai đoạn thực hành thôn tính lãnh thổ có thể đồng thời hỗ trợ của bạo loạn lật đổ ở bên trong của các lực lượng phản động và sử dụng các biện pháp chính trị, ngoại giao để lừa bịp dư luận.

Khi tiến hành chiến tranh xâm lược địch có điểm mạnh, yếu sau:

Mạnh: Có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, kinh tế và tiềm lực khoa học công nghệ. Có thể cấu kết được với lực lượng phản động nội địa, thực hiện trong đánh ra, ngoài

đánh vào.

Yếu: Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn bị nhân loại phản đối. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, chống xâm lược, chắc chắn sẽ làm cho chúng bị tổn thất nặng nề, đánh bại xâm lược của địch. Địa hình thời tiết nước ta phức tạp khó khăn cho địch sử dụng phương tiện, lực lượng.

2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc

a) Tính chất

Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng.

Là cuộc chiến tranh mang tính hiện đại (hiện đại về vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật quân sự).

b) Đặc điểm của chiến tranh nhân dân

Chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới có những đặc điểm cơ bản sau:

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Do vậy, chúng ta có thể tập hợp, động viên và phát huy cao độ, đồng đạo được sức mạnh của toàn dân cả nước, chung sức đánh giặc.

Trong cuộc chiến tranh, nhân dân ta phải bảo vệ được độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, cuộc chiến tranh mang tính độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời cũng được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, tạo sức mạnh tổng hợp của quốc gia và quốc tế, dân tộc và thời đại để đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

Chiến tranh diễn ra khốc liệt, quyết liệt phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, địch sẽ thực hiện phương châm chiến lược đánh nhanh giải quyết nhanh. Quy mô chiến tranh có thể lớn và ác liệt ngay từ đầu. Kết hợp tiến công hoà lực với tiến công trên bộ, tiến công từ bên ngoài kết hợp với bạo loạn lật đổ ở bên trong và bao vây phong toả đường không đường biển và đường bộ để nhằm tới mục tiêu chiến lược trong thời gian ngắn.

Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ ngày đầu và lâu dài.

II. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TRONG CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Từ trong thực tiễn, Đảng ta nhận định: “Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ còn xảy ra nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp”. Nếu đất nước phải đối mặt với một cuộc chiến tranh xâm lược mới của kẻ thù, chúng ta cần nắm vững một số quan điểm cơ bản của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

a) Vị trí: Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt, thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh. Khẳng định, đây là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân với tinh thần đầy đủ nhất. Là điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh.

b) Nội dung thể hiện

Trong điều kiện mới, ta vẫn phải “lấy nhỏ thắng lớn”, “lấy ít địch nhiều”, để đánh thắng những đội quân mạnh hơn ta gấp nhiều lần, Đảng ta không chỉ dựa vào lực lượng vũ trang mà phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc...

Động viên toàn dân đánh giặc, chúng ta phải động viên và tổ chức quần chúng cùng lực lượng vũ trang nhân dân trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống lại chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, bằng những cách đánh độc đáo, sáng tạo...

Toàn dân đánh giặc phải có lực lượng nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân: Dân quân tự vệ, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở; bộ đội địa phương và dân quân tự vệ làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương. Bộ đội chủ lực cùng lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước.

Tiến hành chiến tranh toàn dân, đó là truyền thống, đồng thời là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh của dân tộc ta chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn ta nhiều lần. Tổ tiên ta đã tiến hành chiến tranh nhân dân để đánh thắng các triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược, cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc ta đã đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống ấy lên một trình độ mới phù hợp với điều kiện mới, thực hiện chiến tranh toàn dân đánh thắng cuộc tiến công xâm lược của địch.

c) Biện pháp thực hiện

Tăng cường giáo dục quốc phòng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng. Không ngừng chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn

diện, đặc biệt là chất lượng chính trị. Không ngừng nghiên cứu nghệ thuật quân sự, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển nghệ thuật quân sự lên một tầm cao mới. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc...

2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

a) *Vị trí*: Quan điểm trên có vai trò quan trọng, vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể để giành thắng lợi trong chiến tranh.

b) *Nội dung*

Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện đối với sức mạnh vật chất tinh thần của quốc gia, nhưng chiến tranh của ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng. Để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân, đánh bại chiến tranh tổng lực của địch, chúng ta phải đánh địch trên tất cả các mặt trận: Quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, tư tưởng... Mỗi mặt trận đấu tranh đều có vị trí quan trọng của nó.

Tất cả các mặt trận đấu tranh trên phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự giành thắng lợi trên chiến trường và cùng với đấu tranh quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn giành thắng lợi cho cuộc chiến tranh.

Truyền thống và kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước trong lịch sử ông cha ta cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, chứng tỏ nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện, đấu tranh với địch trên nhiều mặt nhưng chủ yếu đã đánh địch và thắng địch trên mặt trận quân sự, nhờ đó mà nhân dân ta đã giành được thắng lợi, giành và giữ nền độc lập dân tộc. Tình hình thế giới ngày nay diễn biến phức tạp và có những thay đổi sâu sắc, đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng nỗ lực phấn đấu làm thất bại âm mưu và các mục tiêu chiến lược của địch, giành thắng lợi toàn diện cho chiến tranh.

c) *Biện pháp*

Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng, tạo thế và lực cho từng mặt trận đấu tranh tạo nên sức mạnh, trước mắt đấu tranh làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch.

Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành đấu tranh trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt đồng thời có nghệ thuật chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh trong từng giai đoạn cũng như quá trình phát triển của chiến tranh. Song, phải luôn quán triệt, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để kết thúc chiến tranh.

3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

Kẻ thù xâm lược nước ta là nước lớn, có quân đông, trang bị vũ khí, kỹ thuật cao, có tiềm lực kinh tế quân sự mạnh hơn ta nhiều lần. Chúng dựa vào sức mạnh quân sự ưu thế áp đảo đối với ta để thực hiện “đánh nhanh, giải quyết nhanh” theo học thuyết tác chiến “không - bộ - biển” nhằm đạt mục đích chiến tranh xâm lược.

Vì vậy, trước hết ta phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực đủ sức đánh được lâu dài, ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động đối phó và giành thắng lợi trong thời gian cần thiết. Trên cơ sở đó ta mới dồn sức để rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt. Ta kiên quyết ngăn chặn địch không cho chúng mở rộng để thu hẹp không gian của chiến tranh. Mặt khác cũng phải chuẩn bị sẵn sàng để thắng địch trong điều kiện chiến tranh mở rộng.

4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

Đây là một kinh nghiệm đồng thời là truyền thống chống giặc ngoại xâm trước kia cũng như trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nếu chiến tranh xảy ra, chúng ta phải tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, cuộc chiến đó sẽ diễn ra quyết liệt ngay từ đầu. Quy mô chiến tranh, thương vong về người, tiêu hao về vật chất kỹ thuật sẽ rất lớn, nhu cầu bảo đảm cho chiến tranh và ổn định đời sống nhân dân đòi hỏi cao và khẩn trương. Muốn duy trì được sức mạnh để đánh thắng kẻ thù xâm lược lớn, ta cần phải có tiềm lực kinh tế quân sự nhất định bảo đảm cho tác chiến giành thắng lợi.

Vì vậy, trong chiến tranh ta phải: Vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất kỹ thuật cho chiến tranh ổn định đời sống nhân dân. Ta phải thực hành tiết kiệm trong xây dựng và trong chiến tranh lấy của địch đánh địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta, không ngừng tăng thêm tiềm lực của chiến tranh, càng đánh càng mạnh.

5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

Hiện nay, kẻ địch đang đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng nước ta. Nếu chiến tranh nổ ra, địch sẽ tăng cường đánh phá ta bằng nhiều biện pháp: Tiến hành chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, lợi dụng dân tộc, tôn giáo, các tổ chức phản động chống đối để kích động, chia rẽ, làm mất ổn định chính trị, gây rối loạn lật đổ ở hậu phương ta để phối hợp lực lượng tiến công từ ngoài vào.

Vì vậy, đi đôi với đấu tranh quân sự trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ở hậu phương ta, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc hậu phương, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho

tiền tuyến càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

Cuộc chiến tranh xâm lược của địch là tàn bạo và vô nhân đạo sẽ bị nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối.

Đoàn kết mở rộng quan hệ tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

Thế trận chiến tranh nhân dân là sự tổ chức bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

Thế trận chiến tranh bố trí rộng trên cả nước nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, có khả năng độc lập tác chiến, đồng thời phối hợp với bộ đội chủ lực và đơn vị bạn đánh địch, liên tục dài ngày, liên kết thành thế trận làng nước.

2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

Lực lượng chiến tranh nhân dân là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện lấy lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân làm nòng cốt.

Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng quân sự.

Lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong

Kẻ thù xâm lược nước ta có thể sẽ sử dụng lực lượng tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ ở bên trong, đánh nhanh giải quyết nhanh, vì vậy buộc ta phải chủ động ngăn chặn ý đồ của chúng, không để kẻ địch cấu kết với nhau...

Trong quá trình chuẩn bị lực lượng vũ trang phải có kế hoạch, phương án chiến đấu và được quán triệt tới mọi người kết hợp giải quyết tốt các tính huống chiến đấu diễn ra.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Mục đích, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân BVTQ?
 2. Quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa?
-

Chuyên đề

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

I. ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC CƠ BẢN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

1. Khái niệm

Lực lượng vũ trang nhân dân là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý, có nhiệm vụ “chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả cách mạng, cùng toàn dân xây dựng đất nước. Là lực lượng xung kích trong khởi nghĩa toàn dân giành chính quyền, là lực lượng nòng cốt của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân”.

Nội dung chủ yếu của khái niệm:

Là tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lý.

Nhiệm vụ: Chiến đấu giành và giữ độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành quả cách mạng; cùng toàn dân xây dựng đất nước; là lực lượng nòng cốt trong khởi nghĩa giành chính quyền, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và chiến tranh nhân dân.

2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

a) Cả nước đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt

Đất nước đã hoà bình thống nhất, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội với hai nhiệm vụ chiến lược, đây là điều kiện thuận lợi cho xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ chặt chẽ, tác động với nhau để cùng thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Do đó, trong khi chúng ta đặt nhiệm vụ trọng tâm vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, không được một phút lơ đãng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hoà bình” chống phá cách mạng. Đây là một khó khăn lớn cho ta trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, vì chiến lược “Diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc chúng xác định chống phá ta mọi mặt trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là một trọng điểm, với mục tiêu là vô hiệu hoá, phi chính trị hoá lực lượng vũ trang nhân dân. Do đó, cần phải nắm chắc âm mưu, thủ đoạn

chiến lược “Diễn biến hoà bình” của địch để có kế hoạch phòng ngừa, bảo đảm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, có nhiều diễn biến phức tạp

Tình hình thế giới: Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu Liên Xô sụp đổ, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới gặp nhiều khó khăn. Nhưng trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, chạy đua vũ trang (nhất là chạy đua vũ khí hạt nhân), hoạt động khủng bố, tranh chấp biên giới, tài nguyên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

Khu vực Đông Nam Á, vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, các nước lớn đang tăng cường ảnh hưởng của mình để lôi kéo các nước ASEAN.

c) Sự nghiệp đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước ta bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn

Thuận lợi cơ bản: Tiềm lực và vị thế của nước ta được tăng cường, Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối độc lập tự chủ, sáng tạo. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Lực lượng vũ trang ta tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân. Trên cơ sở phát huy những thuận lợi của nước ta trong Hiệp hội ASEAN, thành viên Tổ chức Thương mại thế giới để giữ vững môi trường hoà bình để phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa... đó là nền tảng vững chắc để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thách thức lớn: Nước ta vẫn tồn tại những thách thức lớn được Đại hội Đảng lần thứ X đề cập: Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng; những biểu hiện xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa; các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn đảo. Hiện nay và trong những năm tới, chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề phải giải quyết, trong đó có mâu thuẫn chủ yếu là: Nhu cầu phải đầu tư cho quốc phòng và an ninh, cho xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng lớn và cấp thiết, nhưng khả năng của nền kinh tế, ngân sách của Nhà nước là rất hạn hẹp.

d) Thực trạng của lực lượng vũ trang nhân dân ta

Trong những năm qua, lực lượng vũ trang ta đã có bước trưởng thành lớn mạnh cả về bản lĩnh chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu không ngừng được nâng lên. Đã hoàn thành tốt cả ba chức năng, xứng đáng là lực lượng nòng cốt đi đầu giải quyết hiệu quả những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp mà Đảng, Nhà nước giao cho. Song, trên thực tế cần tập trung tháo gỡ một số vấn đề sau:

Về chất lượng chính trị, trên thực tế, trình độ lý luận, tính nhạy bén, sắc sảo và bản lĩnh

chính trị của không ít cán bộ, chiến sỹ ta chưa tương xứng với vị trí, yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân còn những mặt hạn chế, chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp (nếu xảy ra). Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ còn có những nội dung bất cập, chưa thật sát nhiệm vụ và năng lực thực hành theo cương vị đảm nhiệm.

Về trình độ chính quy của quân đội ta chưa đáp ứng được yêu cầu tác chiến hiện đại và chưa tương xứng với công tác xây dựng. Chấp hành kỷ luật của một bộ phận lực lượng vũ trang còn chuyển biến chậm, vẫn đề xảy ra những vụ việc, ảnh hưởng đến sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.

Về trang bị của lực lượng vũ trang còn lạc hậu và thiếu đồng bộ.

Vấn đề nghiên cứu phát triển hoàn thiện nền khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời kỳ mới cần được tổ chức một cách khoa học, phối hợp chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và thực tiễn...

3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

a) Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lực lượng vũ trang nhân dân

Ý nghĩa: Đây là quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang sẽ quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm nắm chắc quân đội trong mọi tình huống. Thực tiễn cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua đã chứng minh điều đó.

Nội dung

Đảng Cộng sản Việt Nam độc tôn duy nhất nắm quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân theo nguyên tắc “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt”, Đảng không nhường hoặc chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào. Đảng có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến cơ sở, lãnh đạo mọi hoạt động lực lượng vũ trang.

Trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, Đảng lãnh đạo theo hệ thống dọc từ Đảng uỷ quân sự Trung ương đến các đơn vị cơ sở trong toàn quân. Trực tiếp lãnh đạo các đơn vị ở địa phương (bộ đội địa phương và dân quân tự vệ) là các cấp uỷ đảng ở địa phương.

Đảng lãnh đạo trên mọi hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức... cả trong xây dựng và chiến đấu.

b) Tự lực, tự cường xây dựng lực lượng vũ trang

Cơ sở

Từ truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Từ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang và thực tiễn xây dựng lực

lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trong mấy chục năm qua.

Nội dung

Tự lực tự cường dựa vào sức mình để xây dựng, để giữ vững tính độc lập tự chủ, chủ động không bị chi phối ràng buộc.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Triệt để tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi về khoa học, công nghệ để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân. Tập trung từng bước hiện đại hoá trang bị kỹ thuật; quản lý, khai thác, bảo quản có hiệu quả trang bị hiện có...

Tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm.

c) Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở

Cơ sở: Xuất phát từ lý luận Mác-Lênin về mối quan hệ giữa số và chất lượng. Truyền thống xây dựng lực lượng vũ trang của ông cha ta “binh quý hồ tinh, bất quý hồ đa”... Từ đòi hỏi yêu cầu cao của nhiệm vụ đối với lực lượng vũ trang nhân dân.

Từ thực tiễn xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng chất lượng, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở... Do đó lực lượng vũ trang nhân dân của ta hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao cho.

Từ sự chống phá của kẻ thù trong chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ nhằm phi chính trị hoá quân đội.

Nội dung

Nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng. Nâng cao chất lượng là chính, đồng thời có số lượng phù hợp với tình hình nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước. Phải có cơ cấu hợp lý giữa các thứ quân, giữa lực lượng thường trực với lực lượng dự bị động viên.

Thường xuyên làm tốt công tác huấn luyện, diễn tập để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có chất lượng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Về chính trị phải thường xuyên làm tốt công tác quán triệt, giáo dục cho cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang nhân dân tin tưởng vào Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tin tưởng tuyệt đối, tự giác chấp hành nghiêm mọi đường lối, chủ trương chính sách pháp luật.

Chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh (tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội đồng quân nhân...). Chăm lo xây dựng cơ quan chính trị vững mạnh, đội ngũ cán bộ chính trị, đảng viên có phẩm chất năng lực tốt đủ sức lãnh đạo đơn vị.

d) Bảo đảm lực lượng vũ trang nhân dân luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi

Cơ sở: Đây là quan điểm phản ánh chức năng, nhiệm vụ chủ yếu cơ bản, thường xuyên của lực lượng vũ trang nhân dân, có ý nghĩa quan trọng bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân

dân chủ động đối phó kịp thời và thắng lợi mọi tình huống có thể xảy ra. Từ thực tiễn trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Từ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù và các thế lực thù địch...

Nội dung: Lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, đánh địch kịp thời, bảo vệ được mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, không để bất ngờ về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật. Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt, duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, quy định về sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, trực chỉ huy.

II. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Phương hướng chung: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương khoá IX về chiến lược bảo vệ Tổ quốc xác định: “Tập trung xây dựng lực lượng quân đội, công an có bản lĩnh chính trị vững vàng, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Với tổ chức, biên chế, mức tăng đầu tư ngân sách hợp lý, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục khẳng định: “Xây dựng Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch. Xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp, lấy chất lượng làm chính.

Trong quá trình thực hiện phải quán triệt đầy đủ tinh thần các Nghị quyết của Đảng về tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

1. Xây dựng Quân đội Nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

a) Xây dựng Quân đội cách mạng

Là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng.

Nội dung: Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng với Tổ quốc với nhân dân; chấp hành mọi đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; trước diễn biến tình hình phải phân biệt được đúng sai; có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ đoàn kết quốc tế tốt; kỷ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi...

b) Xây dựng Quân đội chính quy

Là thực hiện thống nhất về mọi mặt (tổ chức, biên chế, trang bị). Dựa trên những chế độ, điều lệnh quy định, đưa mọi hoạt động của quân đội vào nề nếp. Nhằm thống nhất ý chí và

hành động về chính trị, tư tưởng và tổ chức của mọi quân nhân, để tăng cường sức mạnh chiến đấu tổng hợp của quân đội.

Nội dung: Thống nhất về bản chất cách mạng mục tiêu chiến đấu, về ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng quân đội, về tổ chức biên chế trang bị; thống nhất về quan điểm tư tưởng quân sự, nghệ thuật quân sự, về phương pháp huấn luyện giáo dục; thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính quy, về quản lý bộ đội, quản lý trang bị.

c) Xây dựng Quân đội tinh nhuệ

Biểu hiện mọi hoạt động của quân đội trên các lĩnh vực đạt hiệu quả cao.

Nội dung: Tinh nhuệ về chính trị: Đứng trước diễn biến của tình hình, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng sai từ đó có thái độ đúng đắn với sự việc đó; tinh nhuệ về tổ chức: Tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao; tinh nhuệ về kỹ chiến thuật: Phải giỏi sử dụng các loại binh khí kỹ thuật hiện có, biết sử dụng trang bị vũ khí hiện đại. Giỏi các cách đánh, vận dụng mưu trí sáng tạo các hình thức chiến thuật.

d) Xây dựng Quân đội từng bước hiện đại

Đi đôi với chính quy, tinh nhuệ phải tiếp tục từng bước hiện đại hóa quân đội về trang bị, vũ khí. Hiện đại hóa là một tất yếu, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội ta

Nội dung: Từng bước đổi mới vũ khí, trang bị kỹ thuật cho quân đội; xây dựng, rèn luyện quân nhân có bản lĩnh trí tuệ và năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại; phát triển các quân, binh chủng kỹ thuật; có nghệ thuật quân sự và khoa học quân sự hiện đại, có hệ thống công nghiệp quốc phòng hiện đại,... bảo đảm cho quân đội hoạt động trong mọi điều kiện chiến tranh hiện đại.

Những nội dung trên là cả một quá trình phấn đấu lâu dài mới đạt được, hiện nay ta phải thực hiện bước đi “từng bước” nghĩa là phải dần dần bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước; quá trình hiện đại hóa quân đội phải gắn với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, với từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất mới kết hợp phục hồi sửa chữa cải tiến vũ khí trang bị hiện có và mua một số cần thiết. Phấn đấu đến năm 2025 một số lực lượng hiện đại, đến năm 2030 toàn bộ quân đội và công an hiện đại.

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch.

Số liệu tham khảo

TT	Tên nước	Lực lượng thường trực	Lực lượng dự bị động viên
----	----------	-----------------------	---------------------------

1	Mỹ	152,3 vạn	213 vạn
2	Nga	85 vạn	25 vạn
3	Trung Quốc	270 vạn	300 vạn
4	Nhật Bản	2,4 vạn	Phòng vệ 4,8 vạn
5	Thái Lan	33,1 vạn	50 vạn
6	Singapo	5,3 vạn	18,2 vạn

3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc, vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã*”.

Năm 1990, Chính phủ ban hành Điều lệ Dân quân tự vệ; năm 2004, Chính phủ ban hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ; năm 2009, 2019 Luật Dân quân tự vệ được ban hành, đây là sự thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng.

Nội dung: Dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp ở tất cả các xã, phường (thị trấn), thôn, xóm, bản, làng, nông trường, công trường, doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, bệnh viện, trường học,...; nhưng có trọng điểm, chú ý hình thức phù hợp trong các thành phần kinh tế. Chú trọng xây dựng cả về số lượng và chất lượng, lấy chất lượng là chính, tổ chức biên chế phù hợp. Huấn luyện phải thiết thực, hiệu quả. Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, đào tạo cán bộ dân quân tự vệ. Thực hiện các chính sách với dân quân tự vệ.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

1. Chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang nhân dân

Bộ đội chủ lực: Tổ chức các đơn vị phải tinh gọn, mạnh, cơ động nhanh, có sức chiến đấu cao. Bố trí các binh đoàn chủ lực phải gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên cả nước cũng như từng vùng chiến lược.

Bộ đội địa phương: Phải căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức và bố trí cho phù hợp với từng địa phương và thế trận cả nước.

Bộ đội biên phòng: Cần có số lượng, chất lượng cao, tổ chức hợp lý, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, vùng biển, đảo... theo nhiệm vụ được giao.

Dân quân tự vệ: Được tổ chức trên cơ sở lực lượng chính trị ở từng đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất và dân cư ở cơ sở, có số lượng phù hợp chất lượng cao.

2. Nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam

Giáo dục huấn luyện là hai nội dung cơ bản, bảo đảm cho lực lượng vũ trang giác ngộ

chính trị, có bản lĩnh chiến đấu cao, có trình độ kỹ chiến thuật giỏi, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Yêu cầu giáo dục huấn luyện: Đúng hướng, đáp ứng nhiệm vụ, sát thực tế, đối tượng tác chiến, phù hợp với khả năng trang bị, địa hình, thời tiết và cách đánh của ta; huấn luyện giỏi tác chiến vũ khí trong biên chế, cũng như được tăng cường binh khí kỹ thuật, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng; có sự chuyển hướng về nội dung huấn luyện “phòng tránh đánh trả trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao”.

Phương châm huấn luyện: “Cơ bản, toàn diện, thiết thực, vững chắc”. Xây dựng phát triển khoa học quân sự Việt Nam: Tập trung nghiên cứu, giáo dục đúng, sáng tạo các vấn đề mới nảy sinh trong xây dựng lực lượng.

3. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang nhân dân

Xuất phát từ tình hình điều kiện kinh tế đất nước và yêu cầu nhiệm vụ. Cho nên quan điểm chung: Kết hợp chặt chẽ tiến trình và bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân.

Duy trì tốt vũ khí trang bị hiện có trong biên chế và dự trữ, bảo đảm trang bị cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, ưu tiên cho các quân chủng kỹ thuật và bộ đội biên phòng.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có phẩm chất, năng lực tốt

Xuất phát từ vị trí, vai trò của cán bộ: Khi nói về phẩm chất đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh nói: “Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng”; “đạo đức là cái gốc, là nền tảng của cách mạng”; “có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Có tài mà không có đức là vô dụng”. Vì vậy, cho nên phải xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang có phẩm chất năng lực tốt, là người “vừa hồng, vừa chuyên”.

Nội dung xây dựng: Nghị quyết Đại Hội X của Đảng xác định: “Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí”. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ VIII xác định: “Xây dựng đội ngũ cán bộ có số lượng, cơ cấu hợp lý, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ kiến thức cơ bản và chuyên môn hóa đạt độ tuổi theo luật định”.

5. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng vũ trang nhân dân

Nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, động viên tình cảm, ý chí của cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang cùng gia đình, hậu phương và nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Yêu cầu: Chính sách phải bảo đảm công bằng bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, kết hợp với đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Trong chính sách phải thể hiện được hoạt động của lực lượng vũ trang là một ngành “*lao động đặc biệt làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc*”. Làm cho toàn xã hội nhận rõ trách nhiệm và thực hiện chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu khái niệm lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam?
2. Nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân?
3. Phương hướng xây dựng Quân đội Nhân dân trong tình hình hiện nay? Phân tích quan điểm xây dựng Quân đội tinh gọn, mạnh, cơ động cao?

Chuyên đề

KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI TĂNG CƯỜNG, Củng QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở VIỆT NAM

1. Một số khái niệm

a) Hoạt động kinh tế

Là hoạt động cơ bản, thường xuyên, gắn liền với sự tồn tại của xã hội loài người. Đó là toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, phục vụ cho nhu cầu đời sống con người.

b) Quốc phòng

Quốc phòng là công cuộc giữ nước của một quốc gia, gồm tổng thể các hoạt động đối nội, đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học....., của nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, tạo nên sức mạnh toàn diện, cân đối, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, nhằm giữ vững hòa bình, đẩy lùi ngăn chặn các hoạt động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

c) An ninh

Là trạng thái ổn định an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của toàn xã hội. Bảo vệ an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn dân và của cả hệ thống chính trị do lực lượng an ninh làm nòng cốt; bảo vệ an ninh luôn kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng.

d) Đối ngoại

Là một nghệ thuật tiên hành trong việc đàm phán, thương lượng giữa những người đại diện cho một nhóm hay một quốc gia. Thuật ngữ này thông thường đề cập đến ngoại giao quốc

tế, việc chỉ đạo, thực hiện các mối quan hệ quốc tế thông qua sự can thiệp hay hoà giải của các nhà ngoại giao liên quan đến các vấn đề như kinh tế, thương mại, văn hoá, du lịch, chiến tranh và tạo nền hòa bình và thường gọi là bang giao hay đối ngoại... Các hiệp ước quốc tế thường được đàm phán bởi các nhà ngoại giao trước tiên để đi đến việc xác nhận chính thức bởi các chính trị gia của các nước.

Về chủ trương ngoại giao của Việt Nam: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

d) Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Là hoạt động tích cực, chủ động của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong một chỉnh thể thống nhất trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương, thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong một chỉnh thể thống nhất. Quan điểm trên là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, có cơ sở lý luận và thực tiễn.

2. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

Kinh tế, quốc phòng, an ninh là những mặt hoạt động cơ bản của mỗi quốc gia, dân tộc độc lập có chủ quyền. Mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động riêng và chịu sự chi phối của hệ thống quy luật riêng, song giữa chúng lại có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, kinh tế là yếu tố suy cho đến cùng quyết định đến quốc phòng và an ninh; ngược lại, quốc phòng và an ninh cũng có tác động trở lại đối với kinh tế, bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của quốc phòng và an ninh

Lợi ích kinh tế, suy cho đến cùng là nguyên nhân làm nảy sinh các mâu thuẫn và xung đột xã hội. Để giải quyết mâu thuẫn đó, phải có hoạt động quốc phòng và an ninh.

Bản chất của chế độ kinh tế - xã hội quyết định đến bản chất của quốc phòng và an ninh. Xây dựng sức mạnh quốc phòng, an ninh vì mục đích bảo vệ và đem lại lợi ích cho mọi thành viên trong xã hội là do bản chất của chế độ xã hội, xã hội chủ nghĩa quy định; còn tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh vì mục đích bảo vệ lợi ích cho giai cấp tư sản cầm quyền, thực hiện chiến tranh xâm lược là do bản chất của chế độ kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa quyết định.

Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực cho hoạt động quốc phòng và an ninh. Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Không có gì phụ thuộc vào kinh tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội”; “Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế,...”. Vì vậy, để xây dựng quốc phòng và an ninh vững mạnh phải xây dựng, phát triển kinh tế.

Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh, qua đó quyết định đến tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang; quyết định đến đường lối chiến lược quốc phòng và an ninh.

Để xây dựng chiến lược quốc phòng và an ninh quốc gia của mỗi nước, phải căn cứ vào nhiều yếu tố, trong đó tổ chức biên chế của lực lượng vũ trang và vào trang bị vũ khí kỹ thuật hiện có là căn cứ đặc biệt quan trọng. Những yếu tố này đều phụ thuộc vào nền kinh tế.

Quốc phòng và an ninh không chỉ phụ thuộc vào kinh tế mà còn tác động trở lại với kinh tế - xã hội trên cả góc độ tích cực và tiêu cực

Quốc phòng và an ninh vững mạnh sẽ tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong thời bình, ở mức độ nhất định cũng có tác dụng kích thích kinh tế phát triển. Tiêu dùng cho hoạt động quốc phòng và an ninh, một mặt, đặt ra cho nền kinh tế phải sản xuất ra sản phẩm, hoặc thông qua mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nó; mặt khác, sẽ tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm của nền kinh tế.

Hoạt động quốc phòng và an ninh tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội. Những tiêu dùng này, như V.I.Lênin đánh giá, là tiêu dùng “mất đi”, không quay vào tái sản xuất xã hội. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng của xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế.

Hoạt động quốc phòng và an ninh còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế. Hoạt động quốc phòng và an ninh còn có thể dẫn đến huỷ hoại môi trường sinh thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra.

Để hạn chế những tác động tiêu cực này, phải kết hợp tốt tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế - xã hội vào một chỉnh thể thống nhất.

Từ sự phân tích trên đây cho thấy, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh là một tất yếu khách quan. Mỗi lĩnh vực hoạt động có nội dung, phương thức riêng nhưng lại có sự thống nhất ở mục đích chung, cái này là điều kiện tồn tại của cái kia và ngược lại. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rõ mỗi lĩnh vực có quy luật phát triển đặc thù, do đó, việc kết hợp phải được thực hiện một cách khoa học, hợp lý, cân đối và hài hoà.

3. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

Nhìn vào tiến trình phát triển của các quốc gia trên thế giới chúng ta thấy, dù là nước lớn hay nước nhỏ; kinh tế phát triển hay chưa phát triển; dù chế độ chính trị như thế nào thì mỗi

quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, kể cả những nước mà hàng trăm năm nay chưa có chiến tranh.

Tuy nhiên, các nước khác nhau, với chế độ chính trị - xã hội khác nhau, điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức và kết quả. Ngay trong một nước, trong mỗi giai đoạn phát triển thì sự kết hợp cũng khác nhau.

Ở Việt Nam, sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đã có lịch sử lâu dài. Dựng nước đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại, phát triển của dân tộc ta.

Đứng trước nguy cơ thường xuyên bị đe dọa, xâm lược và thôn tính của các thế lực thù địch, để xây dựng và phát triển đất nước, ông cha ta đã có những chủ trương, kế sách thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong quá trình dựng nước và giữ nước. Các triều đại phong kiến Việt Nam luôn lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm trọng, đề ra kế sách giữ nước với tư tưởng: “Nước lấy dân làm gốc”, “dân giàu, nước mạnh”, “quốc phú binh cường”; thực hiện “khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc”, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để “yên dân” mà “vẹn đất”.

Thực hiện kế sách “ngụ binh ư nông”, “động vi binh, tĩnh vi dân” để vừa phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc. Trong xây dựng, phát triển kinh tế, đã sử dụng nhiều chính sách như khai hoang lập ấp ở những nơi xung yếu để “phục binh sẵn, phá thế giặc dữ” từ xa; phát triển nghề thủ công để vừa sản xuất ra các công cụ sản xuất, vừa sản xuất ra các vũ khí, phương tiện phục vụ cho toàn dân đánh giặc; chăm lo mở mang đường sá, đào sông ngòi, kênh rạch, xây đắp đê điều để vừa phát triển kinh tế, vừa tạo thế trận đánh giặc, cơ động lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm của lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh một cách nhất quán bằng những chủ trương sáng tạo, phù hợp với từng thời kỳ của cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), Đảng ta đề ra chủ trương “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, “vừa chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”; vừa thực hiện phát triển kinh tế ở địa phương vừa tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp; “xây dựng làng kháng chiến”, địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh đã được Đảng ta chỉ đạo thực hiện ở mỗi miền với nội dung và hình thức thích hợp.

Ở miền Bắc, để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và xây dựng hậu phương lớn cho miền Nam đánh giặc, Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra chủ trương: “Trong xây dựng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo

sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế”. Theo tinh thần đó, miền Bắc đã xây dựng, phát triển chế độ xã hội mới, nền kinh tế, văn hoá mới, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; đồng thời kết hợp chặt chẽ với chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa và chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ở miền Nam, Đảng chỉ đạo quân và dân ta kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với củng cố mở rộng hậu phương, xây dựng căn cứ địa miền Nam vững mạnh. Đây chính là một điều kiện cơ bản bảo đảm cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi.

Ở thời kỳ này, chúng ta phải tập trung cao độ cho nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và giải phóng miền Nam, nên việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và thiết thực, đã tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và để lại nhiều bài học quý giá cho thời kỳ sau.

Thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội (từ 1975 đến nay) kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh được Đảng ta khẳng định là một nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và được triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện hơn. Từ năm 1986 đến nay, với tư duy mới về kinh tế và quốc phòng, an ninh, việc kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, bộ, ban ngành có bước chuyển biến cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

Nhờ chính sách nhất quán về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh chúng ta đã phát huy được mọi tiềm năng cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời bình, cùng với phát triển kinh tế là chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng, thế trận quốc phòng. Nhờ vậy, khi đất nước bị xâm lược chúng ta đã động viên được “cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc”; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Do vậy đã góp phần giữ gìn và phát triển đất nước cho đến ngày nay.

4. Quan điểm của Đảng về xây dựng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Một là, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng và an ninh phải toàn diện, cơ bản lâu dài ngay từ trong chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh.

Hai là, kết hợp chặt chẽ quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn lãnh thổ, quan tâm đặc biệt đến các vùng, địa bàn trọng điểm

Ba là, kết hợp dân tộc với sức mạnh thời đại trong quá trình kết hợp phát triển kinh tế -

xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

Bốn là, Kết hợp kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh phải vừa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường sức mạnh, vừa nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

II. NỘI DUNG KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG Củng CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

a) Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

c) Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, đó là:

(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường,... tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất

nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

(3) Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất cập, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

(4) Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

(5) Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

(6) Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

(7) Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá

của các thế lực thù địch.

(8) Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

(9) Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

(10) Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

(11) Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và công tác dân vận của Đảng.

(12) Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Như vậy, trong mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã bao quát toàn diện các vấn đề của đời sống xã hội, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm giải quyết hài hòa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong chiến lược phát triển kinh tế được thể hiện ngay trong việc hoạch định mục tiêu phát triển

quốc gia, trong huy động nguồn lực, trong lựa chọn và thực hiện các giải pháp chiến lược.

Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh sẽ phát huy sức mạnh của từng lĩnh vực, kết hợp với nhau tạo thành sức mạnh tổng hợp, quy tụ mọi nguồn lực, lực lượng trong nước và quốc tế nhằm hoàn thành thắng lợi mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

2. Kết hợp trong các vùng kinh tế trọng điểm và các địa bàn chiến lược

Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và các địa bàn chiến lược là sự gắn kết chặt chẽ phát triển vùng kinh tế chiến lược với xây dựng vùng chiến lược quốc phòng, an ninh nhằm tạo ra thế bố trí chiến lược mới cả về kinh tế lẫn quốc phòng, an ninh trên từng vùng lãnh thổ, trên địa bàn tỉnh, thành phố theo ý đồ chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc.

Xuất phát từ đặc điểm tiềm năng phát triển kinh tế cũng như vị trí địa chính trị, quân sự, quốc phòng, an ninh của các vùng lãnh thổ trong cả nước, hiện nay Đảng ta đã xác định phải chú trọng nhiều hơn cho các vùng kinh tế trọng điểm và các địa bàn chiến lược.

a) Kết hợp trong các vùng kinh tế trọng điểm

Vùng kinh tế trọng điểm là vùng có tiềm năng lớn về công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, giao lưu quốc tế; có nhiều trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự quan trọng; là vùng đóng góp chủ yếu cho tổng thu nhập quốc dân, tập trung nhiều đầu mối giao thông quan trọng, nhiều sân bay, bến cảng, nhiều mục tiêu phải bảo vệ.

Hiện nay, nước ta xác định bốn vùng kinh tế trọng điểm:

Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ bao gồm: Thành phố [Hà Nội](#), [thành phố Hải Phòng](#), [Hải Dương](#), [Bắc Ninh](#), [Hưng Yên](#), [Vĩnh Phúc](#). Đây là trung tâm kinh tế năng động và là một đầu tàu kinh tế quan trọng của [miền Bắc](#) và của cả nước. Việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh gắn xây dựng kết cấu hạ tầng với xây dựng các công trình phòng thủ dân sự. Trong kết hợp phát triển kết cấu hạ tầng, tập trung đầu tư nâng cấp các trục giao thông quan trọng như: Quốc lộ 5, Quốc lộ 1, Quốc lộ 10, 18. Từng bước xây dựng cảng nước sâu Cái Lân, cải tạo nâng cao năng lực cảng Hải Phòng, phát triển cụm công nghiệp đóng tàu theo hướng lưỡng dụng và mở rộng sân bay quốc tế Nội Bài, Gia Lâm, Cát Bi đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chiến đấu của bộ đội không quân.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm: [Thành phố Hồ Chí Minh](#), [Đồng Nai](#), [Bình Dương](#), [Bà Rịa - Vũng Tàu](#), [Bình Phước](#), [Tây Ninh](#), [Long An](#), và [Tiền Giang](#). Việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh tập trung vào phát triển công nghiệp, phát triển hạ tầng cơ sở, tiếp tục đầu tư xây dựng Quốc lộ 51, Quốc lộ 13 nối với Quốc lộ 14, Quốc lộ 50, hệ thống cảng Sài Gòn, cảng nước sâu Bến Đình Sao Mai, cảng Vũng Tàu - Thị Vải và nâng cấp sân bay Tân Sơn Nhất và chuẩn bị xây dựng sân bay Long Thành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội củng cố quốc phòng và an ninh.

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm: [Thừa Thiên - Huế](#), thành phố [Đà Nẵng](#), [Quảng Nam](#), [Quảng Ngãi](#), [Bình Định](#). Đây là vùng kinh tế lớn thứ 3 tại [Việt Nam](#). Trong kết hợp phát triển cơ sở hạ tầng, cần tiếp tục tập trung vào các công trình quan trọng như nâng cấp [Quốc lộ 1A](#), Quốc lộ 14B, 24, xây dựng [đường Hồ Chí Minh](#), đường 14, 15 dọc theo phía tây miền Trung, các đường nối liền vùng đồng bằng ven biển miền Trung với các tỉnh Tây Nguyên, nối các cảng biển Việt Nam với cửa khẩu quốc tế qua Lào, Campuchia, trong đó có một số tuyến hành lang Đông-Tây nối Đông Bắc [Thái Lan](#), Trung [Lào](#) và Trung Trung bộ Việt Nam. Cải tạo nâng cấp [sân bay quốc tế Đà Nẵng](#), sân bay trung chuyển hàng hóa Chu Lai (tương lai); cảng Đà Nẵng và đặc biệt là dự án cảng trung chuyển Vân Phong có tổng vốn lên đến 15 tỷ USD do Tập đoàn Sumimoto chủ đầu tư.

Vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng Sông Cửu Long bao gồm: Thành phố Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau. Đây là vùng có vị trí địa kinh tế quan trọng, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao thương với khu vực. Nằm ở cực Nam của Tổ quốc, tiếp giáp với Campuchia thông qua vịnh Thái Lan; giáp với biển Đông với bờ biển dài. Đây là điều kiện thuận lợi phát triển giao lưu thương mại và du lịch với khu vực. Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những đồng bằng châu thổ rộng và phì nhiêu ở Đông Nam Á và thế giới, là vùng sản xuất lương thực, nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản và vùng cây ăn trái nhiệt đới rộng lớn. Điều kiện thuận lợi để sản xuất gạo, thủy sản cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Nội dung kết hợp trong các vùng kinh tế trọng điểm cần tập trung:

Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn an ninh chính trị trong thời bình và hạn chế hậu quả khi có chiến tranh.

Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự...

Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với quy hoạch xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó.

Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và thời chiến.

b) Kết hợp trong các địa bàn chiến lược

Các địa bàn chiến lược ở nước ta bao gồm vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ và vùng biển, đảo. Hiện nay, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc các khu vực đó vẫn sẽ là những địa bàn chiến lược hết sức trọng yếu.

Vùng miền núi phía Bắc: Toàn vùng có 1.800 km đường biên giới (1.487 km với Trung

Quốc, 300 km với Lào). Có 4 cửa khẩu quốc tế (Móng Cái - Quảng Ninh; Hữu Nghị, Đồng Đăng - Lạng Sơn và Lào Cai). Là vùng có vị trí chính trị, kinh tế quan trọng và là địa bàn xung yếu về quốc phòng, an ninh. Vì vậy, tập trung ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng công tác định canh, định cư, bố trí điều chỉnh lại dân cư và lao động, nhất là các địa bàn vùng cao, dân tộc thiểu số và trên tuyến biên giới, bảo đảm khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về lao động, đất đai, tài nguyên miền núi; hình thành các cụm làng xã chiến đấu, các khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các tuyến vành đai biên giới trên cơ sở phát triển các đô thị gắn với kinh tế cửa khẩu, nâng cấp các tuyến đường giao thông tới vùng biên quan trọng.

Vùng Tây Nguyên: Là những địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Vì vậy, cần có chiến lược quy hoạch, kế hoạch và lộ trình xây dựng các vùng chiến lược trọng điểm, đặc biệt là khu vực Tây Nguyên, xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới trở thành vùng kinh tế động lực. Giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc của nhân dân, có chính sách thích hợp thu hút vốn đầu tư, bố trí dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch, nâng cao dân trí và trình độ công nghệ. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, khắc phục tình trạng dân di cư tự do...

Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Đây là vùng rộng lớn, đông dân cư, có tiềm năng thế mạnh về phát triển nông nghiệp; đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản lớn nhất cả nước; có tiềm năng lớn về dầu khí và du lịch; có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh. Trong kết hợp kinh tế với quốc phòng cần tập trung đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển mạng lưới giao thông gắn với quy hoạch chống lũ. Hình thành cho được các tuyến giao thông trục dọc nối đồng bằng sông Cửu Long với Đông Nam Bộ và cả nước; nâng cấp tất cả các tuyến quốc lộ và tỉnh lộ, xây dựng các tỉnh lộ và huyện lộ quan trọng, tạo thành hệ thống giao thông thông suốt trên toàn vùng, bảo đảm đi lại bình thường của người dân trong mùa lũ, xây dựng các cụm, tuyến dân cư; thực hiện chính sách ưu tiên cho đồng bào nghèo, những người có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn...

Vùng biển, đảo: Là vùng có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh và môi trường sống. Vì vậy, tập trung xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển gắn với xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh bảo vệ biển, đảo một cách cơ bản, lâu dài. Có kế hoạch và chính sách đầu tư thỏa đáng các mặt cần thiết để đảm bảo đưa dân ra làm ăn và cư trú ổn định ở các đảo gần bờ. Có chính sách mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài về khai thác dầu khí, đánh bắt thủy hải sản, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chú trọng đầu tư phát triển chương trình đánh bắt xa bờ với tổ chức các tập đoàn, lực lượng luân phiên có mặt trên toàn bộ lãnh hải của ta. Tổ chức đưa dân ra các đảo nhưng phải đảm bảo các cơ sở dịch vụ, có chính sách thích đáng bảo đảm cho dân trụ vững, làm cơ sở xây dựng các điểm phòng thủ; xây dựng các huyện đảo, các đảo lớn thành những trung tâm kinh tế, du lịch, dịch vụ và là đài quan sát, điểm phòng thủ vững chắc trên biển...

Xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng: Xây dựng các khu kinh tế quốc phòng,

các khu quốc phòng kinh tế trên các địa bàn chiến lược biên giới để vừa phát triển kinh tế - xã hội vừa củng cố quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Trong thời gian tới Nhà nước cần đầu tư thỏa đáng hơn nữa về ngân sách với tiền độ phù hợp cho nhiệm vụ này, lồng ghép các chương trình, các dự án để xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở vùng biên giới, hải đảo; có chính sách đặc biệt phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân tại các khu vực có yêu cầu đặc thù về quốc phòng, an ninh.

3. Kết hợp trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

a) Kết hợp trong công nghiệp

Kết hợp quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của ngành công nghiệp. Tập trung đầu tư một số ngành công nghiệp liên quan đến quốc phòng. Phát triển công nghiệp quốc gia theo hướng mỗi nhà máy, xí nghiệp vừa có thể sản xuất hàng dân dụng, vừa có thể sản xuất hàng quân sự. Các nhà máy công nghiệp quốc phòng trong thời bình phải tham gia sản xuất hàng dân sự chất lượng cao. Mở rộng liên doanh, liên kết với các nước tiên tiến trên thế giới, ưu tiên những ngành, lĩnh vực công nghiệp có tính lưỡng dụng cao. Thực hiện chuyển giao công nghệ hai chiều từ công nghiệp quốc phòng vào công nghiệp dân dụng và ngược lại. Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ. Xây dựng kế hoạch động viên quốc phòng.

b) Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp

Kết hợp khai thác có hiệu quả tiềm năng đất, rừng, biển, đảo và lực lượng lao động để phát triển đa dạng các ngành nghề theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp gắn với việc giải quyết tốt vấn đề xã hội. Đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh, định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững mạnh ở vùng rừng núi biên giới.

c) Kết hợp trong giao thông vận tải, bưu điện, y tế, khoa học, công nghệ, giáo dục và xây dựng cơ bản

Trong giao thông vận tải: Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường không, đường thủy, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá trong nước và mở rộng giao lưu với nước ngoài. Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng mở rộng, nâng cấp các tuyến đường trục Bắc - Nam với tuyến đường trục dọc Trường Sơn (đường Hồ Chí Minh). Trong thiết kế, thi công các công trình giao thông vận tải, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến. Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến.

Trong bưu chính viễn thông: Phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành bưu điện quốc gia với ngành thông tin quân đội, công an để phát triển hệ thống thông tin quốc gia hiện đại, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo chỉ huy, điều hành đất nước trong mọi tình huống, cả thời bình và thời chiến. Các phương tiện thông tin liên lạc và

điện tử phải được bảo đảm bí mật và có khả năng chống nhiễu cao, phòng, chống chiến tranh thông tin điện tử của địch. Khi hợp tác với nước ngoài về việc xây dựng, mua sắm các thiết bị thông tin điện tử phải cảnh giác cao. Xây dựng kế hoạch động viên thông tin liên lạc cho thời chiến.

Trong xây dựng cơ bản: Khi xây dựng bất cứ công trình nào, ở đâu, quy mô nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyển hoá phục vụ được cho cả quốc phòng, an ninh, cho phòng thủ tác chiến và phòng thủ dân sự. Xây dựng các thành phố, đô thị phải gắn với các khu vực phòng thủ địa phương, phải xây dựng các công trình ngầm. Xây dựng các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp lớn phải tính đến khả năng bảo vệ và di dời khi cần thiết, hạn chế xâm phạm địa hình có giá trị về phòng thủ quân sự, quốc phòng, an ninh. Nghiên cứu, sáng chế, chế tạo các loại vật liệu siêu bền để phục vụ cho các công trình phòng thủ tỉnh, thành phố, công trình quân sự.

Trong khoa học và công nghệ, giáo dục: Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của quốc phòng, an ninh trong việc hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lý sử dụng phục vụ cho cả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghiên cứu đề ra các chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đề tài khoa học, dự án công nghệ và sản xuất các dự án vừa phục vụ nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh. Coi trọng giáo dục và bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài đáp ứng cả yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh.

Trong lĩnh vực y tế: Phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa ngành y tế dân sự với y tế quân sự, an ninh trong đào tạo nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và trong khám chữa bệnh. Xây dựng mô hình quân dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở miền núi, biên giới, hải đảo. Xây dựng kế hoạch động viên y tế dân sự cho quân sự khi có chiến tranh. Phát huy vai trò của y tế quân sự trong phòng, chống, khám chữa bệnh cho nhân dân.

d) Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Xây dựng phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn miền núi, biên giới, giúp dân ổn định sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn. Các cơ quan quân sự, công an phải làm tham mưu trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án có vốn nước ngoài.

e) Kết hợp trong hoạt động đối ngoại

Đại hội XII của Đảng và tiếp tục được khẳng định lại tại Đại hội XIII, đã đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế giữ vững môi trường hòa bình và tạo điều thuận lợi để phát triển đất nước.

Mở rộng hoạt động đối ngoại phải quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc: tôn trọng độc

lập, chủ quyền; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; hợp tác bình đẳng, cùng có lợi; giữ gìn bản sắc dân tộc, giải quyết các tranh chấp bằng đàm phán hoà bình.

Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, phải kết hợp từ khâu lựa chọn đối tác. Phải lựa chọn được đối tác có ưu thế chế ngự cạnh tranh với các thế lực mạnh bên ngoài, làm hạn chế sự chống phá của các thế lực thù địch.

Kết hợp trong việc phân bổ đầu tư vào ngành nào, địa bàn nào có lợi cho phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các quốc gia. Khắc phục tình trạng chỉ thấy lợi ích kinh tế trước mắt mà không tính đến lợi ích lâu dài và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy vai trò của cán bộ, nhân viên các đại sứ quán, lãnh sự quán của nước ta ở nước ngoài trong việc quảng bá sản phẩm hàng hoá, truyền thống Việt Nam; đồng thời nắm vững đường lối đối ngoại, đường lối quân sự của nước ngoài cung cấp tình hình giúp Đảng, Nhà nước hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, Củng cố QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh

Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong việc kết hợp

Thường xuyên nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, kịp thời đề ra những quyết định lãnh đạo với ngành, địa phương mình, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh một cách đúng đắn.

Gắn chủ trương lãnh đạo với tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế thực hiện chủ trương đường lối về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh.

Tổ chức tốt việc sơ, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời để bổ sung chủ trương và chỉ đạo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo của các cấp ủy Đảng.

Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong việc kết hợp

Từng cấp làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy hoạch, kế hoạch kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở ngành, bộ, địa phương cơ sở của mình dài hạn và hàng năm.

Đổi mới nâng cao quy trình, phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch, nắm tình hình, thu thập xử lý thông tin, định hướng hoạt động, tổ chức hướng dẫn chỉ đạo cấp dưới và kiểm tra ở mọi khâu, mọi bước của quá trình thực

hiện.

2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh cho các đối tượng

Đối tượng bồi dưỡng: Phải phổ cập kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Nội dung bồi dưỡng: Phải căn cứ vào đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để chọn lựa nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp.

Hình thức bồi dưỡng: Phải kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lý thuyết với thực hành, để nâng sự hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ và của toàn dân, toàn quân.

3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong thời kỳ mới

Sự vận dụng quy luật kinh tế, quốc phòng và an ninh, quán triệt quan điểm đường lối của Đảng đề ra còn nhiều mâu thuẫn và bất cập do thiếu định hướng chiến lược cơ bản cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Vì vậy, muốn kết hợp ngay từ đầu và trong suốt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách cơ bản và thống nhất trên phạm vi của cả nước và từng địa phương, phải tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy hoạch và kế hoạch chiến lược tổng thể quốc gia và kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh.

Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể về phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong thời kỳ mới, phải có sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương từ khâu khảo sát, đánh giá các nguồn lực. Trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương hướng phát triển và đề ra các chính sách đúng đắn, như: Chính sách khai thác các nguồn lực, chính sách đầu tư và phân bổ đầu tư; chính sách điều động nhân lực, bố trí dân cư, chính sách ưu đãi khoa học và công nghệ...

4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh trong tình hình mới

Mọi chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến kết hợp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh đều phải thể chế hoá thành luật pháp, pháp lệnh, nghị định,... một cách đồng bộ, thống nhất để quản lý và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

Đảng và Nhà nước phải có chính sách khai thác các nguồn lực và vốn đầu tư trong và

ngoài nước để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh, nhất là đối với các công trình trọng điểm, ở những địa bàn chiến lược trọng yếu như miền núi biên giới và hải đảo.

Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh cần phải được xây dựng theo quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Phải có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần đối với các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư (cả trong và ngoài nước) có các đề tài khoa học, các dự án công nghệ sản xuất, xây dựng có hiệu quả cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng và an ninh các cấp

Căn cứ *Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/05/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương*, các cấp có thẩm quyền cần nghiên cứu bổ sung mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách quản lý Nhà nước về quốc phòng và an ninh nói chung và kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh nói riêng trong thời kỳ mới.

Kết hợp chặt chẽ giữa chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức với chăm lo bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ chuyên trách làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích tính tất yếu phải kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở nước ta hiện nay?
2. Nội dung, phương thức kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở nước ta hiện nay?
3. Phân tích các giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay?

Chuyên đề

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

I. TRUYỀN THỐNG VÀ NGHỆ THUẬT ĐÁNH GIẶC CỦA ÔNG CHA TA

1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử

Cách đây mấy nghìn năm, từ khi các Vua Hùng mở nước Văn Lang, lịch sử dân tộc Việt

Nam bắt đầu thời đại dựng nước và giữ nước. Do yêu cầu tự vệ trong chống giặc ngoại xâm và yêu cầu thủy lợi của nền kinh tế nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành của nhà nước trong buổi đầu lịch sử. Nhà nước Văn Lang là Nhà nước đầu tiên của nước ta, có lãnh thổ khá rộng và vị trí địa lý quan trọng, bao gồm vùng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ ngày nay, nằm trên đầu mối những đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á.

Nền văn minh sông Hồng còn gọi là văn minh Văn Lang, mà đỉnh cao là văn hoá Đông Sơn rực rỡ, thành quả đáng tự hào của thời đại Hùng Vương. Vào nửa sau thế kỷ thứ III trước công nguyên, nhân sự suy yếu của triều đại Hùng Vương cuối cùng, Thục Phán là một thủ lĩnh người Âu Việt đã thống nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, thành lập nước Âu Lạc, dời đô từ Lâm Thao (Phú Thọ) về Cổ Loa (Hà Nội). Nhà nước Âu Lạc kế thừa Nhà nước Văn Lang trên mọi lĩnh vực.

Do có vị trí địa lý thuận lợi, nước ta luôn bị các thế lực ngoại bang nhòm ngó. Sự xuất hiện các thế lực thù địch và âm mưu thôn tính mở rộng lãnh thổ của chúng là nguy cơ trực tiếp đe dọa vận mệnh đất nước ta. Do vậy, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập và cuộc sống đã sớm xuất hiện trong lịch sử dân tộc ta. Người Việt muốn tồn tại, bảo vệ cuộc sống và nền văn hoá của mình chỉ có con đường duy nhất là đoàn kết đứng lên đánh giặc, giữ nước.

2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc

a) Về địa lý

Nhà nước Văn Lang trước kia, Nhà nước Việt Nam ngày nay có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam Á và biển Đông, có hệ thống giao thông đường bộ, đường biển, đường sông, đường không, bảo đảm giao lưu trong khu vực châu Á và thế giới thuận lợi. Đã từ lâu, nhiều kẻ thù luôn nhòm ngó, đe dọa và tiến công xâm lược. Để bảo vệ đất nước, bảo vệ sự trường tồn của dân tộc, cha ông ta đã đoàn kết và phát huy tối đa ưu thế của địa hình để lập thế trận đánh giặc.

b) Về kinh tế

Kinh tế nước ta là tự cung, tự cấp, sản xuất nông nghiệp là chính, trong đó trồng trọt, chăn nuôi là chủ yếu, trình độ canh tác thấp. Trong quá trình phát triển, tổ tiên ta đã kết hợp chặt chẽ tư tưởng dựng nước phải đi đôi với giữ nước, thực hiện nhiều kế sách như “phú quốc, binh cường”, “ngụ binh ư nông”,... Tích cực phát triển sản xuất, chăn nuôi để ổn định, nâng cao đời sống của nhân dân, đồng thời, phát huy tính sáng tạo trong lao động, tự tạo ra vũ khí để chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

c) Về chính trị, văn hoá - xã hội

Nước Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng chung sống hoà thuận, đoàn kết. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã sớm xây dựng được Nhà nước, xác định chủ quyền lãnh thổ, tổ chức quân đội để cùng toàn dân đánh giặc, xây dựng được nền văn hoá mang bản sắc Việt Nam. Đất nước bao gồm làng, xã, thôn, bản và có nhiều dân tộc cùng chung sống. Mỗi dân tộc, làng, xã có phong tục, tập quán riêng, tạo nên nét đặc sắc văn hoá dân tộc Việt

Nam.

d) Về đối tượng tác chiến

Dân tộc ta phải đấu tranh chống lại các đạo quân xâm lược, đô hộ của nước lớn, có tiềm lực mạnh hơn ta cả về kinh tế, quân sự. Với tư tưởng bành trướng, bá quyền nước lớn, thái độ hiếu chiến, ngạo mạn, âm mưu thôn tính nước ta với nhiều thủ đoạn thâm độc, nham hiểm và xảo quyệt với những hành động tàn bạo, dã man, bất chấp đạo lý.

Trong quá trình đó, dân tộc ta đã xây dựng được nền văn hoá truyền thống: *Đoàn kết, yêu nước, thương nòi, sống hoà thuận, thủy chung; lao động cần cù sáng tạo, đấu tranh anh dũng kiên cường bất khuất.*

3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược

a) Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là cuộc kháng chiến chống quân Tần. Đó là cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ, từ năm 214 đến 208 trước công nguyên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Vua Hùng và Thục Phán.

Sau cuộc kháng chiến chống Tần là cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do Thục Phán - An Dương Vương lãnh đạo chống quân xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 đến 179 trước công nguyên, nhưng bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm hoạ hơn một nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ (thời kỳ Bắc thuộc).

b) Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược giành và giữ độc lập từ thế kỷ II trước công nguyên đến đầu thế kỷ X

Trong hơn một nghìn năm (từ năm 179 trước công nguyên đến năm 938), nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Triệu, nhà Hán, nhà Lương,... đến nhà Tùy, nhà Đường đô hộ. Trong thời gian này, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ, đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn, phát huy tinh hoa của nền văn hoá dân tộc và quyết đứng lên đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa của hai bà Trưng vào mùa xuân năm 40 đã giành được độc lập. Nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững trong ba năm.

Năm 248, Triệu Thị Trinh phát cờ khởi nghĩa. Nghĩa quân của người con gái núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá) làm cho quân thù nhiều phen kinh hồn, bạt vía. Sau gần nửa năm chiến đấu khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động. Mặc dù bà Triệu cùng nghĩa quân chiến đấu rất anh dũng, nhưng kẻ thù có sức mạnh vượt trội và đàn áp rất khốc liệt, nên khởi nghĩa bị thất bại.

Mùa xuân năm 542, phong trào yêu nước của người Việt lại bùng lên mạnh mẽ, rầm rộ. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Lý Bôn, anh hùng hào kiệt bốn phương cùng toàn dân vùng

lên lật đổ chính quyền của nhà Lương. Sau đó, nghĩa quân liên tiếp đánh thắng hai cuộc phản công của kẻ thù. Đầu năm 544, Lý Bôn lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

Khởi nghĩa của Lý Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687.

Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722.

Khởi nghĩa của Phùng Hưng (Bồ Cái Đại Vương) năm 766 đến 791.

Trước hành động phản bội của Kiều Công Tiễn và họa xâm lăng của quân Nam Hán, Ngô Quyền là một danh tướng của Dương Đình Nghệ đã đứng lên lãnh đạo quân dân ta, kiên quyết đánh giặc, bảo vệ chủ quyền dân tộc. Trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền cùng quân và dân ta đã nhấn chìm toàn bộ đoàn thuyền của quân Nam Hán, khiến Hoàng Thao phải bỏ mạng, vua Nam Hán phải bãi binh, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đất nước ta mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên của độc lập, tự chủ.

c) Các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII

Kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất năm 981 của nhà Tiền Lê

Thời nhà Đinh, công cuộc xây dựng đất nước đang được xúc tiến thì năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước thừa dịp âm mưu lật đổ và thôn tính. Lúc bấy giờ, ở Trung Quốc, nhà Tống đã thành lập và đang phát triển. So với Nam Hán, thì nhà Tống là một triều đại cường thịnh của một quốc gia phong kiến lớn nhất Châu Á đương thời. Nhân dịp suy yếu của nhà Đinh, nhà Tống quyết định phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đại Cồ Việt (quốc hiệu của nước ta lúc đó). Trong khi vua Đinh còn trẻ, chưa đủ khả năng và uy tín tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến, vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, triều thần và quân sỹ đã suy tôn Lê Hoàn, người đang giữ chức thập đạo tướng quân lên làm vua. Lê Hoàn lên ngôi, lập nên triều đại nhà Tiền Lê và đảm nhiệm sứ mạng lịch sử, tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Tống.

Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075-1407) của nhà Lý

Tuy bị đại bại trong lần xâm lược năm 981, nhà Tống vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng xâm lược nước ta. Khoảng giữa thế kỷ XI, vua Tống Thần Tông ra lệnh chuẩn bị lực lượng đánh Đại Việt lần nữa, nhằm giành thắng lợi ở Đại Việt để tạo thế uy hiếp nước Liêu, nước Hạ. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt, lúc đó nắm giữ binh quyền trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, nhận thấy không thể để bị động đối phó, đợi quân giặc tiến công sang, mà phải chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Với chủ trương thực hiện “tiên phát chế nhân”, “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của chúng”, Lý Thường Kiệt đã chủ động đưa quân tiến công sang đất Tống tiêu diệt lực lượng ở các căn cứ xuất phát của kẻ thù, rồi rút về phòng thủ đất nước. Biết quân Tống thế nào cũng kéo quân sang phục thù, Lý Thường Kiệt đã cho khẩn trương chuẩn bị kháng chiến, xây dựng phòng tuyến Như Nguyệt để chặn giặc; đồng thời, triển khai lực lượng, bố trí thế trận chống

giặc ngoại xâm. Trận phản công Như Nguyệt (tháng 3/1077), quân và dân Đại Việt đã quét sạch quân xâm lược Tống ra khỏi biên cương của Tổ quốc.

Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần ở thế kỷ XIII

Từ năm 1225, nhà Trần thay thế nhà Lý đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo công cuộc dựng nước và giữ nước (1226-1400), đã lãnh đạo nhân dân ta ba lần kháng chiến chống quân Nguyên, giành thắng lợi vẻ vang, bổ sung những nét đặc sắc vào nền nghệ thuật quân sự Việt Nam. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, quân và dân ta đã đánh thắng 3 vạn quân Nguyên. Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, quân và dân ta đã đánh thắng 60 vạn quân Nguyên. Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287-1288, quân và dân ta đã đánh thắng 50 vạn quân Nguyên.

Trong vòng 30 năm (1258-1288), dân tộc ta phải liên tiếp ba lần đứng lên chống xâm lược. Kháng chiến chống quân Nguyên không chỉ là cuộc đọ sức quyết liệt giữa một đế quốc đầu sỏ mạnh nhất thế giới lúc đó với một dân tộc nhỏ bé nhưng kiên quyết đứng lên chống xâm lược để bảo vệ đất nước, mà còn là cuộc đấu tranh gay gắt về tài trí giữa hai nền nghệ thuật quân sự của Đại Việt và quân xâm lược Nguyên - Mông.

Cuộc kháng chiến chống Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo (1400-1407)

Vào cuối thế kỷ XIV, triều đại nhà Trần từng bước suy tàn, Hồ Quý Ly là một quý tộc có thanh thế đã phế truất vua Trần, lập ra vương triều mới, triều đại nhà Hồ. Tháng 5/1406, dưới chiêu bài “phù Trần diệt Hồ”, nhà Minh đã đưa quân xâm lược nước ta. Trong tác chiến, nhà Hồ quá thiên về phòng thủ, coi đó là phương thức cơ bản, dẫn đến sai lầm về chỉ đạo chiến lược. Mặt khác, không phát động được được toàn dân đánh giặc, tổ chức phản công chiến lược không đúng thời cơ, bị tổn thất nặng nề, nên bị thất bại. Đất nước ta một lần nữa bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo

Mặc dù chiếm được Đại Việt, nhưng giặc Minh không khuất phục được dân tộc ta, các cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp nhân dân yêu nước vẫn liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Lam Sơn. Sau 10 năm (1418-1427) chiến đấu bền bỉ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành chiến tranh giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Thắng lợi vĩ đại đó chứng tỏ nghệ thuật quân sự trong khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng của cha ông ta đã đạt đến đỉnh cao và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá.

Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784-1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788-1789

Sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi, lập nên triều Hậu Lê (triều Lê Sơ), đây là giai đoạn hưng thịnh nhất của phong kiến Việt Nam. Nhưng thời gian hưng thịnh của đất nước không kéo dài, từ năm 1553 đến năm 1788 xảy ra cuộc nội chiến triền miên giữa các thế lực, mà điển hình nhất là vua Lê-chúa Trịnh.

Trong thời gian đó, có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Tây Sơn. Quân Tây Sơn tiến công vào Gia Định, hang ổ cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn phải sống lưu vong nhờ sự giúp đỡ của vua Xiêm (Thái Lan). Năm 1784, nhà Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và tiến công ra Bắc, xoá bỏ giới tuyến sông Gianh, chấm dứt toàn bộ thể chế “vua Lê - chúa Trịnh”. Năm 1788, trước nguy cơ xâm lược của 29 vạn quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung và thực hiện cuộc hành quân thần tốc tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược vào Tết Kỷ Dậu 1789. Tiếp theo là triều đại của Nguyễn Ánh (Gia Long), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và Bảo Đại là vị vua cuối cùng của Nhà nước phong kiến Việt Nam.

4. Nghệ thuật đánh giặc của ông cha

Lịch sử đã đặt ra cho dân tộc ta biết bao thử thách ngặt nghèo trong quá trình dựng nước và giữ nước. Nhưng với tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, với truyền thống đoàn kết vươn lên trong đấu tranh và xây dựng, với tài thao lược kiệt xuất của cha ông, nhân dân ta đã vượt qua tất cả mọi trở ngại, chiến thắng mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, dân tộc ta đã hình thành nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông. Trong quá trình đó, nghệ thuật quân sự Việt Nam từng bước phát triển và được thể hiện rất sinh động trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng, trên các phương diện tư tưởng chỉ đạo tác chiến, mưu kế đánh giặc...

a) Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến

Giải phóng, bảo vệ đất nước là nhiệm vụ quan trọng, là mục tiêu cao nhất của các triều đại phong kiến trong chiến tranh giữ nước. Do đó, cha ông ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi trong suốt quá trình chiến tranh. Thực hiện tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, từ cục bộ đến toàn bộ, để quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi. Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh giữ nước. Tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công.

Sử sách còn ghi lại, thời nhà Lý đã chủ động đánh bại kẻ thù ở phía Nam (quân Chiêm Thành), phá tan âm mưu liên kết của nhà Tống với Chiêm Thành. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã sử dụng biện pháp “tiên phát chế nhân” chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Ông đã tận dụng thế “thiên hiểm” của địa hình, xây dựng tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt, thực hiện trận quyết chiến chiến lược, chủ động chặn và đánh địch từ xa để bảo vệ Thăng Long.

Vào thế kỷ XIII, các quốc gia châu Âu, châu Á đang run sợ trước vó ngựa của giặc Nguyên Mông, thì cả ba lần tiến quân xâm lược Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1288, giặc

Nguyên đều thảm bại, mặc dù có số quân lớn hơn nhiều lần quân đội nhà Trần. Có được thắng lợi đó là do ta đã thực hiện toàn dân đánh giặc, “cả nước chung sức, trăm họ là binh”, trong đó, tích cực chủ động tiến công giặc là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong các cuộc chiến tranh.

Trước đối tượng tác chiến là giặc Nguyên Mông có sức mạnh lớn hơn, ông cha ta đã kịp thời thay đổi phương thức tác chiến, tránh quyết chiến với địch khi chúng còn rất mạnh, chủ động rút lui chiến lược, bảo toàn lực lượng và tạo thế, thời cơ để phản công. Rút lui chiến lược, tạm nhường Thăng Long cho giặc trong một thời gian nhất định, là để bảo toàn lực lượng và đó là một nét độc đáo trong nghệ thuật tác chiến, chứ không phải là tư tưởng rút lui. Quân địch tạm chiếm được Thăng Long mà không chiếm được “thủ đô” của kháng chiến, bởi vì chỉ chiếm được “thành không, nhà trống”. Trong khoảng thời gian đó, quân đội nhà Trần và nhân dân cả nước đã tích cực tác chiến nhỏ lẻ, tiêu hao nhiều lực lượng địch, làm cho chúng rơi vào trạng thái “tiến thoái lưỡng nan”, tạo thời cơ tốt nhất để phản công chiến lược, quét sạch quân thù ra khỏi đất nước (lần thứ nhất sau 9 ngày tính từ khi giặc Nguyên vào Thăng Long, lần thứ hai sau 5 tháng, lần thứ ba sau 3 tháng).

Đến thời Nguyễn Huệ, tư tưởng chủ động tiến công địch để giải phóng Thăng Long lại được phát triển lên một tầm cao mới. Với cách đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ và mãnh liệt, giải quyết chiến tranh nhanh gọn trong một đợt tổng giao chiến, ông đã chủ động tiến công địch khi chúng còn rất mạnh (29 vạn quân Thanh và quân bán nước Lê Chiêu Thống) nhưng lại rất chủ quan, kiêu ngạo, thiếu phòng bị (quân Thanh và bè lũ bán nước đang chuẩn bị đón tết Kỷ Dậu năm 1789), do đó, đã giành thắng lợi trọn vẹn.

b) Về mưu kế đánh giặc

Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho chúng bị động, lúng túng đối phó. Kế là để điều địch theo ý định của ta, giành quyền chủ động, buộc chúng phải đánh theo cách đánh của ta. Trong các cuộc chiến tranh giải phóng, với ý chí kiên cường của dân tộc, triều đại nhà Lý, Trần, hậu Lê,... đã tạo được thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, kết hợp các cách đánh, các lực lượng cùng đánh. Trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ đất nước, cha ông ta đã kết hợp chặt chẽ giữa quân triều đình, quân địa phương và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh địch, làm cho lực lượng địch luôn bị phân tán, không thực hiện được hợp quân tại Thăng Long. Để bảo vệ Thăng Long, Lý Thường Kiệt đã xây dựng tuyến phòng ngự sông Cầu để chặn giặc, khi quân nhà Tống tiến công vượt sông không thành công phải chuyển vào phòng ngự, ông đã dùng quân địa phương và dân binh liên tục quấy rối, làm cho địch mệt mỏi, căng thẳng, tạo thời cơ cho quân đội nhà Lý chuyển sang phản công giành thắng lợi hoàn toàn.

Kế sách đánh giặc của ông cha ta không những sáng tạo, mà còn hết sức mềm dẻo, khôn khéo đó là “biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ”. Biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công

quân sự luôn giữ vai trò quyết định. Lê Lợi, Nguyễn Trãi không những giỏi trong bày mưu, lập kế để đánh thắng giặc trên chiến trường, mà còn thực hiện “mưu phạt công tâm”, đánh vào lòng người. Sau khi đánh tan đạo quân viện binh do Liễu Thăng chỉ huy, đã vây chặt thành Đông Quan, buộc Vương Thông phải đầu hàng vô điều kiện, nhưng các ông đã cấp thuyền, ngựa và lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Ông cha ta đã phát triển mưu, kế đánh giặc, biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra một “thiên la, địa võng” để diệt địch. Làm cho “địch đông mà hoá ít, địch mạnh mà hoá yếu”, đi đến đâu cũng bị đánh, luôn bị tập kích, phục kích, lực lượng bị tiêu hao, tiêu diệt, rơi vào trạng thái “tiến thoái lưỡng nan”. Trong tác chiến, ông cha ta đã triệt để khoét sâu điểm yếu của địch là tác chiến ở chiến trường xa, tiếp tế khó khăn, nên đã tập trung triệt phá lương thảo, hậu cần của địch. Ngoài thực hiện kế “thanh dã”, làm cho kẻ thù rơi vào trạng thái “người không có lương ăn, ngựa không có nước uống”, quân đội nhà Trần tổ chức lực lượng đón đánh các lực lượng vận chuyển lương thực, hậu cần và đánh phá kho tàng của địch. Diễn hình như đội quân của Trần Khánh Dư đã tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của giặc do Trương Văn Hồ chỉ huy ở bến Vân Đồn, làm cho giặc Nguyên ở Thăng Long vô cùng hoảng loạn.

c) Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc

Thực hiện toàn dân đánh giặc là một trong những nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự của tổ tiên ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Nét độc đáo đó xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất tự vệ, chính nghĩa của các cuộc kháng chiến. Hễ kẻ thù đụng đến nước ta, thì “vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh”, giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

Từ lời thề của hai Bà Trưng và nghĩa quân: “Một xin rửa sạch nước thù; hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng; ba kéo oan ức lòng chồng; bốn xin vẹn vẹn sở công lệnh này”, đến Hịch tướng sỹ, Bình Ngô đại cáo, nghệ thuật “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, nghệ thuật quân sự Việt Nam đã liên tục phát triển dựa trên nền tảng của chiến tranh nhân dân, thực hiện tốt đôi yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, để đạt mục đích là cùng giành lại và giữ vững chủ quyền đất nước với tư tưởng “dập tắt muôn đời chiến tranh”, “đem lại thái bình muôn thuở”.

Nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là: “Mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị, chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc. Cả nước là một chiến trường, tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, vững chắc làm cho địch đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu, rơi vào trạng thái bị động, lúng túng và bị sa lầy”. Trong đánh giặc, ông cha ta đã tận dụng địa hình, xây dựng thế trận làng, nước vững chắc, vận dụng sáng tạo cách đánh của nhiều lực lượng, nhiều thứ quân. Vận dụng rộng rãi, sáng tạo nhiều hình thức đánh giặc để đạt hiệu quả cao như: Phòng ngự sông Cầu, phục kích Chi Lăng, phản

công Chương Dương, Hàm Tử, tiến công Ngọc Hồi, Đống Đa...

d) Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh

Đây là nét đặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật quân sự của ông cha ta, khi dân tộc ta luôn phải chống lại các đội quân xâm lược có quân số, vũ khí, trang bị lớn hơn nhiều lần. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh chính là sản phẩm của lấy “thế” thắng “lực”. Quy luật của chiến tranh là mạnh được, yếu thua, nhưng từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, cha ông ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh trong chiến tranh, *đó là*: Sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, chứ không thuần túy là sự so sánh, hơn kém về quân số, vũ khí của mỗi bên tham chiến.

Để chống lại 30 vạn quân xâm lược Tống (1077), nhà Lý trong khi chỉ có khoảng 10 vạn quân, Lý Thường Kiệt đã tận dụng được ưu thế địa hình và các yếu tố khác để tạo ra sức mạnh hơn địch và đánh thắng địch.

Thời nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, chống lại giặc Nguyên - Mông, lần thứ hai là 60 vạn, lần ba là khoảng 50 vạn. Nhà Trần đã “lấy đoản binh để chế trường trận”, hạn chế sức mạnh của giặc, để đánh thắng giặc.

Cuộc khởi nghĩa của Lam Sơn, quân số lúc cao nhất có khoảng 10 vạn, nhưng đã đánh thắng 80 vạn quân Minh xâm lược. Vì Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã vận dụng “tránh thế ban mai, đánh lúc chiều tà” và vận dụng cách đánh “vây thành để diệt viện”.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Mãn Thanh xâm lược, nhà Tây Sơn có khoảng 10 vạn quân, nhưng đã đánh thắng 29 vạn quân xâm lược và quân bán nước Lê Chiêu Thống vì Nguyễn Huệ đã dùng lối đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ.

e) Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận

Chiến tranh là sự thử thách toàn diện đối với mỗi quốc gia trong tham chiến. Trong chống giặc ngoại xâm, ông cha ta đã biết kết hợp chặt chẽ các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù. Mỗi mặt trận có vị trí, tác dụng khác nhau, nhưng cùng thống nhất ở mục đích tạo ra sức mạnh để giành thắng lợi trong chiến tranh.

Mặt trận chính trị nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở để tạo ra sức mạnh quân sự.

Mặt trận quân sự là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển.

Mặt trận ngoại giao có vị trí rất quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hoá, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến. Mặt khác, mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận quân sự, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Diễn

hình: Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mở “Hội thề Đông Quan”, cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Mặt trận binh vận để vận động làm tan rã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

f) Về nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn

Trong các triều đại phong kiến, ông cha ta đã tổ chức và thực hành các trận đánh lớn để giải phóng đất nước, kết thúc chiến tranh. Thời nhà Lý có phòng ngự sông Cầu (Như Nguyệt), đây là một điển hình về kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật.

Tác chiến phòng ngự ở Như Nguyệt không chỉ chặn đứng 30 vạn quân Tống, mà còn làm thất bại ý đồ đánh nhanh, thắng nhanh để chiếm Thăng Long của chúng, khiến quân địch phải chuyển từ chủ động tiến công sang bị động phòng ngự.

Thời nhà Trần, lần chống giặc Nguyên lần thứ 2, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức một cuộc rút lui chiến lược, làm thất bại kế hoạch hợp vây của địch. Trong cuộc truy đuổi, giặc Nguyên không thực hiện được những đòn quyết chiến với chủ lực ta, trái lại, chúng vấp phải một cuộc chiến tranh của toàn dân Đại Việt. Do vậy, quân Nguyên đã sa vào tình trạng muốn đánh mà không đánh được, “lực càng yếu, thế càng suy”, điều đó đã tạo ra thời cơ phản công cho quân ta.

Thời nhà hậu Lê, sau 10 năm bèn bỉ, gian khổ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang giải phóng dân tộc, giải phóng Thăng Long. Thắng lợi đó là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn giữ một vai trò rất quan trọng, đặc biệt ở giai đoạn cuối của chiến tranh. Trong chỉ đạo tác chiến, Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương “lánh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc, đánh nơi sơ hở”. Khi nghe tin viện binh nhà Minh sắp sang, nhiều tướng sỹ yêu cầu Lê Lợi hạ gập thành Đông Quan (Thăng Long) để diệt trừ nội ứng, rồi sau đó sẽ dốc toàn lực để đánh viện binh. Lê Lợi đã phân tích một cách sáng suốt và quyết định: “Đánh thành là hạ sách... Sao bằng nuôi dưỡng sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh bị phá thì thành tất phải hàng. Làm một việc mà được cả hai, đó mới là kế sách vẹn toàn”. Việc lựa chọn rất đúng mục tiêu tiến công chiến lược và kiệt xuất trong tổ chức, thực hành trận quyết chiến Chi Lăng-Xương Giang, buộc lũ giặc Vương Thông trong thành Đông Quan không đánh mà bị bắt đã chứng tỏ tài năng quân sự xuất sắc của ông trong tổ chức và thực hành các trận đánh lớn của ông cha ta.

Nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn được biểu hiện tập trung nhất, rực rỡ nhất trong việc tổ chức và thực hành các trận quyết chiến chiến lược, đặc biệt là giải phóng Thăng Long trong Tết Kỷ Dậu 1789. Khi chọn đánh vào Thăng Long, là địa bàn tập trung hầu hết quân địch, là nơi bộ chỉ huy quân Thanh và triều đình Lê Chiêu Thống, Nguyễn

Huệ đã nhìn thấy rất rõ trong cái mạnh của địch, chúng bộc lộ những điểm yếu và sơ hở. Điểm yếu cơ bản của quân tướng nhà Thanh là rất chủ quan, ngạo mạn, cho rằng, Tây Sơn không dám và không thể tiến công chúng, do đó thế trận rất lỏng lẻo.

Trong thực hành tác chiến, Nguyễn Huệ đã thiết lập một hệ thống tổ chức hành quân đạt hiệu quả tối đa, khiến quân địch hoàn toàn bị động. Trong cách đánh, Nguyễn Huệ rất chú trọng hợp vây chiến dịch, chiến thuật và tiến công địch bằng các đòn thọc sâu, hiểm hóc. Đây vừa là nghệ thuật kết hợp tiến công chính diện với bên sườn, vừa là tiến hành nhiều trận đánh diễn ra đồng thời, liên tiếp, nhanh mạnh, bất ngờ, khiến địch không thể ứng cứu được cho nhau và nhanh chóng thất bại.

II. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM TỪ KHI CÓ ĐẢNG LÃNH ĐẠO

Kế thừa, phát triển nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên, nghệ thuật quân sự Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã không ngừng phát triển, gắn liền với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Nghệ thuật quân sự Việt Nam gồm ba bộ phận hợp thành: Chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Ba bộ phận của nghệ thuật quân sự là một thể thống nhất có quan hệ biện chứng chặt chẽ, thúc đẩy nhau phát triển, trong đó chiến lược quân sự đóng vai trò chủ đạo.

1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam

a) Truyền thống đánh giặc của tổ tiên

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật quân sự của tổ tiên đã hình thành và không ngừng phát triển, trở thành những bài học vô giá cho các thế hệ sau. Nhiều tư tưởng quân sự kiệt xuất như: “Bình thư yếu lược”, “Hổ trướng khu cơ”, “Bình Ngô đại cáo”; những trận đánh điển hình như: Như Nguyệt, Chi Lăng, Tây Kết, Ngọc Hồi, Đống Đa... đã để lại những kinh nghiệm quý giá. Kinh nghiệm truyền thống đó là cơ sở để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kế thừa, vận dụng, phát triển trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

b) Chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Học thuyết chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và kinh nghiệm nghệ thuật quân sự được đúc rút qua các cuộc chiến tranh do C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin tổng kết, là cơ sở để Đảng ta vận dụng, định ra đường lối quân sự trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng ở Việt Nam.

c) Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh

Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lý luận Mác-Lênin về quân sự, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển Nghệ thuật quân sự Việt Nam. Hồ Chí Minh đã từng biên dịch “Bình pháp Tôn Tử”, viết về “kinh nghiệm du kích Tàu”,

“du kích Nga”,... phát triển nguyên tắc chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự,... qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ, đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

a) Chiến lược quân sự

Chiến lược quân sự là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi; bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật quân sự.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến lược quân sự Việt Nam đã thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến

Đây là vấn đề quan trọng của chiến tranh cách mạng, nhiệm vụ của chiến lược quân sự phải xác định chính xác để từ đó có đối sách và phương thức đối phó hiệu quả nhất. Thực tiễn ở nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lúc đó xuất hiện nhiều kẻ thù: Quân đội Anh, Tưởng, Ấn Độ, Nhật và quân Pháp.

Tất cả kẻ thù trên đều cùng chung một mục đích là tiêu diệt Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Trước tình hình đó, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp. Đây là tư duy chính xác và khoa học của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời điểm lịch sử “ngàn cân treo sợi tóc”. Từ đó, đối tượng tác chiến của quân và dân ta là quân đội Pháp xâm lược.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, khi đế quốc Mỹ không chịu ký hiệp định Giơnevơ, tạo cơ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, ngay từ tháng 9/1954, Đảng ta đã nhận định, đế quốc Mỹ đang dần trở thành kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia. Đây là sự phán đoán chính xác trong xác định kẻ thù của cách mạng nói chung, của chiến lược quân sự nói riêng.

- Đánh giá đúng kẻ thù

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Bước vào kháng chiến chống Pháp, so sánh lực lượng địch, ta hết sức chênh lệch, nhưng với phương pháp xem xét biện chứng, Đảng ta đã phân tích, chỉ ra sự phát triển trong so sánh lực lượng và cho rằng: “Lực lượng của Pháp như mặt trời lúc hoàng hôn, hồng hắc lắm nhưng đã gần tắt ngấm” còn “lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến...”. Đối với đế quốc Mỹ, dù có quân đông, súng tốt, tiền nhiều, nhưng chúng có điểm yếu chí mạng là đi xâm lược, bị nhân dân thế giới và ngay cả nhân dân nước Mỹ phản đối, Đảng ta đã đánh giá đúng kẻ thù, đưa ra nhận định “Mỹ giàu nhưng không mạnh”, đây là một tư duy chính xác, khoa học vượt trên mọi tư duy của thời đại trong thời

điểm lịch sử. Từ những nhận định trên của Đảng ta, chiến lược quân sự Việt Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Mỹ và biết thắng Mỹ.

- Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc

Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn nhất nhưng hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chúng ta mở đầu chiến tranh đều vào những thời điểm thoả mãn mọi điều kiện của hoàn cảnh lịch sử, do đó có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ. Trong kháng chiến chống Pháp, mở đầu chiến tranh vào ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đây là thời điểm ta không thể lùi được nữa sau các hành động thiện chí nhằm ngăn ngừa, không để chiến tranh xảy ra...

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, giặc Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã chọn đúng thời điểm sau năm 1960, chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, cách mạng miền Nam đã có bước trưởng thành, đây là thời điểm sau đồng khởi và không cho Mỹ tạo có phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta chọn thời điểm sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong kháng chiến chống Mỹ, ta chọn thời điểm, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tại các thời điểm đó, thế và lực cách mạng đều mạnh, có đủ điều kiện để quyết định kết thúc chiến tranh, tự quyết định vận mệnh của đất nước, mà không phụ thuộc vào những yếu tố tác động khách quan.

- Phương châm tiến hành chiến tranh

Để chống lại chiến tranh xâm lược của những kẻ thù có sức mạnh hơn ta nhiều lần về kinh tế, quân sự, khoa học, công nghệ, Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong đó, mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định nhất. Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh với tinh thần “tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính”, nhưng kháng chiến lâu dài không đồng nghĩa với kéo dài vô thời hạn, mà phải biết lựa chọn thời điểm có lợi nhất để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt.

- Phương thức tiến hành chiến tranh

Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nước ta là chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tự vệ. Do đó, Đảng ta chỉ đạo: Phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, quân sự; bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị, binh vận; trên cả ba

vùng chiến lược: Rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho địch bị động, lúng túng trong đối phó, dẫn đến sai lầm về chiến lược, sa lầy về chiến thuật và thất bại.

b) Nghệ thuật chiến dịch

Nghệ thuật chiến dịch là lý luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương; bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự, khâu nối liền giữa chiến lược quân sự và chiến thuật.

Chiến dịch hình thành trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947. Trong kháng chiến chống Pháp, ta đã tiến hành hơn 40 chiến dịch ở các quy mô khác nhau và hơn 50 chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ. Sự hình thành chiến dịch và phát triển của nghệ thuật chiến dịch, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam là toàn diện, tập trung những vấn đề chủ yếu sau.

- Loại hình chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, Quân đội Nhân dân Việt Nam và các lực lượng vũ trang đã tổ chức và thực hành các loại hình chiến dịch:

Chiến dịch tiến công: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch tiến công Tây Nguyên tháng 3 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Chiến dịch phản công: Chiến dịch phản công Việt Bắc năm 1947, chiến dịch phản công Đường số 9 - Nam Lào năm 1971.

Chiến dịch phòng ngự: Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (Lào) năm 1972.

Chiến dịch phòng không: Chiến dịch phòng không Hà Nội năm 1972.

Chiến dịch tiến công tổng hợp: Chiến dịch tiến công tổng hợp Khu 8.

- Quy mô chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, quy mô chiến dịch của ta còn rất nhỏ bé, lực lượng tham gia từ 1 đến 3 trung đoàn, vũ khí, trang bị chiến đấu thô sơ. Đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng tham gia đã lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác.

Trong kháng chiến chống Mỹ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ có từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng bộ binh là 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng. Trong hai cuộc kháng chiến, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở địa hình rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình để

nhANH chóng kết thúc chiến tranh.

- Nghệ thuật chiến dịch là cách đánh chiến dịch

Thời kỳ đầu, do so sánh lực lượng giữa ta và địch rất chênh lệch, bộ đội ta mới có kinh nghiệm chiến đấu những trận đánh đơn lẻ, chưa có kinh nghiệm tác chiến ở quy mô chiến dịch. Nhưng từ trong thực tiễn chiến tranh, trình độ chỉ huy và thực hành tác chiến của bộ đội ta đã ngày càng trưởng thành. Từ chiến dịch Việt Bắc năm 1947 đến chiến dịch Biên giới năm 1950 và đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc như: Nghệ thuật lựa chọn khu vực tác chiến chủ yếu, nghệ thuật chuẩn bị thế trận chiến dịch, nghệ thuật tập trung ưu thế lực lượng bảo đảm đánh chắc thắng trận mở màn chiến dịch, nghệ thuật xử trí chính xác các tình huống trong tác chiến chiến dịch...

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc, đó là: Xác định đúng phương châm tác chiến chiến dịch, việc thay đổi phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” thể hiện sự phân tích khoa học, khách quan tình hình địch, ta và địa hình. Xây dựng thế trận chiến dịch vững chắc, thực hiện bao vây rộng lớn, chia cắt và cô lập Điện Biên Phủ với các chiến trường khác. Phát huy cao nhất sức mạnh tác chiến hiệp đồng các binh chủng, tập trung ưu thế binh hỏa lực đánh dứt điểm từng trận then chốt, tiêu diệt từng bộ phận địch, phá vỡ từng mảng phòng ngự của chúng. Vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch, dựa vào hệ thống trận địa, thực hành vây hãm kết hợp với đột phá, kết hợp đánh chính diện với các mũi thọc sâu, luồn sâu, tạo thế chia cắt địch; kết hợp các đợt đánh lớn, đánh vừa và thường xuyên vây lấn, ngày càng siết chặt vòng vây, tạo thời cơ thực hành tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nghệ thuật chiến dịch đã kế thừa những kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp và nâng lên một tầm cao mới. Nghệ thuật chiến dịch đã chỉ đạo chiến thuật đánh bại tất cả các chiến lược quân sự, biện pháp, thủ đoạn tác chiến của quân Mỹ, nguy và chur hâu. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển nhảy vọt, được thể hiện ở các nội dung sau: Nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng, đảm bảo đánh địch trên thế mạnh, hình thành sức mạnh áp đảo địch trong chiến dịch. Nghệ thuật vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch (vận dụng hai cách đánh lần lượt và đồng loạt). Nghệ thuật phát huy sức mạnh của các binh chủng, quân chủng trong tác chiến hiệp đồng quy mô lớn. Nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy, phối hợp tác chiến ba thứ quân, lấy đòn đánh lớn của chủ lực làm trung tâm phối hợp. Nghệ thuật chỉ đạo vận dụng chiến thuật sáng tạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch. Nghệ thuật khuếch trương kết quả của trận then chốt trước với trận then chốt sau trong chiến dịch tiến công.

c) Chiến thuật

Chiến thuật là lý luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành trận chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang, bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu của bộ đội ta trước một đối tượng địch, địa hình cụ thể.

Nội dung của chiến thuật được thể hiện:

- Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, lực lượng, vũ khí, trang bị của ta còn hạn chế. Do đó, tư tưởng tác chiến của bộ đội ta là “quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến để tiêu diệt địch”. Các trận chiến đấu ở giai đoạn này chủ yếu diễn ra ở quy mô trung đội, đại đội, tiểu đoàn, lấy đánh địch ngoài công sự là phổ biến. Chiến thuật thường vận dụng là tập kích, phục kích, vận động tiến công trong đó, phục kích có lợi hơn tập kích.

Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những đánh giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự), mà từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ do yêu cầu của chiến lược, chiến dịch, phải đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch để giữ vững vùng giải phóng, chiến thuật phòng ngự xuất hiện. Chiến thuật phòng ngự được vận dụng như phòng ngự đòi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự Thượng Đức năm 1974... Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

- Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến, lực lượng tham gia các trận chiến đấu chủ yếu trong biên chế và được tăng cường một số hỏa lực như súng cối 82mm, DKZ,... Các giai đoạn sau, quy mô lực lượng tham gia các trận chiến đấu ngày càng lớn, đã có nhiều trận đánh hiệp đồng binh chủng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh, phòng không,... Hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ ngày càng nhiều.

- Cách đánh

Là nội dung quan trọng nhất của lý luận chiến thuật. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình.

Nội dung cách đánh trong từng hình thức chiến thuật phát triển từ cách đánh của lực lượng bộ binh là chủ yếu đến cách đánh hiệp đồng binh chủng. Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên giao.

III. VẬN DỤNG MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ NGHỆ THUẬT QUÂN

SỰ VÀO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG THỜI KỲ MỚI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN

Nghệ thuật quân sự Việt Nam đã hình thành, phát triển trong quá trình dựng và giữ nước của dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nghệ thuật quân sự ngày càng phát triển, đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh... Những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vẫn còn giữ nguyên giá trị để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công

Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, nghệ thuật quân sự của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch. Ngày nay, với sức mạnh của cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự của ta càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch để “kiên quyết không ngừng thế tiến công”, tiến công địch vào đúng thời cơ, địa điểm thích hợp. Ngày nay, kẻ thù của đất nước ta là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, có ưu thế về tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ mạnh, nhưng do tiến hành chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, nên chúng sẽ bộc lộ nhiều sơ hở. Trên cơ sở đánh giá đúng mạnh, yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và quy mô tác chiến, mọi cách đánh, mới có thể tiến công địch một cách liên tục mọi lúc, mọi nơi. Không chỉ tiến công trên mặt trận quân sự, mà phải tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận chính trị, binh vận, thực hiện “mưu phạt công tâm”, đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh.

Như vậy, trên cơ sở không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và vũ khí, nắm vững tư tưởng tích cực tiến công, chúng ta hoàn toàn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường và kết thúc chiến tranh trong điều kiện có lợi nhất.

2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc

Đây là sự kế thừa và phát huy lên một trình độ mới từ nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nghệ thuật quân sự chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang và nhân dân. Đó là một nguyên tắc trong nghệ thuật quân sự của toàn dân đánh giặc. Nguyên tắc đó phải được thể hiện cụ thể trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, đối tượng và thời cơ tiến công... trong kế hoạch chiến lược, chiến dịch, cũng như từng trận đánh cụ thể.

Trong hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang, kết hợp đánh phân tán với đánh tập trung, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn. Mỗi lực lượng, mỗi thứ quân đều có vị trí tác dụng và có những quy luật hoạt động riêng. Vì vậy, cần phải phối hợp tác chiến của các lực lượng, các thứ quân cả về chiến lược cũng như trong chiến dịch và chiến đấu. Có kết hợp đánh

phân tán, rộng khắp của lực lượng vũ trang địa phương với đánh tập trung của lực lượng cơ động, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn mới phát huy được uy lực của mọi vũ khí từ thô sơ đến hiện đại, làm cho binh lực của địch bị phân tán, dần mỏng, khiến cho chúng đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu và luôn bị động đối phó; trên cơ sở đó, thực hiện những đòn đánh quyết định, tạo sự thay đổi trên chiến trường có lợi cho ta.

3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế

Trong đấu tranh vũ trang, trước một đối tượng có sức mạnh vượt trội về quân sự, khoa học công nghệ phải biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố: Lực lượng, thế trận, thời cơ và mưu trí, sáng tạo. Dùng lực phải dựa vào thế có lợi, dùng đúng nơi, đúng lúc mới đạt hiệu quả cao, lực nhỏ hoá lớn, yếu hoá mạnh. Tạo thế, tạo lực để sẵn sàng đánh địch khi thời cơ có lợi nhất. Đặt thế, lực vào đúng thời cơ có lợi thì “sức dùng một nửa mà công được gấp đôi”. Muốn đánh thắng, còn phải dùng mưu kế, hạn chế cái mạnh của địch, phát huy cái mạnh của ta. Luôn chú ý lừa địch và giữ bí mật, bất ngờ. Đánh bất ngờ, tạo hiệu quả diệt địch, nhất là trong điều kiện lực lượng quân sự địch mạnh, có vũ khí công nghệ cao.

Nghệ thuật quân sự của ta còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”. Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạnh của thời đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó, cần đặc biệt chú trọng “nhân hoà”. Chỉ có kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu và các yếu tố khác, ta mới có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp, đánh thắng kẻ thù có kinh tế, quân sự mạnh khi chúng liều lĩnh xâm lược nước ta.

4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần. Trước thực tế đó, ông cha ta đã sáng tạo ra nghệ thuật “lấy ít địch nhiều”, nhưng biết tập trung ưu thế lực lượng trong những thời điểm quan trọng để đánh thắng quân xâm lược. Ngày nay, vận dụng tư tưởng lấy ít đánh nhiều, ta phải phát huy được khả năng đánh giặc của toàn dân, của cả ba thứ quân, tạo ra sức mạnh tổng hợp hơn địch để đánh thắng địch trong mọi tình thế. Mặt khác, phải tận dụng địa hình, tận dụng được yếu tố bí mật, bất ngờ, tiết kiệm được lực lượng để đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

Từng trận đánh, từng chiến dịch có mục đích cụ thể khác nhau, nhưng mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch phải đi đôi với bảo vệ vững chắc mục tiêu. Muốn giành thắng lợi triệt để trong chiến tranh, chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. Đánh tiêu hao rộng rãi

bằng đánh nhỏ, đánh vừa của chiến tranh nhân dân địa phương sẽ tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, thực hiện đánh lớn, tiêu diệt lớn quân địch. Đi đôi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng của địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính quy luật của ta trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

6. Trách nhiệm của sinh viên

Nghiên cứu nghệ thuật quân sự của các thế hệ ông cha, chúng ta có quyền tự hào về tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ sự tồn vong của đất nước. Ngày nay, đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhưng kẻ thù còn đó, chúng đang tìm mọi thủ đoạn để xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa rất nặng nề, đòi hỏi phải phát huy vai trò to lớn của thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên. Vì vậy, trước hết, mỗi sinh viên cần phát huy tinh thần tự lực, vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, đặc biệt là không ngừng bồi đắp lòng yêu quê hương, đất nước. Mặt khác, phải phấn đấu, tu dưỡng để trở thành những công dân tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi Tổ quốc cần.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích những nét đặc sắc trong truyền thống và nghệ thuật đánh giặc giữa nước của tổ tiên?
 2. Làm rõ nội dung chủ đạo trong nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo?
 3. Vận dụng một số bài học về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay? Trách nhiệm của sinh viên?
-

Chuyên đề
**XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC
GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

I. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO QUỐC GIA

1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

a) Lãnh thổ quốc gia

Lãnh thổ quốc gia là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia. Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm: Vùng đất quốc gia, vùng biển quốc gia (nội thủy và lãnh hải), vùng trời quốc gia, ngoài ra còn gồm lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

- Vùng đất quốc gia

Là phần mặt đất và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền một quốc gia; bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời quốc gia, nội thủy, lãnh hải. Vùng đất quốc gia thuộc chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của Việt Nam.

- Vùng biển Việt Nam

Vùng biển Việt Nam bao gồm: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia.

- Vùng trời quốc gia

Là khoảng không gian phía trên lãnh thổ quốc gia; là bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia đó. Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn đối với vùng trời quốc gia của mình.

Việc làm chủ vùng trời quốc gia trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt được thực hiện theo quy định chung của công ước quốc tế.

- Lãnh thổ quốc gia đặc biệt

Là loại lãnh thổ đặc thù của một quốc gia tồn tại hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia khác hoặc trên vùng biển, vùng trời quốc tế. Ví dụ như trụ sở làm việc và nơi ở của cơ quan đại diện ngoại giao.

b) Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình. Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình, không được xâm phạm lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác.

Chủ quyền lãnh thổ quốc gia dừng lại ở biên giới quốc gia; mọi tư tưởng và hành động thể hiện chủ quyền quốc gia vượt quá biên giới quốc gia của mình đều là hành động xâm phạm chủ quyền của các quốc gia khác và trái với công ước quốc tế. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối, bất khả xâm phạm; tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế.

c) Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là thực hiện tổng thể các giải pháp, biện pháp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh nhằm thiết lập và bảo đảm quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ, bao gồm vùng đất, vùng trời, vùng biển và lãnh thổ đặc biệt của quốc gia.

Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền nhà nước đối với lãnh thổ quốc gia.

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam là yêu cầu tất yếu, là nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam

Xây dựng, phát triển mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và quốc phòng, an ninh của đất nước.

Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Việt Nam trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong phạm vi lãnh thổ của mình.

Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của Việt Nam; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, vi phạm chủ quyền, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam.

Bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ của đất nước, thống nhất về quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại mọi hành động chia cắt lãnh thổ Việt Nam; mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cả bên trong lẫn bên ngoài hòng phá hoại quyền lực tối cao của Việt Nam.

Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia gắn bó chặt chẽ và đặt trong tổng thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là trực tiếp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia

a) Vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo Việt Nam

Biển, đảo là một bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia Việt Nam có vị trí quan trọng đặc

biệt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện cả nước có đến 28 tỉnh, thành phố ven biển, chiếm 42% diện tích đất liền và 45% dân số toàn quốc. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.

Biển, đảo Việt Nam thuộc Biển Đông, một trong những con đường giao thương hàng hải quốc tế nhộn nhịp nhất trên thế giới, nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, đây là điều kiện thuận lợi để chúng ta hội nhập kinh tế biển. Theo báo cáo của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, bờ biển nước ta có 10 điểm có thể xây dựng cảng biển nước sâu và nhiều điểm cảng trung bình với tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển đạt 50 triệu tấn/năm. Đến nay, Việt Nam đã ký hiệp định hàng hải thương mại với 26 quốc gia. Việt Nam đã phát triển được 30 cảng biển với 166 bến cảng, 350 cầu cảng...

Biển, đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với đời sống và việc phát triển kinh tế của cả nước, đặc biệt là nguồn tài nguyên sinh vật biển. Trên vùng biển Việt Nam đã phát hiện được khoảng 11.000 loài sinh vật cư trú trong hơn 20 kiểu hệ sinh thái điển hình, thuộc 6 vùng đa dạng sinh học biển khác nhau. Ngoài ra, còn phát hiện khoảng 1.300 loài trên các hải đảo.

Về khoáng sản, biển Việt Nam có khoảng 35 loại khoáng sản có quy mô trữ lượng khai thác khác nhau, trong đó, dầu khí là tài nguyên lớn nhất ở thềm lục địa. Biển Việt Nam còn có tiềm năng băng cháy, loại hình tài nguyên mới của thế giới; vùng ven biển còn chứa đựng tiềm năng to lớn về quặng sa khoáng như titan, thiếc, vàng, sắt, mangan, thạch cao, đất hiếm ...

Bờ biển nước ta mở ra cả ba hướng Đông, Nam và Tây Nam nên rất thuận lợi cho việc giao lưu thương mại quốc tế và du lịch, nghỉ dưỡng. Về tiềm năng phát triển du lịch biển, với 125 bãi biển lớn nhỏ, nắng ấm quanh năm, không khí trong lành với nhiều cảnh quan đẹp, đảo và vùng ven biển tập trung nhiều di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên; nhiều di tích văn hóa - lịch sử; các lễ hội dân gian, tín ngưỡng... của cư dân miền biển là điều kiện lý tưởng để xây dựng các khu du lịch, nghỉ mát, nghỉ dưỡng... ngày càng thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế.

Biển, đảo cũng là địa bàn chiến lược về quốc phòng và an ninh, là tuyến phòng thủ hướng đông của đất nước ta, tạo khoảng không gian cần thiết giúp kiểm soát việc tiếp cận lãnh thổ trên đất liền. Nằm ở trung tâm Biển Đông, Hoàng Sa và Trường Sa là những vị trí tiền tiêu bảo vệ sườn Đông của Tổ quốc. Các nhà chiến lược phương Tây cho rằng quốc gia nào kiểm soát được quần đảo Trường Sa sẽ khống chế được cả Biển Đông.

b) Các vùng biển Việt Nam

Vùng biển Việt Nam là các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phù hợp với Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982, bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; là một bộ phận cấu thành nên lãnh thổ quốc gia Việt Nam.

- Đường cơ sở

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại gần nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố.

Ngày 12/5/1977, Việt Nam tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Ngày 12/11/1982, Việt Nam tuyên bố về đường cơ sở gồm 11 điểm từ A1 đến A11.

- Nội thủy

Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong của đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

Vùng nước thuộc nội thủy có chế độ pháp lý như lãnh thổ trên đất liền. (Có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ). Nội thủy của Việt Nam bao gồm: Các vùng nước phía trong đường cơ sở; vùng nước cảng được giới hạn bởi đường nối các điểm nhô ra ngoài khơi xa nhất của các công trình thiết bị thường xuyên là bộ phận hữu cơ của hệ thống cảng.

- Lãnh hải

Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển, có chế độ pháp lý như lãnh thổ đất liền. *(Thực hiện chủ quyền đầy đủ và hoàn toàn)*

Trong lãnh hải, tàu thuyền của các quốc gia khác được hưởng quyền qua lại không gây hại, tức là với điều kiện là không được xâm phạm đến hòa bình, an ninh, trật tự và phải tôn trọng các quy định của quốc gia ven biển. Thường đi theo tuyến phân luồng giao thông biển của nước ven biển. (Điều 19 Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982). Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam. Trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam.

Nội thủy và lãnh hải là hai vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia (lãnh thổ trên biển của quốc gia)

- Vùng tiếp giáp lãnh hải

Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, quyền kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

- Vùng đặc quyền kinh tế

Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế.

- Thêm lục địa

Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Nhà nước có quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với thêm lục địa. Chủ quyền của nước ta đối với thêm lục địa là đương nhiên.

Tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thêm lục địa là ba vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia.

c) Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

Vùng biển Việt Nam có trên 4.000 hòn đảo lớn nhỏ (vùng biển Đông Bắc hơn 3.000, vùng biển Bắc Trung bộ trên 40, còn lại ở vùng biển Nam Trung bộ và vùng biển Tây Nam và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa). Hệ thống các đảo tiền tiêu như: Cô Tô, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc, Thổ Chu...

Quần đảo Hoàng Sa là huyện đảo trực thuộc Thành phố Đà Nẵng nằm án ngữ trên đường vào Vịnh Bắc Bộ. Quần đảo có trên 30 hòn đảo, đá, cồn san hô, bãi cát nằm rải rác trên vùng biển rộng khoảng 15.000 km². Các đảo trên Hoàng Sa được chia thành hai nhóm, nhóm An Vĩnh ở phía Đông Bắc, nhóm Lưỡi Liềm ở phía Tây Nam. Diện tích toàn bộ phần đất nổi của quần đảo khoảng 10 km², đảo lớn nhất là đảo Phú Lâm diện tích 1,5 km². Hiện nay, quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam đang bị phía Trung Quốc chiếm giữ trái phép.

Quần đảo Trường Sa là huyện đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa nằm ở phía Đông Nam Việt Nam, cách quần đảo Hoàng Sa khoảng 200 hải lý với hơn 100 đảo, đá, cồn và bãi san hô nằm trải rộng trên vùng biển rộng khoảng 160.000 km². Đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa là đảo Ba Bình rộng khoảng 0,6 km². Các nước và vùng lãnh thổ đang tranh chấp với Việt Nam trên quần đảo Trường Sa là Trung Quốc, Philipin, Malayxia, Brunây, Đài Loan. Việt Nam đang có mặt quản lý và bảo vệ 21 đảo, bãi đá ngầm (9 đảo nổi, 12 đảo chìm).

Ngày 26/3/1994, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn Công ước 1982 và trở thành thành viên chính thức của Công ước này. Do vậy, Việt Nam được hưởng quyền và phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do Công ước quy định về chủ quyền đối với hai vùng biển là nội thủy và lãnh hải, quyền chủ quyền đối với ba vùng biển là vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thêm lục địa.

d) Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia

- Bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển, đảo

Bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển, đảo cần thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển.

Vùng biển của Việt Nam, bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa là bảo vệ đặc quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên của biển ở những nơi đó; thực chất là bảo vệ lợi ích kinh tế ở vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của quốc gia. Như vậy, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển gắn bó mật thiết.

Các hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường... ở vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa là biểu hiện của quyền làm chủ trên biển của quốc gia. Những hành động khảo sát, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên, xây dựng, cải tạo các đảo, bãi đá ngầm... trái phép của tàu thuyền nước ngoài ở vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam, gây thiệt hại cho lợi ích quốc gia của Việt Nam và trái với Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

- Bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội và văn hoá trên biển, đảo và vùng ven biển

An ninh, trật tự an toàn xã hội là nhu cầu và điều kiện cần thiết để con người tồn tại và hoạt động ở mọi môi trường địa lý. Biển là môi trường có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt và nhiều biến động, lại là môi trường mở, thường xuyên có sự giao lưu quốc tế, nên đòi hỏi về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội lại càng cao hơn. Diễn biến của tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên biển rất phức tạp, đặc biệt là phải tiến hành trong điều kiện quy chế pháp lý không đồng nhất giữa các vùng nước khác nhau trên biển. Bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên biển không chỉ mang tính chất đối nội mà còn mang tính chất đối ngoại; là sự thể hiện năng lực làm chủ vùng biển quốc gia của nước ven biển trước cộng đồng thế giới và khu vực.

e) Giải pháp quản lý và bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Tăng cường tiềm lực quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, tư tưởng - văn hóa, khoa học giáo dục

Tăng cường tiềm lực quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo cần phải hoàn thiện hệ thống

các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách về biển, đảo. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho nhân dân về chủ quyền biển, đảo. Thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển, đảo làm nền tảng giữ vững ổn định, bảo vệ biển, đảo. Bồi dưỡng nguồn nhân lực, xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ biển.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trên biển, đảo

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên biển, vùng ven biển. Xây dựng thể trận kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trên biển. Xây dựng Quân đội Nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới.

Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế, tạo lập môi trường thuận lợi để phát triển

Quán triệt quan điểm của Đảng về đối ngoại trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, cần kiên trì chủ trương nhất quán là mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hoà bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt, bành trướng.

Tăng cường hoạt động pháp lý trên trường quốc tế, tạo cơ sở bảo vệ chủ quyền biển, đảo bền vững

Chủ động, tích cực đàm phán với các bên hữu quan để giải quyết những vấn đề về vùng biển chồng lấn, tranh chấp chủ quyền biển, đảo. Các hiệp định về phân định ranh giới trên biển và thềm lục địa được ký kết giữa Việt Nam với các nước là cơ sở pháp lý để quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh và các quyền lợi quốc gia, dân tộc trên các vùng biển phù hợp với luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

II. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Biên giới quốc gia

Luật Biên giới quốc gia của Việt Nam năm 2003 xác định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không, trong lòng đất. Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt thẳng đứng theo lãnh thổ Việt Nam.

a) Biên giới quốc gia trên đất liền

Biên giới quốc gia trên đất liền là đường phân định lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia. Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng,...); thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến); hình học (đường nối liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây.

b) Biên giới quốc gia trên biển

Biên giới quốc gia trên biển là phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. Biên giới quốc gia trên biển của quốc gia quần đảo là đường biên giới quốc gia phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả. Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo.

Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

c) Biên giới quốc gia trên không

Biên giới quốc gia trên không là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

d) Biên giới quốc gia trong lòng đất

Biên giới quốc gia trong lòng đất là phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thủy và lãnh hải, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kỹ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất.

e) Khu vực biên giới

Là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới. Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm: Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền; khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được

tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Do vị trí địa lý và chính trị, trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, việc xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia luôn là một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển đất nước. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, là một biện pháp hiệu quả chống lại sự xâm phạm chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Trong hoà bình, bảo vệ biên giới quốc gia là tổng thể các biện pháp mà hệ thống chính trị, xã hội, các lực lượng vũ trang khu vực biên giới áp dụng nhằm tuần tra, giữ gìn nguyên vẹn, chống lại sự xâm phạm biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách và làm nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia. Khi có xung đột hoặc chiến tranh, các biện pháp bảo vệ biên giới quốc gia được thể hiện rõ qua các trạng thái sẵn sàng chiến đấu: Thường xuyên, tăng cường và cao.

Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003 xác định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước và nhân dân thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại”.

Xây dựng, bảo vệ biên giới quốc gia, bao gồm các nội dung sau:

Ưu tiên đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; có chính sách ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khu vực biên giới định cư ổn định, phát triển và sinh sống lâu dài ở khu vực biên giới; điều chỉnh dân cư theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng và an ninh khu vực biên giới.

Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới; phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác nhiều mặt nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Nhà nước chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ

quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường. Sử dụng tổng hợp các biện pháp đấu tranh ngăn chặn mọi hành động xâm phạm tài nguyên, đặc biệt là xâm phạm tài nguyên trong lòng đất, trên biển, trên không, thềm lục địa của Việt Nam. Ngăn chặn, đấu tranh với mọi hành động phá hoại, huỷ hoại, gây ô nhiễm môi sinh, môi trường khu vực biên giới, bảo đảm cho người Việt Nam, nhân dân khu vực biên giới có môi trường sinh sống bền vững, ổn định và phát triển lâu dài.

Bảo vệ lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới. Thực thi quyền lực chính trị tối cao (quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp) của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên khu vực biên giới; chống lại mọi hành động xâm phạm về lợi ích kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước trên khu vực biên giới. Bảo đảm mọi lợi ích của người Việt Nam phải được thực hiện ở khu vực biên giới theo luật pháp Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam ký kết với các nước hữu quan.

Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Đập tan mọi âm mưu và hành động gây mất ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới quốc gia. Đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động chia rẽ đoàn kết dân tộc, phá hoại sự ổn định, phát triển khu vực biên giới.

Phối hợp với các nước, đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước láng giềng. Trấn áp mọi hành động khủng bố, tội phạm xuyên biên giới quốc gia.

III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; là sự kế thừa và phát triển đất nước, dân tộc và con người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước trong điều kiện mới.

Lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận hợp thành quan trọng, không thể tách rời của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lãnh thổ và biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự ổn định, bền chắc của đất nước Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi lãnh thổ, gồm cả vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vì vậy, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa không thể thành công nếu chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia không được xây dựng và bảo vệ tốt, bị xâm phạm.

2. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam là nơi sinh ra và lưu giữ, phát triển con người và những giá trị của dân tộc Việt Nam

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt Nam đã phải đổ biết bao mồ hôi, xương máu mới xây dựng nên, mới giữ gìn, bảo vệ được lãnh thổ quốc gia toàn vẹn, thống nhất và tươi đẹp như ngày hôm nay. Nhờ đó mà con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam có thể tồn tại, sinh sống, vươn lên và phát triển một cách độc lập, bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế; những giá trị, truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam được khẳng định, lưu truyền và phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử

Từ thừa Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh, đứng trước những kẻ thù to lớn và hung bạo, dân tộc Việt Nam luôn có ý thức và quyết tâm bảo vệ. Dù phải trải qua hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, phải chịu dưới ách đô hộ của các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc, người Việt Nam luôn phát cao hào khí anh hùng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong dựng nước và giữ nước, xây dựng và giữ gìn biên cương lãnh thổ quốc gia, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tư tưởng “Sông núi nước Nam vua Nam ở”, của ông cha ta được tiếp nối, khẳng định và nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam

Nhà nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ gìn và bảo vệ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó. Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước”.

3. Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định; giải quyết các vấn đề tranh chấp thông qua đàm phán hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau

Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định là vấn đề đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

Quan điểm này phù hợp với lợi ích và luật pháp của Việt Nam, phù hợp với công ước và luật pháp quốc tế, cũng như lợi ích của các quốc gia có liên quan. Đảng và Nhà nước ta coi việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước.

Trong giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện quan điểm giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

Về những vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên bộ, trên biển do lịch sử để lại hoặc mới nảy sinh, Đảng và Nhà nước ta khẳng định: “Việt Nam luôn sẵn sàng thương lượng hoà bình để giải quyết một cách có lý, có tình”. Việt Nam ủng hộ việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong khu vực thông qua đối thoại, thương lượng hoà bình, không sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực. Nhưng Việt Nam cũng sẵn sàng tự vệ chống lại mọi hành động xâm phạm lãnh thổ đất liền, vùng trời, vùng biển và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là: Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý về vấn đề này. Tuy nhiên, vì lợi ích an ninh chung của các bên hữu quan, Việt Nam sẵn sàng đàm phán hoà bình để giải quyết, trước mắt là đạt tới sự thoả thuận về “Bộ quy tắc ứng xử” trong khi tiếp tục tìm kiếm giải pháp lâu dài cho vấn đề biển Đông.

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về giải quyết những mâu thuẫn trên biển hiện nay là thực hiện tốt phương châm: “*Bốn không, bốn tránh, chín K, bốn giữ vững*”.

Bốn không: Không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Bốn tránh: Tránh xung đột về quân sự; tránh đối đầu về kinh tế; tránh bị cô lập về ngoại giao; tránh bị lệ thuộc về chính trị.

Chín K: Kiên quyết; kiên trì; khôn khéo; không khiêu khích; không mắc mưu khiêu khích; kiềm chế; không để nước ngoài lấn chiếm; không để xảy ra xung đột, đụng độ và không nổ súng trước.

Bốn giữ vững: Giữ vững chủ quyền quốc gia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển; giữ vững quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt - Trung; giữ vững ổn định chính trị trong nước.

4. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thống nhất quản lý việc xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”.

Quân đội Nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng Công an Nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

IV. TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIỂN, ĐẢO VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Trách nhiệm công dân

Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo và biên giới quốc gia Việt Nam. Trách nhiệm của công dân Việt Nam đối với xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo và biên giới quốc gia Việt Nam được Nhà nước ban hành cụ thể trong Hiến pháp và luật.

Điều 64: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân. Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới. Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh

Điều 1: Luật nghĩa vụ quân sự chỉ rõ: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân”.

Điều 10: Luật Biên giới quốc gia cũng xác định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý”.

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, mọi công dân Việt Nam phải:

Mọi công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nơi cư trú đều có nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi) nêu rõ: *“Mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đều bị nghiêm trị theo pháp luật”*. Đồng thời phải luôn nâng cao ý thức quốc phòng, an ninh, xây dựng ý thức, thái độ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc; có những hành động thiết thực góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, trước hết thực hiện nghiêm và đầy đủ Luật Quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quân sự, thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. “Công dân phải trung thành với Tổ quốc, làm nghĩa vụ quân sự, được giáo dục về quốc phòng và huấn luyện về quân sự; tham gia dân quân tự vệ, phòng thủ dân sự; chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền khi đất nước có tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng”.

2. Trách nhiệm của sinh viên

Sinh viên phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lập, tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thấy rõ ý nghĩa thiêng liêng, cao quý và bất khả xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xác định rõ vinh dự và trách nhiệm của công dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thực hiện tốt những quy định về chương trình giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đối với học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp, đại học; hoàn thành tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong thời gian học tập tại trường.

Sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi Nhà nước và người có thẩm quyền huy động, động viên. Sau khi tốt nghiệp, sẵn sàng tự nguyện, tự giác tham gia quân đội nhân dân, công an nhân dân khi Nhà nước yêu cầu. Tích cực, tự giác, tình nguyện tham gia xây dựng và phục vụ lâu dài tại các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần xây dựng khu vực biên giới, hải đảo vững mạnh, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thực hiện nghiêm chỉnh Luật Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề cao cảnh giác và kiên quyết đấu tranh làm thất bại các luận điệu xuyên tạc phản động về tình hình biên giới quốc gia và những vấn đề biên giới quốc gia đang được giải quyết giữa nước ta với các nước láng giềng cũng như âm mưu phá hoại sự đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các láng giềng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?
2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, biên giới quốc gia hiện nay?
3. Vai trò, nghĩa vụ và trách nhiệm của sinh viên đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay?

Chuyên đề

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN QUỐC PHÒNG

I. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

a) Khái niệm, thành phần

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, được tổ chức ở địa phương gọi là *dân quân*, được tổ chức ở cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là *tự vệ*.

Dân quân tự vệ là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

Thành phần của dân quân tự vệ gồm:

Dân quân tự vệ tại chỗ là lực lượng làm nhiệm vụ ở thôn, ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là thôn) và ở cơ quan, tổ chức.

Dân quân tự vệ cơ động là lực lượng cơ động làm nhiệm vụ trên các địa bàn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Dân quân thường trực là lực lượng thường trực làm nhiệm vụ tại các địa bàn trọng điểm về quốc phòng.

Dân quân tự vệ biển là lực lượng làm nhiệm vụ trên các hải đảo, vùng biển Việt Nam.

Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế...

Mở rộng lực lượng dân quân tự vệ là biện pháp bổ sung công dân trong độ tuổi chưa thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên cho đơn vị dân quân tự vệ.

Độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ trong thời bình

Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; nếu tình nguyện tham gia dân quân tự vệ thì có thể kéo dài đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ.

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ tại chỗ, dân quân tự vệ cơ động, dân quân tự vệ biển, dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là 04 năm; dân quân thường trực là 02 năm.

Ngày truyền thống của dân quân tự vệ là ngày 28/3/1935.

b) Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của dân quân tự vệ

Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ huy cao nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, người chỉ huy đơn vị quân đội.

Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và hệ thống chính trị để thực hiện nhiệm vụ.

Xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp; tổ chức, biên chế của dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

c) Vị trí, vai trò của dân quân tự vệ

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân quân tự vệ là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào toàn dân đánh giặc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong thời bình tại địa phương.

Trong tình hình hiện nay, chúng ta phải đối phó với chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ và sẵn sàng chiến đấu chống mọi tình huống chiến tranh xâm lược của các thế

lực thù địch thì vai trò của dân quân tự vệ càng được coi trọng. Lực lượng dân quân tự vệ là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, trực tiếp ở từng địa phương bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước ở cơ sở.

Đánh giá về vai trò của dân quân tự vệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Dân quân tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã”.

Trong thời bình, dân quân tự vệ là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế, phát triển địa phương và cả nước. Là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, phối hợp với các lực lượng khác đấu tranh làm thất bại chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, phòng, chống các tệ nạn xã hội, phòng, chống thiên tai, địch hoạ bảo đảm an toàn cho nhân dân.

Trong thời chiến, dân quân tự vệ làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương; vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các thủ đoạn chiến đấu, tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu, tham gia phục vụ chiến đấu giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân.

d) Nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

Phối hợp với các đơn vị Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Những nhiệm vụ trên được quy định trong Luật Dân quân tự vệ năm 2019. Đó là những nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên trong mọi giai đoạn cách mạng đối với mọi tổ chức dân quân tự vệ. Đồng thời là phương hướng, mục tiêu cơ bản chỉ đạo xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.

2. Nội dung xây dựng dân quân tự vệ

a) Phương châm xây dựng: Xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”.

Vững mạnh: Được thể hiện là chất lượng phải toàn diện cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, quân sự và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lý, thống nhất, có kỷ luật nghiêm, cơ động nhanh sẵn sàng chiến đấu tốt. Mỗi tổ chức dân quân tự vệ phải luôn vững vàng.

Rộng khắp: Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp, xã, phường, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân, đều phải tổ chức dân quân tự vệ, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trường hợp các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không đủ điều kiện (không có tổ chức Đảng) tổ chức dân quân tự vệ nếu có yêu cầu thì giám đốc doanh nghiệp đề nghị và được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) đồng ý thì công dân được tham gia dân quân tự vệ ở địa phương (nơi cư trú). Giám đốc doanh nghiệp phải bảo đảm thời gian và tạo điều kiện cho công nhân tham gia dân quân tự vệ hoạt động.

Coi trọng chất lượng là chính: Chỉ tuyển chọn đưa vào đội ngũ những công dân có lý lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khỏe phù hợp.

b) Tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng dân quân tự vệ

Tổ chức, biên chế dân quân tự vệ

Thôn tổ chức tổ, tiểu đội hoặc trung đội dân quân tại chỗ.

Cấp xã tổ chức trung đội dân quân cơ động. Cấp xã ven biển, đảo tổ chức trung đội dân quân cơ động và tiểu đội hoặc trung đội dân quân biển.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, cấp xã tổ chức khẩu đội cối, tổ hoặc tiểu đội dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; cấp xã trọng điểm về quốc phòng tổ chức tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực.

Cơ quan, tổ chức tổ chức tiểu đội, trung đội, đại đội hoặc tiểu đoàn tự vệ. Cơ quan, tổ chức có phương tiện hoạt động trên biển tổ chức tiểu đội, trung đội, hải đội hoặc hải đoàn tự vệ.

Trên cơ sở tổ chức đơn vị dân quân tự vệ, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân

sự, cấp huyện tổ chức trung đội hoặc đại đội dân quân tự vệ cơ động, trung đội dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, tiểu đội hoặc trung đội dân quân thường trực; cấp tỉnh tổ chức đại đội dân quân tự vệ phòng không, pháo binh; cấp tỉnh ven biển tổ chức hải đội dân quân thường trực.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy mô, tổ chức, biên chế đơn vị dân quân tự vệ; quyết định cấp xã trọng điểm về quốc phòng.

Trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho dân quân tự vệ

Dân quân tự vệ được trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của dân quân tự vệ.

c) Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ

Giáo dục chính trị: Giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ là một nội dung quan trọng hàng đầu, nhằm làm cho dân quân tự vệ nâng cao nhận thức về chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng. Trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ, bảo vệ quê hương, làng xóm, địa phương, đơn vị mình.

Nội dung giáo dục cần tập trung không ngừng tăng cường bản chất cách mạng và ý thức giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ, trên cơ sở đó, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa; mục tiêu lý tưởng của Đảng; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn; quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh, chống “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; công tác quốc phòng địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Một số nội dung cơ bản về Hiến pháp, Pháp luật, Pháp lệnh về dân quân tự vệ, nội dung phương pháp tiến hành vận động quần chúng,...

Huấn luyện quân sự: Hàng năm, lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện theo nội dung, chương trình do Bộ Quốc phòng quy định, nội dung huấn luyện phải phù hợp và sát với cơ sở do chỉ huy quân sự địa phương các cấp xác định cụ thể. Huấn luyện toàn diện cả chiến thuật, kỹ thuật, cả bộ binh và các binh chủng, chuyên môn kỹ thuật,... Thời gian huấn luyện theo quy định của luật.

3. Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân quân tự vệ. Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ gắn với xây dựng cơ sở

vững mạnh toàn diện. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ.

Tóm lại: Dân quân tự vệ là lực lượng chiến đấu tại chỗ ở địa phương, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ở cơ sở, là thành phần không thể thiếu của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

II. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Khái niệm, vị trí, vai trò lực lượng dự bị động viên

a) Khái niệm

Lực lượng dự bị động viên bao gồm quân nhân dự bị và phương tiện, kỹ thuật dự bị được đăng ký, quản lý và sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên để sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội Nhân dân.

Quân nhân dự bị bao gồm sỹ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị được đăng ký theo quy định của Luật Sỹ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự.

Phương tiện kỹ thuật dự bị là tài sản của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, bao gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện đường thủy, phương tiện đường không dân dụng, phương tiện xây dựng cầu đường, phương tiện xây dựng công trình, phương tiện xếp dỡ hàng hóa, phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế và một số loại phương tiện, thiết bị khác được đăng ký theo yêu cầu biên chế của Quân đội Nhân dân.

b) Vị trí, vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

Công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh.

Lực lượng dự bị động viên phối hợp chặt chẽ với dân quân tự vệ, công an,... làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở.

Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Lực lượng dự bị động viên được xây dựng để bổ sung cho lực lượng thường trực của

quân đội. Lực lượng dự bị động viên được xây dựng tốt sẽ làm nòng cốt cho cả xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và cả trong thực hiện chiến lược quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

a) Xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

Việc tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên ở nước ta là một vấn đề hệ trọng, quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đặc biệt khi phải đối phó với chiến tranh quy mô lớn. Do đó, ngay từ thời bình, phải xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu theo kế hoạch đã xác định mới có khả năng giành thắng lợi khi có lệnh động viên.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải có chất lượng cao. Chất lượng cao được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị, tinh thần, tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn nghiệp vụ, trang bị, khả năng bảo đảm hậu cần kỹ thuật. Vì vậy, để có chất lượng cao, yêu cầu đầu tiên là phải xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, trong đó tập trung vào khâu quản lý, giáo dục, tạo nguồn.

Cùng với xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải nâng cao trình độ toàn diện cho cán bộ, chiến sỹ. Việc huấn luyện quân sự cho lực lượng dự bị động viên phải được tiến hành nghiêm túc theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị

Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là cuộc vận động chính trị sâu sắc trong quần chúng để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ chế độ. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, được thể chế hoá bằng các văn bản pháp luật của cơ quan lập pháp, sự điều hành của Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, sự hiệp đồng thực hiện giữa các đơn vị quân đội, cơ quan quân sự với các cơ quan trong hệ thống chính quyền, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội,... và sự chăm lo xây dựng của toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dự bị động viên là từ Trung ương đến cơ sở, được thể hiện trên tất cả các mặt công tác, từ bước chuẩn bị đến thực hành nhiệm vụ động viên.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của mọi công dân để xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh. Đó là yếu tố cơ bản nhất luôn bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu trong mọi tình huống.

c) Xây dựng lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành

Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng dự bị động viên như trên nên xây dựng lực lượng dự bị động viên phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng. Đây là nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm cho lực lượng này luôn có nội dung, phương hướng, mục tiêu xây dựng đúng đắn, nhằm bảo đảm sức mạnh của quân đội đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng lực lượng dự bị động viên được thể hiện trên tất cả các khâu, các bước, từ chuẩn bị đến thực hành động viên lực lượng.

d) Độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình

Độ tuổi sỹ quan dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên thực hiện theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Độ tuổi quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được quy định như sau:

Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi; hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị không quá 35 tuổi được sắp xếp vào đơn vị chiến đấu.

Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sỹ quan, binh sỹ dự bị không quá 45 tuổi; nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi được sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu.

3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

a) Phương thức xây dựng lực lượng dự bị động viên

Phương thức chung: Phát huy khả năng trách nhiệm cao nhất của địa phương, các ngành kinh tế, kết hợp chặt chẽ với khả năng, trách nhiệm đầy đủ của các đơn vị quân đội để tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên. Với phương thức địa phương chuyển việc giao nguồn cho các đơn vị chủ lực sang tổ chức hình thành các đơn vị dự bị động viên theo nhiệm vụ trên giao. Trong đó địa phương thực hiện là chính (trừ vũ khí trang bị và huấn luyện), các đơn vị chủ lực nhận nguồn cung cấp biểu biên chế, phối hợp cùng địa phương tổ chức thực hiện.

Phương thức tổ chức các đơn vị dự bị động viên: Đơn vị biên chế khung thường trực và đơn vị không biên chế khung thường trực.

b) Nội dung xây dựng

Một là; tạo nguồn, đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên

Tạo nguồn: Là cơ sở quan trọng nhất để lập kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

Biện pháp tạo nguồn đối với sỹ quan dự bị, cơ quan quân sự địa phương quản lý chắc số sỹ quan phục viên, xuất ngũ. Hàng năm, lựa chọn những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, phẩm chất năng lực tốt đưa họ vào tạo nguồn. Số cán bộ chuyên môn kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân (y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải,...) có thể phục vụ lợi ích quốc phòng khi có chiến tranh.

Hàng năm, tuyển chọn số hạ sỹ quan có phẩm chất năng lực tốt trước khi xuất ngũ cho

đi huấn luyện, đào tạo họ thành sỹ quan dự bị. Sinh viên từ các trường đại học, sau khi tốt nghiệp được đào tạo thành sỹ quan dự bị. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện liên kết đào tạo theo nhu cầu chuyên môn kỹ thuật. Đào tạo xong có thể chuyển một số sang quân đội, số còn lại đưa vào ngạch lực lượng dự bị động viên.

Đối với hạ sỹ quan, chiến sỹ sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục viên xuất ngũ, có đủ điều kiện về phẩm chất năng lực, sức khoẻ đưa họ vào nguồn. Ngoài ra, đưa cả số thanh niên đã được tuyển chọn xếp vào diện sẵn sàng nhập ngũ, nhưng chưa nhập ngũ vào nguồn quân nhân dự bị.

Đăng ký, quản lý nguồn: Việc đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ và chính xác, đăng ký quản lý cả con người và phương tiện kỹ thuật. Đối với quân nhân dự bị, được tiến hành đăng ký, quản lý tại nơi cư trú, do Ban chỉ huy quân sự xã (phường), ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) thực hiện. Đăng ký quản lý phải chính xác theo từng chuyên ngành quân sự, độ tuổi, loại sức khoẻ, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hoá, nhận thức về chính trị, trình độ hiểu biết về quân sự, chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với phương tiện kỹ thuật, phải đăng ký, quản lý chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kỹ thuật của từng phương tiện.

Hai là, tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên

Tổ chức, biên chế lực lượng dự bị động viên là tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện, kỹ thuật thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lý, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số, trang bị và phương tiện kỹ thuật. Hiện nay, đơn vị dự bị động viên được tổ chức theo các loại hình: Đơn vị biên chế thiếu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ nhân đôi và đơn vị chuyên môn thời chiến.

Khi sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên phải theo nguyên tắc: Sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật phù hợp với chức danh biên chế, nếu thiếu thì sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp quân sự, chuyên môn kỹ thuật tương ứng. Sắp xếp quân nhân dự bị hạng một trước, nếu thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị hạng hai. Sắp xếp những quân nhân dự bị cư trú gần nhau vào từng đơn vị.

Ba là, giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên

Giáo dục chính trị: Giáo dục chính trị là nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng lực lượng dự bị động viên, làm cho cán bộ chiến sỹ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng.

Nội dung giáo dục: Cần tập trung vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta. Giáo dục chính trị phải thường xuyên liên tục cho tất cả các đối tượng; được thực hiện xen kẽ trong từng giai đoạn, từng đợt huấn luyện, diễn tập.

Công tác huấn luyện: Phương châm huấn luyện: “*Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm*”. Nội dung huấn luyện gồm kỹ thuật bộ binh, binh chủng; chiến thuật từng người đến cấp đại đội, công tác hậu cần, băng bó cứu thương và hoạt động chống “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ. Có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở.

Cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt những phương pháp huấn luyện thích hợp sát đối tượng, sát thực tế. Hàng năm, sau khoá huấn luyện, lực lượng dự bị động viên sẽ tham gia hợp luyện, diễn tập. Kết thúc diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục trong các đơn vị.

Cùng với huấn luyện diễn tập, chế độ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được tiến hành theo quy định nhằm giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng lực lượng dự bị động viên để có chủ trương, biện pháp sát đúng.

Bốn là, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên

Vật chất kỹ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm vũ khí trang bị, hậu cần kỹ thuật và tài chính. Yêu cầu phải bảo đảm đúng mức, đủ để triển khai xây dựng lực lượng dự bị động viên chất lượng ngày càng cao. Việc bảo đảm vật chất, kinh phí hàng năm do Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ ngành, địa phương thực hiện.

4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên

Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về vị trí, nhiệm vụ, những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên.

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

Tóm lại, xây dựng lực lượng dự bị động viên có vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị ở nước ta.

III. ĐỘNG VIÊN QUỐC PHÒNG

1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên quốc phòng

a) Khái niệm

Động viên quốc phòng là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng quốc phòng, nhằm huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương,... phục vụ cho quốc phòng, nhằm

giành thế chủ động, bảo toàn, phát huy tiềm lực mọi mặt của quốc gia, duy trì, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Khái niệm trên thể hiện khái quát một số nội dung chính sau đây:

Động viên quốc phòng được chuẩn bị từ thời bình, là việc làm thường xuyên từ Trung ương đến địa phương. Động viên quốc phòng không áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Có thể tổng động viên hoặc động viên cục bộ: Chiến tranh tương lai nếu xảy ra là một cuộc chiến tranh hiện đại, đối phương chủ yếu sử dụng vũ khí công nghệ cao, bất ngờ, tiến công từ xa vào các mục tiêu trọng yếu trên phạm vi cả nước, bằng pháo binh, không quân, tên lửa hành trình... Vì vậy, động viên quốc phòng chúng ta phải được chuẩn bị từ thời bình, bảo đảm cho đất nước luôn ở trạng thái sẵn sàng đáp ứng được với mọi tình huống.

b) Nguyên tắc động viên quốc phòng

Động viên quốc phòng được tiến hành trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư thêm trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị cho quân đội.

Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên quốc phòng cho các doanh nghiệp công nghiệp phải bảo đảm tính đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội và phù hợp với năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị của doanh nghiệp.

Nhà nước bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp, người lao động trong chuẩn bị và thực hành động viên quốc phòng.

c) Yêu cầu động viên quốc phòng

Chuẩn bị và thực hành động viên quốc phòng phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch, nhanh chóng tăng cường sức mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh.

Đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ động viên quốc phòng. Trước hết về kế hoạch động viên quốc phòng của các cấp, theo quy định của Nhà nước thuộc tài liệu tuyệt mật, vì vậy việc xây dựng, quản lý, khai thác kế hoạch phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật; các doanh nghiệp công nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện chế độ quản lý, sử dụng, bảo mật theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, việc bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả là một yêu cầu rất quan trọng, nhất là trong điều kiện ngân sách bảo đảm cho động viên quốc phòng của Nhà nước và Bộ quốc phòng còn nhiều hạn hẹp. Khi có lệnh thực hành động viên, nếu không bảo đảm đủ số lượng, đúng thời gian quy định theo kế hoạch được giao sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của quân đội.

Chuẩn bị và thực hành động viên quốc phòng phải bảo đảm cho yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của các địa phương trong thời chiến. Đây là một yêu cầu rất quan

trọng trong chuẩn bị và thực hành động viên xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của các địa phương trong thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Trên đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả của công tác động viên quốc phòng. Vì vậy, kế hoạch động viên quốc phòng của các cấp các ngành phải theo đúng quy định của Nhà nước thuộc tài liệu mật, phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

2. Một số nội dung động viên quốc phòng

a) Chuẩn bị động viên quốc phòng

Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị, nội dung khảo sát gồm:

Đặc điểm tình hình, cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác; nhiệm vụ sản xuất, công suất thiết kế, công suất thực tế; số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có; phương hướng sản xuất và đổi mới công nghệ. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của quân đội và kết quả khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp Chính phủ quyết định các doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện động viên quốc phòng.

Xây dựng kế hoạch động viên quốc phòng, nội dung gồm:

Quyết định của Bộ, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, tổng công ty; kế hoạch thông báo quyết định động viên quốc phòng; quyết định di chuyển địa điểm; kế hoạch chỉ huy điều hành; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên quốc phòng; kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên quốc phòng (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học; kế hoạch bảo đảm kinh phí cho động viên quốc phòng.

Trên cơ sở kế hoạch của cấp trên, các doanh nghiệp công nghiệp lập kế hoạch động viên quốc phòng cho doanh nghiệp mình.

Nội dung gồm: Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị do Nhà nước giao; kế hoạch thông báo quyết định động viên quốc phòng; kế hoạch di chuyển địa điểm; kế hoạch chỉ huy điều hành; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên quốc phòng; kế hoạch sản xuất, sửa chữa trang bị; kế hoạch ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên quốc phòng (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học; kế hoạch bảo đảm kinh phí.

Giao chỉ tiêu động viên quốc phòng; hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị; quản lý, duy trì dây chuyền sản xuất; bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động, diễn tập động viên quốc phòng và dự trữ vật chất.

b) Thực hành động viên quốc phòng

Nội dung thực hành động viên quốc phòng gồm các bước sau đây: Quyết định và thông báo quyết định động viên quốc phòng (do Chính phủ quy định); tổ chức di chuyển địa điểm đối với doanh nghiệp công nghiệp phải di chuyển; tổ chức bảo đảm vật tư, tài chính; tổ chức

thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị; giao, nhận sản phẩm động viên quốc phòng.

3. Một số biện pháp chính thực hiện động viên quốc phòng

Nhà nước, Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổng công ty, thực hiện nghiêm Pháp lệnh động viên quốc phòng. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổng công ty phối hợp hiệp đồng chặt chẽ thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ động viên quốc phòng.

Các Bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương, các tổng công ty cần quán triệt sâu sắc cho cán bộ, công nhân viên về Pháp lệnh, Nghị định, các văn bản hướng dẫn về động viên quốc phòng của Nhà nước, Chính phủ.

Các doanh nghiệp công nghiệp được lựa chọn và giao chỉ tiêu động viên quốc phòng cần chủ động lập kế hoạch động viên quốc phòng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, chỉ tiêu trên giao.

Tóm lại, động viên quốc phòng là một vấn đề lớn có tính chiến lược của quốc gia để đất nước chủ động trong mọi tình huống trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, hơn lúc nào hết ngay từ thời bình, công tác động viên quốc phòng phải được sự quan tâm một cách đầy đủ của toàn xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phương châm xây dựng dân quân tự vệ theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”? Anh (chị) hiểu vấn đề này như thế nào? Tại sao phải coi trọng chất lượng là chính?

2. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên hiện nay như thế nào? Anh (chị) có suy nghĩ gì để góp phần nâng cao chất lượng tạo nguồn dự bị động viên ở các địa phương trong tình hình hiện nay?

3. Những nguyên tắc động viên quốc phòng của Đảng và Nhà nước ta như thế nào? Hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay và trong tương lai có tác động như thế nào đến tổ chức và thực hành động viên quốc phòng?

Chuyên đề

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

1. Khái niệm

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc từng bước phát

triển, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn. Dù có những tên gọi, nội dung, hình thức, phạm vi hoạt động khác nhau nhưng về bản chất phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là *hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo quần chúng nhân dân tham gia xây dựng, quản lý nền an ninh, trật tự, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động và tội phạm nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, tự an toàn xã hội.*

Nội hàm khái niệm phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc bao gồm:

Một là, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức tập hợp quần chúng nhân dân.

Hai là, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được hình thành trên cơ sở tự giác của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự.

Ba là, mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là xây dựng, quản lý nền an ninh, trật tự, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động và tội phạm nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tự giác tham gia công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Tính đông đảo được đánh giá trên phạm vi địa bàn và trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến an ninh, trật tự. Có khi, trong phạm vi một xã thì có phong trào, nhưng xét rộng ra cả huyện hoặc cả tỉnh, tỷ lệ quần chúng tham gia chưa phải là đa số thì huyện, tỉnh đó chưa có phong trào.

Tính tự giác thể hiện ở thái độ kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Thái độ đó xuất phát từ nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của bản thân, và trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Trên cơ sở đó, mỗi cá nhân nảy sinh ý thức tự giác tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đóng góp sức lực của mình vào sự phát triển của phong trào, thực hiện các nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự dưới sự chỉ đạo thống nhất, tập trung.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được tổ chức chặt chẽ, thống nhất, khoa học, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, hướng dẫn chuyên môn của lực lượng Công an Nhân dân.

Mặc dù có sức mạnh to lớn nhưng quần chúng nhân dân là tập hợp không đồng đều về nhận thức, khác nhau về phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt, vùng miền, giới tính..., từ đó làm phân tán, suy giảm nguồn lực. Để đảm bảo tính thống nhất, khoa học và hiệu quả, đòi hỏi sức mạnh đó phải được tổ chức, lãnh đạo một cách chặt chẽ, khoa học, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước nhằm định hướng giải quyết những nhiệm vụ chính trị cụ thể

trong từng thời kỳ. Thông qua công tác quản lý của Nhà nước, đảm bảo các chính sách, chế độ đối với quần chúng khi tham gia phong trào.

- Trên các địa bàn, lĩnh vực khác nhau, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có những biểu hiện khác nhau

Do đặc thù về vị trí địa lý, đặc điểm, phong tục tập quán, điều kiện, hoàn cảnh kinh tế - xã hội... ở mỗi địa bàn có sự khác biệt, đòi hỏi phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có sự linh hoạt, uyển chuyển cho phù hợp với đối tượng vận động: đồng bào theo tôn giáo, đồng bào không theo tôn giáo; đồng bào ở vùng hải đảo với đồng bào ở đất liền; đồng bào vùng nông thôn với đồng bào vùng thành thị; đồng bào các dân tộc thiểu số...

3. Vai trò

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc góp phần huy động, tập hợp sức mạnh từ quần chúng nhân dân phục vụ sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là hình thức vận động quần chúng nhân dân ở mức độ cao, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, hướng dẫn nghiệp vụ của lực lượng Công an Nhân dân. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc huy động quần chúng nhân dân trực tiếp tham gia phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh chống tội phạm, giảm thiểu tai nạn và đẩy lùi tệ nạn xã hội. Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, lực lượng Công an có điều kiện triển khai sâu rộng các công tác nghiệp vụ, nâng cao ý thức cảnh giác của nhân dân, tạo sức “tự đề kháng” đối với các hoạt động phá hoại tư tưởng, kích động biểu tình, phá rối an ninh...

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có vai trò đặc biệt quan trọng đối với quần chúng nhân dân vừa phát huy quyền làm chủ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, vừa tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao nhận thức, trình độ và sự giác ngộ cách mạng.

Quần chúng nhân dân mang sức mạnh to lớn, vĩ đại nhưng luôn dưới dạng tiềm ẩn, tiềm năng và tiềm tàng, đòi hỏi phải được khơi dậy, tập hợp và định hướng vào thực hiện những nhiệm vụ chính trị cụ thể. Mỗi cá nhân dù có nhiệt thành cách mạng, tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự nhưng không biết cách phát huy thì sẽ không trở thành nguồn lực mạnh mẽ, thậm chí còn có thể phản tác dụng. Từ đó, đòi hỏi phải có một phong trào có sức quy tụ, tập hợp được những cá nhân có ý thức, tinh thần tự giác, nhiệt thành cách mạng. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát huy quyền làm chủ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của quần chúng nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân, cùng nhân dân giải quyết những vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG TA VỀ PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

1. Quán triệt quan điểm “lấy dân làm gốc” trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là vấn đề chiến lược, thực hiện theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, điều hành; mặt trận Tổ quốc tập hợp lực lượng; các ban, ngành đoàn thể và toàn thể nhân dân tích cực; lực lượng Công an tham mưu, hướng dẫn.

3. Đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ của công dân vừa là yêu cầu, nội dung, vừa là phương pháp cơ bản xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

4. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải gắn liền và phục vụ nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội và các cuộc vận động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước.

5. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với tấn công, trấn áp tội phạm, kết hợp tính tích cực của quần chúng với các biện pháp nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn.

III. CHỦ THỂ, TỔ CHỨC XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

1. Chủ thể xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Xây dựng, phát triển phong trào là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, sự tham gia, phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, tính tích cực của quần chúng nhân dân.

Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từ Trung ương đến cơ sở phải xác định công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, hàng năm đề ra chương trình, kế hoạch để thực hiện có hiệu quả, gắn với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện.

Người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và chịu trách nhiệm về tình hình an ninh, trật tự ở đơn vị, địa phương. Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm tự giác thực hiện, đồng thời chủ động tuyên truyền, giáo dục, vận động gia đình và nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Tổ chức xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

a) Nội dung vận động xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Vận động quần chúng nhận thức đúng, tự giác chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho quần chúng, đấu tranh làm thất bại mọi âm

mưu và phương thức, thủ đoạn chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, phản động và tội phạm.

Nâng cao lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh, trật tự: Bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ nội bộ...

Vận động quần chúng tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, hòa giải mâu thuẫn nội bộ...

Vận động quần chúng xây dựng gia đình văn hóa, phường, xã, cơ quan, doanh nghiệp, trường học thành đơn vị an toàn, cụm an toàn, tuyến an toàn.

Vận động quần chúng tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể tại cơ sở vững mạnh

Vận động quần chúng xây dựng và mở rộng liên kết, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương như: vận động xoá đói giảm nghèo, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa mới....

b) Quy trình xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Nắm tình hình; xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tổ chức tuyên truyền, giáo dục; xây dựng hạt nhân làm nòng cốt của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng các tổ chức, mô hình bảo vệ an ninh, trật tự; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; rà soát khắc phục, loại bỏ những mô hình thiếu hiệu quả, hình thức.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN TRONG VIỆC THAM GIA XÂY DỰNG PHONG TRÀO BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

1. Nhận thức đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh, trật tự của Tổ quốc

Đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển đất nước.

Nhận thức được sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân trong đó lực lượng công an làm nòng cốt; là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, lâu dài và cần phải huy động sức mạnh của toàn xã hội trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Chăm chỉ học tập và rèn luyện; gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước và những quy định của nhà trường, địa phương. Phát hiện và đấu tranh với những hiện tượng, hành vi tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh, trật tự ở nhà trường và địa phương.

2. Tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú

Tích cực tham gia vào các hoạt động của nhà trường, đoàn thanh niên hoặc của địa phương tổ chức. Không xem, đọc, lưu truyền các văn hóa phẩm độc hại; không nghe, không bình luận các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc nói xấu Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch. Không tự ý thành lập và tham gia các tổ chức chính trị, các tổ chức khác trái pháp luật. Phát hiện và đề nghị với nhà trường, cơ quan chính quyền các hành vi tệ nạn xã hội, các hoạt động xâm hại đến an ninh, trật tự. Gương mẫu chấp hành pháp luật Nhà nước và các quy định về lĩnh vực an ninh, trật tự và các quy định khác.

3. Tích cực tham gia các phong trào bảo vệ an ninh, trật tự của địa phương

Sự đóng góp chung của tất cả mọi thành viên trong cộng đồng sẽ tạo nên sức mạnh của phong trào toàn dân ở từng cụm dân cư, từng phường, xã, khu vực,... hoạt động này phải trở thành ý thức tự giác của mỗi người dân, trong sinh viên có vai trò quan trọng. Sinh viên phải tích cực tham gia các phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương. Thông qua các hoạt động của Đoàn thanh niên, các hoạt động khác của nhà trường để lồng ghép các nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

4. Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng, chống tội phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà trường và nơi cư trú, kịp thời cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết

Những hành vi vi phạm pháp luật hiện nay thường xảy ra ở khu dân cư: Tuyên truyền, phát tán các tài liệu phản động, văn hóa phẩm đồi trụy; đánh nhau, gây rối trật tự công cộng; mang theo chất cháy, chất nổ, chất độc, vũ khí thô sơ đến trường; mua bán, sử dụng ma túy; tụ tập đua xe, đánh bạc...

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc? Liên hệ trách nhiệm bản thân?
 2. Tại sao Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?
 3. Phân tích làm rõ vị trí tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc? Liên hệ trách nhiệm bản thân?
-

Chuyên đề

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Khái niệm, tính chất, mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

a) Khái niệm

Khái niệm an ninh quốc gia, bảo vệ an ninh quốc gia

An ninh là thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, chính trị...) với nhiều cấp độ (con người, quốc gia, khu vực, quốc tế). An ninh được hiểu là sự an toàn, ổn định của một chủ thể trước những mối đe dọa, nguy cơ đe dọa.

Nghiên cứu khái niệm an ninh quốc gia cần xem xét trên cơ sở khách quan, khoa học và trong mối quan hệ tổng hợp các lợi ích và mâu thuẫn giữa các tập đoàn người trong xã hội, quan hệ giữa các nước, các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, thông tin, môi trường, tâm lý, lịch sử và nhiều tố khác có liên quan. Khi nghiên cứu khái niệm an ninh quốc gia là cần xác định rõ lợi ích quốc gia, nội dung, tính chất, mức độ ưu tiên của chúng và chỉ ra các nguy cơ tiềm ẩn và thực tế đe dọa an ninh quốc gia.

Theo Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định: “*An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*”. An ninh quốc gia có phạm vi bao trùm trên tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội, trong đó an ninh chính trị và an ninh lãnh thổ là cốt lõi.

Bảo vệ an ninh quốc gia cũng được nhận diện trên khía cạnh từng quốc gia nhằm đảm bảo những lợi ích cốt lõi, duy trì sự ổn định và phát triển. Theo Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định, “*Bảo vệ an ninh quốc gia là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia*”.

Khái niệm trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Theo Từ điển Bách khoa Công an Nhân dân Việt Nam, năm 2005: “*Trật tự, an toàn xã hội là trạng thái xã hội bình yên, trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lý xác định*”.

Trật tự, an toàn xã hội là vấn đề xã hội, là sản phẩm có ý thức của một xã hội có tổ chức, được hình thành dưới sự điều chỉnh có định hướng của pháp luật, thuần phong mỹ tục của quốc

gia đó. Sự điều chỉnh đó nhằm giới định lại hoạt động con người, đảm bảo sự ổn định và bền vững của kết cấu xã hội. Có nhiều nội dung tạo nên một trạng thái xã hội bình yên, có trật tự, kỷ cương, bao gồm: tội phạm hình sự được kiềm chế; tai nạn (giao thông, lao động...) được hạn chế; trật tự công cộng (những quy định chung về trật tự, vệ sinh, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận, tình trạng yên ổn, có trật tự, tôn trọng lẫn nhau, lượng lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người) được đảm bảo; tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm, mê tín, dị đoan) bị đẩy lùi...

Theo Luật Công an Nhân dân năm 2018 “*Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội*”.

Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với bảo vệ an ninh quốc gia, là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân và của toàn xã hội, trong đó Nhà nước là chủ thể chính, có trách nhiệm tổ chức và duy trì các hoạt động trong xã hội, huy động mọi nguồn lực để các thiết chế đảm bảo trật tự, an toàn xã hội được tuân thủ.

b) Tính chất

Tính gay go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài: Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc nên kế thừa đầy đủ tính chất của cuộc đấu tranh này. Đây là cuộc đấu tranh một mất, một còn giữa lực lượng cách mạng với lực lượng phản cách mạng; giữa cái thiện và các giá trị truyền thống với cái ác và các sai lệch trong chuẩn mực đạo đức xã hội; giữa bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc với âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, tội phạm.

Cuộc đấu tranh không thể giành thắng lợi một sớm một chiều, mà diễn ra dai dẳng và lâu dài đòi hỏi quá trình đấu tranh gắn chặt với quá trình xây dựng, tạo tiềm lực, nguồn lực mạnh mẽ. Cần lưu ý rằng, đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là các thế lực thù địch với nguồn lực dồi dào, có ưu thế kinh tế, khoa học kỹ thuật... cùng với đó là chiến lược dài hạn nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể.

Tính quần chúng: Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là sự nghiệp cách mạng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, quần chúng nhân dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng bị xâm hại hoặc đe dọa bị xâm hại.

Tính chính trị trực tiếp: Tính chính trị trực tiếp phản ánh bản chất công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là gắn bó chặt chẽ với sự tồn vong của chế độ chính trị, sự hưng vong của quốc gia. Sự thất bại của công tác này sẽ dẫn đến sự sụp đổ chế độ, tan vỡ quốc gia, ly tán dân tộc.

Cùng với đó, tính chính trị trực tiếp còn thể hiện ở mục đích phản ánh trong âm mưu và

hoạt động của các thế lực thù địch, phản động và tội phạm. Dù trực tiếp hay gián tiếp các âm mưu và hoạt động đó đều gây sứt mẻ chế độ chính trị, làm lung lay sự ổn định của xã hội.

Tính pháp chế: Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nên mọi hoạt động đều tuân thủ pháp luật, trong đó bao gồm cả công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Các chủ thể trong quá trình tiến hành công tác phải căn cứ vào quy định của pháp luật để xác định đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đồng thời sử dụng pháp luật là công cụ hữu hiệu để đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động và tội phạm.

Tính quốc tế: Toàn cầu hóa đang trở thành xu thế tất yếu, khách quan, tác động sâu sắc và toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đặt ra yêu cầu hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhiều vấn đề về an ninh, trật tự không là vấn đề riêng của một quốc gia và tiềm lực một quốc gia cũng không thể tự giải quyết, đòi hỏi phải có sự hợp tác cùng giải quyết giữa hai hoặc nhiều quốc gia mới đạt hiệu quả cao.

c) Mục tiêu

Mục tiêu chung của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được thể hiện trong các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước như: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được thông qua tại Đại hội XI của Đảng ta, Văn kiện đại hội Đảng khóa XII...

Có thể khái quát các mục tiêu chung là: Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân; tạo thế chủ động chiến lược, đẩy lùi, ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch; giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội và môi trường hoà bình, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

a) Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

Bảo vệ an ninh chính trị: Bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bảo vệ vai trò quản lý xã hội của Nhà nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng biến dạng, lệch hướng trong quá trình tổ chức thực hiện, can thiệp, điều chỉnh hệ thống pháp luật; bảo vệ bí mật Nhà nước; bảo vệ các mục tiêu chính trị quan trọng.

Bảo vệ an ninh kinh tế: Bảo vệ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên lĩnh vực kinh tế, đảm bảo nền kinh tế phát triển lành mạnh, đúng định hướng

nhất; bảo vệ bí mật nhà nước trên lĩnh vực kinh tế; bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế; bảo vệ đội ngũ cán bộ, trí thức có trình độ cao, các chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực kinh tế, đội ngũ cán bộ quản lý, tham mưu, hoạch định chính sách kinh tế; đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động xâm hại an ninh kinh tế.

Bảo vệ an ninh tư tưởng - văn hóa: Bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tăng cường nghiên cứu, phát triển lý luận để phù hợp với tình hình mới; bảo vệ truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đấu tranh có hiệu quả với hoạt động phá hoại tư tưởng, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, xuống cấp về văn hóa, đạo đức, lối sống; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với hoạt động văn hóa nghệ thuật, phát thanh, truyền hình, viễn thông.

Bảo vệ an ninh trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Tăng cường bản chất chính trị của lực lượng vũ trang, bảo đảm lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; phòng, chống các hoạt động thâm nhập nội bộ lực lượng vũ trang âm mưu “phi chính trị hóa” của các thế lực thù địch, phản động, tội phạm; bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật của sự nghiệp an ninh, quốc phòng; bảo vệ bí mật Nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, đối ngoại; bảo vệ đội ngũ cán bộ cốt cán, cán bộ nắm giữ bí mật Nhà nước trong lực lượng vũ trang và cơ quan đối ngoại.

Bảo vệ an ninh lãnh thổ: Bảo vệ an ninh lãnh thổ là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động xâm hại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để bảo vệ an ninh lãnh thổ phải giải quyết tốt các vấn đề sau: Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, trật tự tại tuyến biên giới, hải đảo; chủ động giải quyết các tranh chấp về biên giới lãnh thổ với các nước láng giềng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bằng phương pháp hòa bình, tránh đối đầu, không để xảy ra xung đột, chiến tranh biên giới; kiên quyết, kiên trì mục tiêu giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trong các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; tăng cường công tác phòng, chống tội phạm tại khu vực biên giới, hải đảo; tăng cường tiềm lực, trang bị cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh, trật tự tại biên giới, xây dựng quy chế phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng trong bảo vệ an ninh biên giới, lãnh thổ.

b) Nội dung bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Phòng, chống tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân tôn trọng, chấp hành pháp luật, nhằm xây dựng xã hội an ninh, an toàn, trật tự, văn minh, nề nếp và thân thiện.

Kịp thời làm rõ nguyên nhân, khắc phục những tồn tại hạn chế, khó khăn, bất cập và

điều kiện nảy sinh tội phạm. Xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ việc phức tạp nảy sinh về an ninh, trật tự ngay từ cơ sở, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Đẩy lùi tội phạm, giảm các loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, không để tội phạm lộng hành, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm về kinh tế, tham nhũng, ma túy, môi trường, tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên, tội phạm liên quan trực tiếp đến sự suy thoái đạo đức gia đình, xã hội...

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật phòng, chống tội phạm; tiếp thu có chọn lọc tính tích cực các hương ước, quy tắc của cộng đồng dân cư trong phòng, chống tội phạm và đảm bảo an ninh, trật tự cơ sở.

Giảm tỷ lệ tái phạm tội trong số người chấp hành xong án phạt tù.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và cán bộ làm công tác thi hành án hình sự; đảm bảo nguồn lực (nhân lực, vật lực) cho công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm.

- Phòng, chống tệ nạn xã hội

Phòng, chống tệ nạn xã hội là nội dung quan trọng, là bộ phận cấu thành của Chiến lược phát triển đất nước, phục vụ nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh, tạo môi trường xã hội ổn định, lành mạnh, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Sử dụng đồng bộ các biện pháp để phòng, chống tệ nạn xã hội. Kết hợp giữa phòng ngừa và đấu tranh trấn áp, lấy phòng ngừa là chính. Coi trọng công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa từ gia đình và cơ sở.

Khắc phục căn bản nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, tồn tại và phát triển của các tệ nạn xã hội, trước hết là các nguyên nhân, điều kiện do những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế, xã hội... Nâng cao hiệu quả quản lý một số lĩnh vực dịch vụ kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự.

Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong phòng, chống tệ nạn xã hội.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội

Quản lý về cư trú.

Cấp phát, quản lý giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

Quản lý về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa.

Quản lý về phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Phòng ngừa tai nạn

Hoàn thiện các văn bản pháp luật về an toàn xã hội, nhất là an toàn giao thông, an toàn cháy nổ, an toàn lao động...

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của nhân dân trong chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn cháy nổ.

Tăng cường xử lý những hành vi vi phạm các quy định về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn cháy nổ...

II. ĐỐI TÁC VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐẤU TRANH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Trong tình hình hiện nay, cần có cách nhìn nhận mới và thống nhất về vấn đề đối tác và đối tượng đấu tranh theo nguyên tắc:

Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta.

Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh.

Mặt khác, trong tình hình diễn biến mau chóng và phức tạp hiện nay, cần có cách nhìn nhận biện chứng: Trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên cơ sở đó, cần khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và trong xử lý các tình huống cụ thể.

Trong hoạt động thực tiễn, chúng ta phải thường xuyên đấu tranh với các cơ quan tình báo nước ngoài hoạt động phương hại đến an ninh quốc gia của nước ta; các trung tâm thông tin chống phá Việt Nam; các tổ chức và bọn phản động người Việt lưu vong; các đối tượng phản động ở trong nước và bọn tội phạm hình sự nguy hiểm.

Để xác định đúng các đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự cần dựa vào các căn cứ sau: Căn cứ vào nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh của cách mạng trong từng giai đoạn; căn cứ vào nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, bảo vệ chủ

nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay; căn cứ vào thực tế hoạt động của các loại đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội từ trước đến nay ở nước ta.

1. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia

Có nhiều đối tượng cụ thể, trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với các đối tượng sau:

Gián điệp: Gián điệp là người Việt Nam hay người nước ngoài, hoạt động cá nhân hay có tổ chức, chịu sự chỉ huy của nước ngoài để tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tình báo, gây cơ sở bí mật và phá hoại nhằm chống lại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Phản động: Phản động là những cá nhân hay tổ chức có âm mưu và hoạt động phản cách mạng chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng không chịu sự chỉ huy của nước ngoài.

Trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với những đối tượng sau:

Các tổ chức và cá nhân phản động trong số người Việt Nam ở nước ngoài đang có những hoạt động chống Việt Nam; bọn phản động lợi dụng tôn giáo; bọn phản động lợi dụng dân tộc ít người, nhất là bọn có sự câu kết của các lực lượng phản động bên ngoài; bọn phản động trong ngũ quân, ngũ quyền, đảng phái phản động cũ không chịu cải tạo; bọn có tư tưởng, quan điểm sai trái, những phần tử trong nội bộ bất mãn thoái hoá biến chất trở thành phản động, chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội; số cơ hội chính trị.

2. Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội

Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội là những người có hành vi phạm tội gây thiệt hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân, đến tính mạng sức khỏe và danh dự, phẩm giá của con người, đến trật tự, an toàn xã hội nhưng không có mục đích chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong các đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội hiện nay có những người phạm tội nhất thời, có đối tượng phạm tội chuyên nghiệp, với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau.

Các đối tượng này bao gồm: Các đối tượng xâm phạm trật tự xã hội (tội phạm hình sự); các đối tượng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chức vụ (tội phạm kinh tế); các đối tượng về ma tuý (tội phạm ma tuý).

Trong số các đối tượng trên cần tập trung vào đấu tranh với các đối tượng: Tội phạm kinh tế, nhất là tội phạm tham nhũng, buôn lậu, sản xuất tàng trữ và tiêu thụ tiền giả; tội phạm về ma tuý; tội phạm hình sự, tập trung vào tội phạm hoạt động có tổ chức, lưu manh chuyên nghiệp, sử dụng bạo lực, tội phạm có quan hệ với nước ngoài.

III. QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG CHÂM, NGUYÊN TẮC TRONG BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Quan điểm chỉ đạo trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã

hội

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Phương châm chỉ đạo trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Kiên định mục tiêu, nguyên tắc chiến lược, mềm dẻo, linh hoạt về sách lược, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của nhân trong nước, dư luận quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa chủ động phòng ngừa với chủ động tiến công, lấy chủ động phòng ngừa, giữ vững bên trong là chính. Chú trọng cả hai nhiệm vụ “xây” và “chống”, trong đó lấy xây dựng là chính.

3. Nguyên tắc trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

IV. CHỦ THỂ, GIẢI PHÁP BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Chủ thể bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng hoạch định đường lối, chính sách và phương pháp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xác định những phương hướng cơ bản, củng cố, phát triển tiềm lực quốc gia và nâng cao sức mạnh, khả năng chiến đấu của lực lượng Công an Nhân dân và Quân đội Nhân dân; lãnh đạo quá trình triển khai nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong từng giai đoạn cách mạng; lãnh đạo xây dựng bộ máy tổ chức, xác định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức; tạo ra cơ chế phối hợp, các điều kiện đảm bảo cho công tác, chiến đấu của lực lượng quân đội, công an.

Chính phủ: Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất, chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện chính sách, pháp luật nhằm xây dựng lực lượng Công an Nhân dân chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; Tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật xây dựng nền an ninh nhân dân, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện chính sách ưu đãi, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần và chính sách đối với cán bộ, chiến sỹ Công an Nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức khác: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, động viên nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội của tổ chức, cá nhân.

Lực lượng Công an Nhân dân: Công an Nhân dân là cơ quan chuyên trách, là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, có chức năng tham mưu cho Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Quần chúng Nhân dân: Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo nhất trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Công dân có quyền và nghĩa vụ: Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật; Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội khắc phục sơ hở, thiếu sót...

2. Giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
- Tăng cường công tác bảo vệ an ninh tư tưởng, văn hóa, an ninh thông tin, truyền thông.
- Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh xã hội.
- Tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm; phối hợp với quân đội, các ngành tư pháp, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền địa phương trong bảo vệ an ninh, trật tự.
- Tiếp tục củng cố, mở rộng, phát triển quan hệ hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- Rà soát, xây dựng và đề xuất hoàn thiện các văn bản pháp luật.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nhận thức của anh (chị) về quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội? Ý nghĩa thực tiễn rút ra đối với bản thân?
2. Anh (chị) hãy phân tích nội dung công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở nước ta hiện nay?

3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hiện nay?